SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỮU NGHỊ 103

Số: **506**/QĐ-BVHN103

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 24 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc áp dụng giá dịch vụ kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỮU NGHỊ 103

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 21/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế quy định danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định 3147/QĐ-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2014 của Bộ Y tế về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật chuyên môn đối với Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103; Quyết định số 7363/QĐ-BYT ngày 12/12/2018 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn đối với Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103 và Quyết định số 6104/QĐ-BYT ngày 27/12/2019 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phê duyệt bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật đối với Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103; Quyết định số 4477/QĐ-BYT ngày 12/12/2023 của Bộ Y tế về việc phê duyệt danh mục chuyên môn kỹ thuật bổ sung đối với Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103; Quyết định 3579/QĐ-BYT ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Bộ Y tế về việc về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung danh mục kỹ thuật đối với Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103 và Quyết định số 1505/QĐ-SYT ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Lào Cai về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh,

chữa bệnh do bổ sung danh mục kỹ thuật đối với Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103 thuộc chi nhánh Công ty cổ phần Hữu Nghị Quốc Tế Bệnh viện Hữu Nghị 103;

Căn cứ Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 116/BYT-GPHĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-CTCPQT ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Công ty cổ phần Hữu Nghị quốc tế về việc ban hành Quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp và Trưởng phòng Quản lý khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá dịch vụ kỹ thuật

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Áp dụng giá dịch vụ kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103, gồm:

- Giá dịch vụ khám bệnh, hội chẩn quy định tại Phụ lục I.

- Giá dịch vụ ngày giường bệnh quy định tại Phụ lục II.

- Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm quy định tại Phụ lục III.

- Giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ theo quy định tại Phụ lục IV. Chi phí thuốc và oxy thanh toán với cơ quan bảo hiểm xã hội và người bệnh theo thực tế sử dụng và kết quả mua sắm của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Áp dụng giá theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Giá dịch vụ khám bệnh, hội chẩn tại phụ lục I (áp dụng cho Trung tâm Y tế khu vực Văn Yên).

- Giá dịch vụ ngày giường bệnh tại phụ lục II (áp dụng cho Trung tâm Y tế khu vực Văn Yên).

- Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 3 và

Bệnh viện Đa khoa số 4, các Bệnh viện Đa khoa khu vực và Trung Tâm Y tế khu vực tại phụ lục III.3 (3292 dịch vụ). Giá dịch vụ kỹ thuật, xét nghiệm áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 1 và Bệnh viện Đa khoa số 2 tại phụ lục III.1 (102 dịch vụ).

- Giá dịch vụ kỹ thuật bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 3 và Bệnh viện Đa khoa số 4, các Bệnh viện Đa khoa khu vực và Trung tâm Y tế khu vực tại phụ lục IV.3 (453 dịch vụ). Giá dịch vụ kỹ thuật bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm chi phí thuốc và oxy sử dụng cho dịch vụ áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa số 1 và Bệnh viện Đa khoa số 2 tại phụ lục IV.1 (03 dịch vụ).

Điều 2: Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Quyết định số 420/QĐ-BVHN103 ngày 28/11/2025; Quyết định số 452/QĐ-BVHN103 ngày 05/12/2025; Quyết định số 478/QĐ-BVHN103 ngày 16/12/2025 về việc áp dụng giá dịch vụ kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với người bệnh đang điều trị tại Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103 trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực, nếu ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú sau thời điểm Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục được áp dụng mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh Bệnh viện đã ban hành theo quy định trước thời điểm thực hiện mức giá theo quy định tại Quyết định này cho đến khi ra viện hoặc kết thúc đợt diều trị ngoại trú.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Các ông (bà) Giám đốc Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103; Trưởng phòng nghiệp vụ, chuyên môn; Trưởng các khoa; cán bộ, nhân viên, người lao và đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Y tế tỉnh Lào Cai (để b/c);
- Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai (để b/c);
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 5200627012-002-C.T.C.P
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỮU NGHỊ 103
P.YÊN BÁI - T.LÀO CAI

Lê Hồng Đức

Phụ lục I

GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, HỘI CHẨN
TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỮU NGHỊ 103
(Kèm theo Quyết định 506 /QĐ-BVHN103 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị được phê duyệt	Mức giá
I	**Danh mục BHYT thanh toán**		
1	Giá Khám bệnh	Trung tâm Y tế khu vực Văn Yên	45.000
2	Hội chẩn để xác định ca bệnh khó (chuyên gia/ca; Chỉ áp dụng đối với trường hợp mời chuyên gia đơn vị khác đến hội chẩn tại cơ sở khám, chữa bệnh).	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	200.000
II	**Danh mục không thuộc Quỹ BHYT thanh toán nhưng không phải là DV theo yêu cầu**		
1	Khám cấp giấy chứng thương, giám định y khoa (không kể xét nghiệm, X-quang)	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	160.000
2	Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang)	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	160.000
3	Khám sức khỏe toàn diện cho người đi xuất khẩu lao động (không kể xét nghiệm, X-quang)	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	450.000

Phụ lục II

GIÁ DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG BỆNH
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỮU NGHỊ 103

(Kèm theo Quyết định 506/ QĐ-BVHN103 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103)

Đơn vị: đồng

Số TT	Các loại dịch vụ	Đơn vị được phê duyệt	Mức giá
1	**Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu**	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	418.500
2	**Ngày giường bệnh Nội khoa:**		
2,1	**Loại 1**: Các chuyên khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	257.100
2,2	**Loại 2**: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	222.300
2,3	**Loại 3:** Các chuyên khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	177.300
3	**Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng**		
3,1	**Loại 1** : Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	341.800
3,2	**Loại 2** : Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	301.600
3.3	**Loại 3** : Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	269.200

3,4	**Loại 4** : Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	229.200
			Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng
4	**Ngày giường điều trị ban ngày**	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

Ghi chú: Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế.

Phụ lục III

GIÁ DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ XÉT NGHIỆM

Đơn vị: đồng

STT	Mã tương đương	Tên danh mục kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá mới	Đơn vị được phê duyệt	Ghi chú
1	01.0002.1778	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	39.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2	01.0006.0215	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	25.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền.
3	01.0007.0099	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	685.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
4	01.0018.0004	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
5	01.0019.0004	Siêu âm doppler mạch cấp cứu tại giường	Siêu âm doppler mạch cấp cứu tại giường	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
6	01.0020.0001	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
7	01.0021.0001	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
8	01.0032.0299	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	532.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
9	01.0034.0299	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	532.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
10	01.0036.0192	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	1.042.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
11	01.0040.0081	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
12	01.0041.0081	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
13	01.0053.0075	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	40.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
14	01.0054.0114	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	14.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
15	01.0055.0114	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	14.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
16	01.0056.0300	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	373.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
17	01.0065.0071	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	248.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
18	01.0066.1888	Đặt nội khí quản	Đặt nội khí quản	600.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
19	01.0068.0298	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	885.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
20	01.0069.0298	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	885.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
21	01.0070.1888	Đặt nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)	Đặt nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)	600.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm ống Hi_low EVAC. Trường hợp sử dụng ống Hi_low EVAC thì trừ 19.500 đồng chi phí ông nội khí quản thông thường.
22	01.0071.0120	Mở khí quản cấp cứu	Mở khí quản cấp cứu	759.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
23	01.0072.0120	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp	Mở khí quản qua màng nhẫn giáp	759.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
24	01.0073.0120	Mở khí quản thường quy	Mở khí quản thường quy	759.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

25	01.0074.0120	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	759.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
26	01.0076.0200	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.
27	01.0077.1888	Thay ống nội khí quản	Thay ống nội khí quản	600.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
28	01.0080.0206	Thay canuyn mở khí quản	Thay canuyn mở khí quản	263.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
29	01.0085.0277	Vận động trị liệu hô hấp	Vận động trị liệu hô hấp	32.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
30	01.0086.0898	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	27.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
31	01.0087.0898	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	27.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
32	01.0089.0206	Đặt canuyn mở khí quản 2 nòng	Đặt canuyn mở khí quản 2 nòng	263.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
33	01.0091.0071	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn giáp	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn giáp	248.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
34	01.0093.0079	Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter	Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter	162.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
35	01.0094.0111	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	192.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
36	01.0095.0094	Mở màng phổi cấp cứu	Mở màng phổi cấp cứu	628.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
37	01.0096.0094	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	Mở màng phổi tối thiểu bằng troca	628.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
38	01.0097.0111	Dẫn lưu màng phổi liên tục	Dẫn lưu màng phổi liên tục	192.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
39	01.0106.0128	Nội soi khí phế quản cấp cứu	Nội soi khí phế quản cấp cứu	1.508.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
40	01.0111.0129	Nội soi khí phế quản lấy dị vật	Nội soi khí phế quản lấy dị vật [gây mê]	3.308.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
41	01.0128.0209	Thông khí nhân tạo không xâm nhập	Thông khí nhân tạo không xâm nhập [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm bộ dây máy thở cao tần các loại, các cỡ. Trường hợp sử dụng bộ dây máy thở cao tần thì trừ đi 34.000 đồng chi phí bộ dây máy thở và 5.360 đồng bộ làm ẩm oxy).
42	01.0129.0209	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
43	01.0130.0209	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
44	01.0131.0209	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
45	01.0132.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập	Thông khí nhân tạo xâm nhập [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
46	01.0133.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
47	01.0134.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
48	01.0135.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV)	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

49	01.0136.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
50	01.0137.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
51	01.0138.0209	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
52	01.0144.0209	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
53	01.0157.0508	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	58.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
54	01.0158.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	532.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần.
55	01.0160.0210	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	101.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
56	01.0162.0121	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vệ	405.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
57	01.0163.0121	Mở thông bàng quang trên xương mu	Mở thông bàng quang trên xương mu	405.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
58	01.0164.0210	Thông bàng quang	Thông bàng quang	101.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
59	01.0165.0158	Rửa bàng quang lấy máu cục	Rửa bàng quang lấy máu cục	230.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm hóa chất.
60	01.0173.0195	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)	1.607.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng được tính bình quân là 0,25 lần cho 1 lần chạy thận.
61	01.0174.0195	Thận nhân tạo cấp cứu	Thận nhân tạo cấp cứu	1.607.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng được tính bình quân là 0,25 lần cho 1 lần chạy thận.
62	01.0175.0196	Thận nhân tạo thường quy	Thận nhân tạo thường quy	588.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Quả lọc dây máu dùng 6 lần.
63	01.0201.0849	Soi đáy mắt cấp cứu	Soi đáy mắt cấp cứu	60.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
64	01.0202.0083	Chọc dịch tủy sống	Chọc dịch tủy sống	126.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim chọc dò.
65	01.0216.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	101.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
66	01.0217.0502	Mở thông dạ dày bằng nội soi	Mở thông dạ dày bằng nội soi	2.745.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
67	01.0218.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	152.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
68	01.0219.0160	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	622.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
69	01.0220.0162	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	880.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
70	01.0221.0211	Thụt tháo	Thụt tháo	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
71	01.0222.0211	Thụt giữ	Thụt giữ	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
72	01.0223.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
73	01.0231.0298	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	885.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm bộ ống thông Blakemore

74	01.0232.0140	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
75	01.0238.0299	Đo áp lực ổ bụng	Đo áp lực ổ bụng	532.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
76	01.0239.0001	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
77	01.0240.0077	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	153.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
78	01.0242.0175	Rửa màng bụng cấp cứu	Rửa màng bụng cấp cứu	463.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
79	01.0243.0095	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp [dưới hướng dẫn của siêu âm]	729.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
80	01.0243.0096	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp [dưới hướng dẫn của chụp CLVT]	1.251.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
81	01.0244.0165	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	659.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm ống thông.
82	01.0247.0118	Hạ thân nhiệt chỉ huy	Hạ thân nhiệt chỉ huy	2.310.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm: bộ bẫy khí và hệ thống kết nối (bộ dây truyền dịch ICY hoặc chăn hạ nhiệt)
83	01.0267.0203	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm]	148.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
84	01.0267.0204	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm]	193.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
85	01.0267.0205	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) [chiều dài > 50cm]	275.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
86	01.0281.1510	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	16.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
87	01.0284.1269	Định nhóm máu tại giường	Định nhóm máu tại giường	42.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
88	01.0285.1349	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	13.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
89	01.0286.1531	Đo các chất khí trong máu	Đo các chất khí trong máu	224.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
90	01.0287.1532	Đo lactat trong máu	Đo lactat trong máu	100.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
91	01.0288.1764	Định tính chất độc bằng test nhanh (một lần)	Định tính chất độc bằng test nhanh (một lần)	136.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
92	01.0302.1350	Xác định nhanh 1NR/PT/Quick % tại chỗ bằng máy cầm tay	Xác định nhanh 1NR/PT/Quick % tại chỗ bằng máy cầm tay	43.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
93	01.0303.0001	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
94	01.0317.0099	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm một nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	685.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
95	01.0318.0100	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	1.158.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
96	01.0319.0100	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng dưới hướng dẫn của siêu âm	1.158.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
97	01.0336.0158	Rửa bàng quang ở người bệnh hồi sức cấp cứu và chống độc	Rửa bàng quang ở người bệnh hồi sức cấp cứu và chống độc	230.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm hóa chất.

98	01.0351.0140	Nội soi dạ dày - tá tràng điều trị chảy máu do ổ loét bằng tiêm xơ tại đơn vị hồi sức tích cực	Nội soi dạ dày - tá tràng điều trị chảy máu do ổ loét bằng tiêm xơ tại đơn vị hồi sức tích cực	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
99	01.0352.0140	Nội soi tiêu hóa cầm máu cấp cứu bằng vòng cao su tại đơn vị hồi sức tích cực	Nội soi tiêu hóa cầm máu cấp cứu bằng vòng cao su tại đơn vị hồi sức tích cực	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
100	01.0353.0140	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cầm máu bằng kẹp clip đơn vị hồi sức cấp cứu và chống độc	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cầm máu bằng kẹp clip đơn vị hồi sức cấp cứu và chống độc	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
101	01.0355.0165	Chọc hút dẫn lưu nang giả tụy dưới hướng dẫn của siêu âm trong hồi sức cấp cứu	Chọc hút dẫn lưu nang giả tụy dưới hướng dẫn của siêu âm trong hồi sức cấp cứu	659.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm ống thông.
102	01.0356.0078	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp	Chọc hút dẫn lưu dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong điều trị viêm tụy cấp	195.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
103	01.0357.0078	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	195.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
104	01.0362.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho người bệnh ngộ độc	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho người bệnh ngộ độc	532.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần.
105	01.0364.1169	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	Điều trị thải độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	172.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm hoá chất
106	01.0368.1889	Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất	Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất	235.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
107	01.0371.1773	Xét nghiệm định tính porphobilinogen (PBG) trong nước tiểu	Xét nghiệm định tính porphobilinogen (PBG) trong nước tiểu	87.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
108	01.0372.1591	Xét nghiệm định tính porphyrin trong nước tiểu	Xét nghiệm định tính porphyrin trong nước tiểu	50.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
109	01.0373.1762	Xét nghiệm định lượng cấp NH3 trong máu	Xét nghiệm định lượng cấp NH3 trong máu	308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
110	01.0374.1766	Đo áp lực thẩm thấu dịch sinh học (một chỉ tiêu)	Đo áp lực thẩm thấu dịch sinh học (một chỉ tiêu)	112.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
111	01.0380.1169	Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kể tiền thuốc)	Sử dụng thuốc giải độc trong ngộ độc cấp (chưa kể tiền thuốc)	172.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm hoá chất
112	02.0002.0071	Bơm rửa khoang màng phổi	Bơm rửa khoang màng phổi	248.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
113	02.0008.0078	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	195.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
114	02.0009.0077	Chọc dò dịch màng phổi	Chọc dò dịch màng phổi	153.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
115	02.0011.0079	Chọc hút khí màng phổi	Chọc hút khí màng phổi	162.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
116	02.0012.0095	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	729.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
117	02.0024.1791	Đo chức năng hô hấp	Đo chức năng hô hấp	144.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
118	02.0025.0109	Gây dính màng phổi bằng thuốc/hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi	Gây dính màng phổi bằng thuốc/hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi	228.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc hoặc hóa chất gây dính màng phổi.
119	02.0026.0111	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục	192.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

120	02.0032.0898	Khí dung thuốc giãn phế quản	Khí dung thuốc giãn phế quản	27.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
121	02.0061.0164	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
122	02.0063.0001	Siêu âm màng phổi cấp cứu	Siêu âm màng phổi cấp cứu	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
123	02.0064.0175	Sinh thiết màng phổi mù	Sinh thiết màng phổi mù	463.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
124	02.0067.0206	Thay canuyn mở khí quản	Thay canuyn mở khí quản	263.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
125	02.0068.0277	Vận động trị liệu hô hấp	Vận động trị liệu hô hấp	32.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
126	02.0074.0081	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
127	02.0075.0081	Chọc dò màng ngoài tim	Chọc dò màng ngoài tim	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
128	02.0076.0081	Dẫn lưu màng ngoài tim	Dẫn lưu màng ngoài tim	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
129	02.0085.1778	Điện tim thường	Điện tim thường	39.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
130	02.0095.1798	Holter điện tâm đồ	Holter điện tâm đồ	215.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
131	02.0096.1798	Holter huyết áp	Holter huyết áp	215.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
132	02.0098.0391	Kích thích tim vượt tần số điều trị loạn nhịp	Kích thích tim vượt tần số điều trị loạn nhịp	1.879.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
133	02.0111.1798	Nghiệm pháp atropin	Nghiệm pháp atropin	215.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
134	02.0112.0004	Siêu âm doppler mạch máu	Siêu âm doppler mạch máu	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
135	02.0113.0004	Siêu âm doppler tim	Siêu âm doppler tim	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
136	02.0119.0004	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
137	02.0120.0192	Sốc điện điều trị rung nhĩ	Sốc điện điều trị rung nhĩ	1.042.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
138	02.0121.0320	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	365.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
139	02.0129.0083	Chọc dò dịch não tủy	Chọc dò dịch não tủy	126.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim chọc dò.
140	02.0132.0274	Điều trị chứng vẹo cổ bằng tiêm Botulinum Toxin A	Điều trị chứng vẹo cổ bằng tiêm Botulinum Toxin A	1.260.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc
141	02.0133.0274	Điều trị chứng co thắt nửa mặt bằng tiêm Botulinum Toxin A	Điều trị chứng co thắt nửa mặt bằng tiêm Botulinum Toxin A	1.260.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc
142	02.0139.0274	Điều trị chứng giật cơ mi mắt bằng tiêm Botulinum Toxin A	Điều trị chứng giật cơ mi mắt bằng tiêm Botulinum Toxin A	1.260.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc
143	02.0145.1777	Ghi điện não thường quy	Ghi điện não thường quy	75.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
144	02.0150.0114	Hút đờm hầu họng	Hút đờm hầu họng	14.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
145	02.0156.0849	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	60.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
146	02.0163.0203	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	148.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
147	02.0166.0283	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	64.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
148	02.0175.0121	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm	405.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
149	02.0177.0086	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	126.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
150	02.0188.0210	Đặt sonde bàng quang	Đặt sonde bàng quang	101.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
151	02.0202.0115	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	1.010.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde niệu quản và dây dẫn Guide wire.
152	02.0211.0156	Nong niệu đạo và đặt sonde tiểu	Nong niệu đạo và đặt sonde tiểu	273.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
153	02.0212.0150	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)	Nội soi bàng quang chẩn đoán (Nội soi bàng quang không sinh thiết)	575.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
154	02.0213.0148	Nội soi niệu quản chẩn đoán	Nội soi niệu quản chẩn đoán	975.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.

155	02.0216.0152	Nội soi bàng quang gắp dị vật bàng quang	Nội soi bàng quang gắp dị vật bàng quang	953.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
156	02.0218.0152	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục	953.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
157	02.0219.0150	Nội soi bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	Nội soi bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	575.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm hóa chất
158	02.0221.0150	Nội soi bàng quang	Nội soi bàng quang	575.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
159	02.0222.0152	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	953.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
160	02.0227.0164	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	Rút sonde dẫn lưu bể thận qua da	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
161	02.0228.0164	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch - máu quanh thận	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch - máu quanh thận	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
162	02.0229.0152	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang	953.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
163	02.0230.0152	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang	953.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
164	02.0232.0158	Rửa bàng quang lấy máu cục	Rửa bàng quang lấy máu cục	230.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm hóa chất.
165	02.0233.0158	Rửa bàng quang	Rửa bàng quang	230.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm hóa chất.
166	02.0242.0077	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	153.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
167	02.0243.0077	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	153.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
168	02.0244.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	101.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
169	02.0247.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
170	02.0248.0499	Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm C- ARM	Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm C- ARM	2.125.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm stent, dao cắt, catheter, guidewire.
171	02.0252.0502	Mở thông dạ dày bằng nội soi	Mở thông dạ dày bằng nội soi	2.745.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
172	02.0253.0135	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cấp cứu	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng cấp cứu	276.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
173	02.0255.0319	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng qua đường mũi	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng qua đường mũi	677.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
174	02.0256.0139	Nội soi trực tràng ống mềm	Nội soi trực tràng ống mềm	215.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
175	02.0257.0139	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	Nội soi trực tràng ống mềm cấp cứu	215.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
176	02.0259.0137	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm không sinh thiết	352.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
177	02.0261.0319	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có dùng thuốc gây mê	677.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
178	02.0262.0136	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	Nội soi đại trực tràng toàn bộ ống mềm có sinh thiết	468.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
179	02.0267.0140	Nội soi can thiệp - cắt gắp bã thức ăn dạ dày	Nội soi can thiệp - cắt gắp bã thức ăn dạ dày	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
180	02.0271.0140	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu	Nội soi can thiệp - tiêm cầm máu	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
181	02.0272.2044	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	Nội soi can thiệp - làm Clo test chẩn đoán nhiễm H.Pylori	317.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
182	02.0273.0191	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	283.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

183	02.0285.0140	Nội soi can thiệp - kẹp clip cầm máu	Nội soi can thiệp - kẹp clip cầm máu	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
184	02.0288.0142	Nội soi ổ bụng	Nội soi ổ bụng	905.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
185	02.0289.0143	Nội soi ổ bụng có sinh thiết	Nội soi ổ bụng có sinh thiết	1.095.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
186	02.0290.0500	Nội soi can thiệp - gắp giun, dị vật ống tiêu hóa	Nội soi can thiệp - gắp giun, dị vật ống tiêu hóa	1.743.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
187	02.0293.0138	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	Nội soi trực tràng toàn bộ có sinh thiết	323.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
188	02.0294.0137	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu	Nội soi đại trực tràng toàn bộ can thiệp cấp cứu	352.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
189	02.0295.0498	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1 cm	Nội soi can thiệp - cắt 1 polyp ống tiêu hóa < 1 cm	1.108.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
190	02.0296.0500	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1 cm hoặc nhiều polyp	Nội soi can thiệp - cắt polyp ống tiêu hóa > 1 cm hoặc nhiều polyp	1.743.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
191	02.0297.0506	Nội soi hậu môn ống cứng	Nội soi hậu môn ống cứng	169.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
192	02.0303.0145	Nội soi siêu âm trực tràng	Nội soi siêu âm trực tràng	1.196.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
193	02.0304.0134	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết	493.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí Test HP
194	02.0305.0135	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết	276.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
195	02.0306.0137	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	Nội soi đại tràng sigma không sinh thiết	352.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
196	02.0307.0136	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết	Nội soi đại tràng sigma ổ có sinh thiết	468.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
197	02.0308.0139	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	Nội soi trực tràng ống mềm không sinh thiết	215.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
198	02.0309.0138	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	Nội soi trực tràng ống mềm có sinh thiết	323.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
199	02.0310.0506	Nội soi trực tràng ống cứng không sinh thiết	Nội soi trực tràng ống cứng không sinh thiết	169.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
200	02.0313.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	152.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
201	02.0314.0001	Siêu âm ổ bụng	Siêu âm ổ bụng	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
202	02.0317.0165	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	659.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm ống thông.
203	02.0322.0078	Siêu âm can thiệp - chọc dịch ổ bụng xét nghiệm	Siêu âm can thiệp - chọc dịch ổ bụng xét nghiệm	195.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
204	02.0325.0166	Siêu âm can thiệp - chọc hút mủ ổ áp xe gan	Siêu âm can thiệp - chọc hút mủ ổ áp xe gan	586.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
205	02.0333.0078	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục	195.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
206	02.0334.0166	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng	586.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
207	02.0336.1664	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	71.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
208	02.0338.0211	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
209	02.0339.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
210	02.0340.0086	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ	126.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
211	02.0342.0086	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ	126.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
212	02.0343.0087	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	171.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

213	02.0344.0087	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm	171.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
214	02.0345.0087	Chọc hút tế bào cơ dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc hút tế bào cơ dưới hướng dẫn của siêu âm	171.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
215	02.0346.0087	Chọc hút tế bào xương dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc hút tế bào xương dưới hướng dẫn của siêu âm	171.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
216	02.0347.0087	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm	171.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
217	02.0349.0112	Hút dịch khớp gối	Hút dịch khớp gối	129.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
218	02.0350.0113	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	144.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
219	02.0351.0112	Hút dịch khớp háng	Hút dịch khớp háng	129.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
220	02.0352.0113	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	144.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
221	02.0353.0112	Hút dịch khớp khuỷu	Hút dịch khớp khuỷu	129.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
222	02.0354.0113	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	144.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
223	02.0355.0112	Hút dịch khớp cổ chân	Hút dịch khớp cổ chân	129.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
224	02.0356.0113	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	144.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
225	02.0357.0112	Hút dịch khớp cổ tay	Hút dịch khớp cổ tay	129.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
226	02.0358.0113	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	144.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
227	02.0359.0112	Hút dịch khớp vai	Hút dịch khớp vai	129.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
228	02.0360.0113	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	144.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
229	02.0361.0112	Hút nang bao hoạt dịch	Hút nang bao hoạt dịch	129.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
230	02.0362.0113	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	144.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
231	02.0363.0086	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	126.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
232	02.0373.0001	Siêu âm khớp (một vị trí)	Siêu âm khớp (một vị trí)	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
233	02.0374.0001	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
234	02.0375.0168	Sinh thiết tuyến nước bọt	Sinh thiết tuyến nước bọt	138.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
235	02.0381.0213	Tiêm khớp gối	Tiêm khớp gối	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
236	02.0382.0213	Tiêm khớp háng	Tiêm khớp háng	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
237	02.0383.0213	Tiêm khớp cổ chân	Tiêm khớp cổ chân	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
238	02.0384.0213	Tiêm khớp bàn ngón chân	Tiêm khớp bàn ngón chân	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
239	02.0385.0213	Tiêm khớp cổ tay	Tiêm khớp cổ tay	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
240	02.0386.0213	Tiêm khớp bàn ngón tay	Tiêm khớp bàn ngón tay	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
241	02.0387.0213	Tiêm khớp đốt ngón tay	Tiêm khớp đốt ngón tay	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
242	02.0388.0213	Tiêm khớp khuỷu tay	Tiêm khớp khuỷu tay	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
243	02.0389.0213	Tiêm khớp vai	Tiêm khớp vai	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
244	02.0390.0213	Tiêm khớp ức đòn	Tiêm khớp ức đòn	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
245	02.0391.0213	Tiêm khớp ức - sườn	Tiêm khớp ức - sườn	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
246	02.0392.0213	Tiêm khớp đòn - cùng vai	Tiêm khớp đòn - cùng vai	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.

247	02.0396.0213	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
248	02.0397.0213	Tiêm điểm bám gân lồi cầu trong (lồi cầu ngoài) xương cánh tay	Tiêm điểm bám gân lồi cầu trong (lồi cầu ngoài) xương cánh tay	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
249	02.0398.0213	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
250	02.0401.0213	Tiêm gân gấp ngón tay	Tiêm gân gấp ngón tay	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
251	02.0402.0213	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
252	02.0403.0213	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
253	02.0404.0213	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
254	02.0405.0213	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
255	02.0406.0213	Tiêm gân gót	Tiêm gân gót	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
256	02.0407.0213	Tiêm cân gan chân	Tiêm cân gan chân	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
257	02.0431.1289	Xét nghiệm Mucin test	Xét nghiệm Mucin test	55.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
258	02.0432.0078	Chọc hút mủ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc hút mủ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	195.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
259	02.0433.0088	Chọc hút khí, mủ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	Chọc hút khí, mủ màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	764.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang nếu có sử dụng.
260	02.0451.1798	Theo dõi điện tim bằng máy ghi biến cố (Event Recorder)	Theo dõi điện tim bằng máy ghi biến cố (Event Recorder)	215.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
261	02.0457.0006	Siêu âm doppler màu tim gắng sức với Dobutamine	Siêu âm doppler màu tim gắng sức với Dobutamine	616.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
262	02.0458.0006	Siêu âm doppler màu tim gắng sức với xe đạp lực kế	Siêu âm doppler màu tim gắng sức với xe đạp lực kế	616.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
263	02.0459.0391	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim tại giường	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim tại giường	1.879.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
264	02.0460.0391	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim dưới màn huỳnh quang	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim dưới màn huỳnh quang	1.879.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
265	02.0461.0107	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng cao tần thông thường [bằng năng lượng sóng có tần số radio]	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng cao tần thông thường [bằng năng lượng sóng có tần số radio]	2.157.100	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim bằng RF.
266	02.0462.0106	Điều trị rung nhĩ bằng sóng cao tần	Điều trị rung nhĩ bằng sóng cao tần	3.638.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim có sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim.
267	02.0463.0106	Điều trị rối loạn nhịp tim phức tạp bằng sóng cao tần	Điều trị rối loạn nhịp tim phức tạp bằng sóng cao tần	3.638.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm bộ dụng cụ điều trị rối loạn nhịp tim có sử dụng hệ thống lập bản đồ ba chiều giải phẫu - điện học các buồng tim.
268	02.0464.0391	Thay máy tạo nhịp tim, cập nhật máy tạo nhịp tim	Thay máy tạo nhịp tim, cập nhật máy tạo nhịp tim	1.879.900	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm máy tạo nhịp, máy phá rung.

269	02.0470.0274	Điều trị chứng co cứng gấp bàn chân (Plantar Flexion Spasm) sau tai biến mạch máu não bằng kỹ thuật tiêm Botulium Toxin A	Điều trị chứng co cứng gấp bàn chân (Plantar Flexion Spasm) sau tai biến mạch máu não bằng kỹ thuật tiêm Botulium Toxin A	1.260.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc
270	02.0483.0164	Rút sonde dẫn lưu hố thận ghép qua da	Rút sonde dẫn lưu hố thận ghép qua da	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
271	02.0484.0104	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ) có tiền mê	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ) có tiền mê	950.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm Sonde JJ.
272	02.0485.0147	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê (Nội soi bàng quang không sinh thiết)	Nội soi bàng quang chẩn đoán có gây mê (Nội soi bàng quang không sinh thiết)	911.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
273	02.0486.0072	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể có gây mê	Nội soi bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể có gây mê	500.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
274	02.0492.0147	Nội soi bàng quang có gây mê	Nội soi bàng quang có gây mê	911.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
275	02.0500.0140	Nội soi can thiệp - cắt tách dưới niêm mạc ống tiêu hóa điều trị ung thư sớm	Nội soi can thiệp - cắt tách dưới niêm mạc ống tiêu hóa điều trị ung thư sớm	798.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
276	02.0501.0141	Nội soi mật tụy ngược dòng - cắt papilla điều trị u bóng Vater	Nội soi mật tụy ngược dòng - cắt papilla điều trị u bóng Vater	2.718.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm dụng cụ can thiệp: stent, bộ tán sỏi cơ học, rọ lấy dị vật, dao cắt, bóng kéo, bóng nong.
277	02.0504.0499	Siêu âm can thiệp - đặt dẫn lưu đường mật qua da	Siêu âm can thiệp - đặt dẫn lưu đường mật qua da	2.125.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm stent, dao cắt, catheter, guidewire.
278	02.0505.0499	Siêu âm can thiệp - đặt stent đường mật qua da	Siêu âm can thiệp - đặt stent đường mật qua da	2.125.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm stent, dao cắt, catheter, guidewire.
279	02.0510.0213	Tiêm nội khớp: acid hyaluronic	Tiêm nội khớp: acid hyaluronic	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
280	02.0514.0112	Lấy xét nghiệm tế bào học dịch khớp	Lấy xét nghiệm tế bào học dịch khớp	129.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
281	02.0515.0112	Lấy dịch khớp xác định tinh thể urat	Lấy dịch khớp xác định tinh thể urat	129.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
282	02.0600.0301	Giảm mẫn cảm nhanh với thuốc	Giảm mẫn cảm nhanh với thuốc	1.534.600	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
283	02.0601.0302	Giảm mẫn cảm với thuốc đường tĩnh mạch	Giảm mẫn cảm với thuốc đường tĩnh mạch	979.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
284	02.0602.0302	Giảm mẫn cảm với thuốc đường uống	Giảm mẫn cảm với thuốc đường uống	979.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
285	02.0603.0302	Giảm mẫn cảm với sữa	Giảm mẫn cảm với sữa	979.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
286	02.0604.0302	Giảm mẫn cảm với thức ăn	Giảm mẫn cảm với thức ăn	979.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
287	02.0614.1796	Đo dung tích sống gắng sức - FVC	Đo dung tích sống gắng sức - FVC	806.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
288	02.0616.1796	Đo thông khí tự nguyện tối đa - MVV	Đo thông khí tự nguyện tối đa - MVV	806.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
289	02.0617.1796	Đo áp suất tối đa hít vào/thở ra - MIP /MEP	Đo áp suất tối đa hít vào/thở ra - MIP /MEP	806.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
290	02.0618.1795	Đo khuếch tán phổi - Diffusion Capacity	Đo khuếch tán phổi - Diffusion Capacity	1.417.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
291	02.0619.1789	Đo các thể tích phổi - Lung Volumes	Đo các thể tích phổi - Lung Volumes	2.899.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
292	03.0029.0192	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	1.042.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
293	03.0035.0099	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm [một nòng]	685.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
294	03.0035.0100	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm [nhiều nòng]	1.158.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
295	03.0041.0004	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
296	03.0043.0004	Siêu âm doppler mạch máu cấp cứu	Siêu âm doppler mạch máu cấp cứu	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

297	03.0076.0114	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy	14.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
298	03.0077.1888	Đặt nội khí quản	Đặt nội khí quản	600.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
299	03.0078.0120	Mở khí quản	Mở khí quản	759.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
300	03.0079.0077	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	153.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
301	03.0080.0079	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	Chọc hút/dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	162.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
302	03.0081.0071	Bơm rửa màng phổi	Bơm rửa màng phổi	248.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
303	03.0082.0209	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, thở BiPAP)	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, thở BiPAP) [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
304	03.0083.0209	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản [theo giờ thực tế]	625.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
305	03.0084.0077	Chọc thăm dò màng phổi	Chọc thăm dò màng phổi	153.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
306	03.0085.0094	Mở màng phổi tối thiểu	Mở màng phổi tối thiểu	628.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
307	03.0088.1791	Thăm dò chức năng hô hấp	Thăm dò chức năng hô hấp	144.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
308	03.0089.0898	Khí dung thuốc cấp cứu	Khí dung thuốc cấp cứu	27.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
309	03.0090.0898	Khí dung thuốc thở máy	Khí dung thuốc thở máy	27.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
310	03.0091.0300	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần	373.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
311	03.0092.0299	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín	532.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
312	03.0096.0120	Mở khí quản qua da cấp cứu	Mở khí quản qua da cấp cứu	759.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
313	03.0098.0079	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn giáp	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhẫn giáp	162.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
314	03.0099.1888	Đặt nội khí quản 2 nòng	Đặt nội khí quản 2 nòng	600.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
315	03.0101.0206	Thay canuyn mở khí quản	Thay canuyn mở khí quản	263.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
316	03.0102.0200	Chăm sóc lỗ mở khí quản	Chăm sóc lỗ mở khí quản	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.
317	03.0112.0508	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	58.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
318	03.0113.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	532.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Bao gồm cả bóng dùng nhiều lần.
319	03.0125.0086	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	126.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
320	03.0129.0121	Mở thông bàng quang trên xương mu	Mở thông bàng quang trên xương mu	405.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
321	03.0130.0262	Vận động trị liệu bàng quang	Vận động trị liệu bàng quang	318.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
322	03.0131.0158	Rửa bàng quang lấy máu cục	Rửa bàng quang lấy máu cục	230.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm hóa chất.
323	03.0133.0210	Thông tiểu	Thông tiểu	101.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
324	03.0138.1777	Điện não đồ thường quy	Điện não đồ thường quy	75.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
325	03.0148.0083	Chọc dịch tủy sống	Chọc dịch tủy sống	126.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim chọc dò.
326	03.0152.0849	Soi đáy mắt cấp cứu	Soi đáy mắt cấp cứu	60.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
327	03.0153.0162	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	880.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
328	03.0154.0502	Mở thông dạ dày bằng nội soi	Mở thông dạ dày bằng nội soi	2.745.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

329	03.0155.0140	Nội soi dạ dày cầm máu	Nội soi dạ dày cầm máu	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
330	03.0157.0140	Cầm máu thực quản qua nội soi	Cầm máu thực quản qua nội soi	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
331	03.0158.0137	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	352.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
332	03.0159.0140	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
333	03.0160.0184	Soi đại tràng cầm máu	Soi đại tràng cầm máu	656.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dụng cụ kẹp và clip cầm máu.
334	03.0161.0136	Soi đại tràng sinh thiết	Soi đại tràng sinh thiết	468.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
335	03.0162.0139	Nội soi trực tràng cấp cứu	Nội soi trực tràng cấp cứu	215.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
336	03.0164.0077	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	153.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
337	03.0165.0077	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	153.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
338	03.0167.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	101.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
339	03.0168.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu	152.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
340	03.0169.0160	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	622.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
341	03.0178.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
342	03.0179.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
343	03.0191.1510	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	16.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
344	03.0216.1532	Đo lactat trong máu	Đo lactat trong máu	100.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
345	03.0274.0238	Kéo nắn cột sống cổ	Kéo nắn cột sống cổ	54.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
346	03.0275.0238	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Kéo nắn cột sống thắt lưng	54.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
347	03.0276.0252	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	14.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí đóng gói thuốc, chưa bao gồm tiền thuốc.
348	03.0280.0286	Xông thuốc bằng máy	Xông thuốc bằng máy	50.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
349	03.0281.0249	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	54.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
350	03.0282.0284	Xông hơi thuốc	Xông hơi thuốc	50.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
351	03.0283.0285	Xông khói thuốc	Xông khói thuốc	45.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
352	03.0284.0252	Sắc thuốc thang	Sắc thuốc thang	14.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí đóng gói thuốc, chưa bao gồm tiền thuốc.
353	03.0285.0249	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	54.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
354	03.0289.0224	Hào châm	Hào châm	76.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
355	03.0291.0224	Ôn châm	Ôn châm	76.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
356	03.0294.0230	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

357	03.0294.2046	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
358	03.0295.0230	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
359	03.0295.2046	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
360	03.0296.0230	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
361	03.0296.2046	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
362	03.0297.0230	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
363	03.0297.2046	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
364	03.0298.0230	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
365	03.0298.2046	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Điện mãng châm điều trị liệt do bệnh của cơ [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
366	03.0299.0230	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
367	03.0299.2046	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh	Điện mãng châm điều trị bệnh lý các dây thần kinh [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
368	03.0301.0230	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
369	03.0301.2046	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh toạ [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
370	03.0302.0230	Điện mãng châm điều trị bại não	Điện mãng châm điều trị bại não [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
371	03.0302.2046	Điện mãng châm điều trị bại não	Điện mãng châm điều trị bại não [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
372	03.0303.0230	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
373	03.0303.2046	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Điện mãng châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
374	03.0306.0230	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
375	03.0306.2046	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
376	03.0308.0230	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
377	03.0308.2046	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu	Điện mãng châm điều trị đau nửa đầu [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
378	03.0310.0230	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
379	03.0310.2046	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
380	03.0311.0230	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần kinh V [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

381	03.0311.2046	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần kinh V [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
382	03.0312.0230	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
383	03.0312.2046	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
384	03.0319.0230	Điện mãng châm điều trị thất ngôn	Điện mãng châm điều trị thất ngôn [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
385	03.0319.2046	Điện mãng châm điều trị thất ngôn	Điện mãng châm điều trị thất ngôn [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
386	03.0320.0230	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	Điện mãng châm điều trị hen phế quản [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
387	03.0320.2046	Điện mãng châm điều trị hen phế quản	Điện mãng châm điều trị hen phế quản [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
388	03.0321.0230	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
389	03.0321.2046	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
390	03.0322.0230	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
391	03.0322.2046	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp	Điện mãng châm điều trị huyết áp thấp [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
392	03.0323.0230	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên sườn	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên sườn [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
393	03.0323.2046	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên sườn	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh liên sườn [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
394	03.0324.0230	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
395	03.0324.2046	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn	Điện mãng châm điều trị đau ngực, sườn [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
396	03.0329.0230	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
397	03.0329.2046	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
398	03.0330.0230	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
399	03.0330.2046	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp	Điện mãng châm điều trị thoái hóa khớp [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
400	03.0331.0230	Điện mãng châm điều trị đau lưng	Điện mãng châm điều trị đau lưng [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
401	03.0331.2046	Điện mãng châm điều trị đau lưng	Điện mãng châm điều trị đau lưng	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
402	03.0332.0230	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
403	03.0332.2046	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ	Điện mãng châm điều trị đau mỏi cơ [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
404	03.0333.0230	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

405	03.0333.2046	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
406	03.0334.0230	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
407	03.0334.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
408	03.0336.0230	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ delta	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ delta [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
409	03.0336.2046	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ delta	Điện mãng châm điều trị viêm co cứng cơ delta [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
410	03.0342.0230	Điện mãng châm điều trị đái dầm	Điện mãng châm điều trị đái dầm [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
411	03.0342.2046	Điện mãng châm điều trị đái dầm	Điện mãng châm điều trị đái dầm [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
412	03.0405.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
413	03.0406.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
414	03.0407.0227	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
415	03.0408.0227	Cấy chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	Cấy chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
416	03.0409.0227	Cấy chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	Cấy chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
417	03.0411.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh toạ	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh toạ	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
418	03.0423.0227	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
419	03.0424.0227	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
420	03.0426.0227	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
421	03.0427.0227	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	Cấy chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
422	03.0428.0227	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
423	03.0432.0227	Cấy chỉ điều trị thất ngôn	Cấy chỉ điều trị thất ngôn	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
424	03.0433.0227	Cấy chỉ điều trị viêm xoang	Cấy chỉ điều trị viêm xoang	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
425	03.0434.0227	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
426	03.0435.0227	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
427	03.0436.0227	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
428	03.0437.0227	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
429	03.0438.0227	Cấy chỉ điều trị đau ngực, sườn	Cấy chỉ điều trị đau ngực, sườn	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
430	03.0442.0227	Cấy chỉ điều trị nôn, nấc	Cấy chỉ điều trị nôn, nấc	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
431	03.0443.0227	Cấy chỉ điều trị dị ứng	Cấy chỉ điều trị dị ứng	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
432	03.0444.0227	Cấy chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	Cấy chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
433	03.0445.0227	Cấy chỉ điều trị thoái hóa khớp	Cấy chỉ điều trị thoái hóa khớp	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
434	03.0446.0227	Cấy chỉ điều trị đau lưng	Cấy chỉ điều trị đau lưng	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
435	03.0447.0227	Cấy chỉ điều trị đau mỏi cơ	Cấy chỉ điều trị đau mỏi cơ	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
436	03.0448.0227	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
437	03.0449.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
438	03.0450.0227	Cấy chỉ điều trị viêm co cứng cơ delta	Cấy chỉ điều trị viêm co cứng cơ delta	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
439	03.0451.0227	Cấy chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	Cấy chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
440	03.0461.0230	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
441	03.0462.0230	Điện châm điều trị liệt chi trên	Điện châm điều trị liệt chi trên	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
442	03.0463.0230	Điện châm điều trị liệt chi dưới	Điện châm điều trị liệt chi dưới	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

443	03.0464.0230	Điện châm điều trị liệt nửa người	Điện châm điều trị liệt nửa người	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
444	03.0465.0230	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
445	03.0466.0230	Điện châm điều trị teo cơ	Điện châm điều trị teo cơ	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
446	03.0467.0230	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ	Điện châm điều trị đau thần kinh toạ	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
447	03.0468.0230	Điện châm điều trị bại não	Điện châm điều trị bại não	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
448	03.0469.0230	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
449	03.0470.0230	Điện châm điều trị chứng ù tai	Điện châm điều trị chứng ù tai	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
450	03.0471.0230	Điện châm điều trị giảm khứu giác	Điện châm điều trị giảm khứu giác	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
451	03.0472.0230	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
452	03.0478.0230	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
453	03.0479.0230	Điện châm điều trị mất ngủ	Điện châm điều trị mất ngủ	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
454	03.0482.0230	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
455	03.0483.0230	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
456	03.0484.0230	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
457	03.0485.0230	Điện châm điều trị chắp lẹo	Điện châm điều trị chắp lẹo	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
458	03.0492.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
459	03.0493.0230	Điện châm điều trị giảm thính lực	Điện châm điều trị giảm thính lực	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
460	03.0494.0230	Điện châm điều trị thất ngôn	Điện châm điều trị thất ngôn	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
461	03.0496.0230	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta	Điện châm điều trị viêm co cứng cơ delta	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
462	03.0497.0230	Điện châm điều trị nôn nấc	Điện châm điều trị nôn nấc	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
463	03.0501.0230	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện	Điện châm điều rối loạn trị đại, tiểu tiện	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
464	03.0505.0230	Điện châm điều trị đái dầm	Điện châm điều trị đái dầm	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
465	03.0506.0230	Điện châm điều trị bí đái	Điện châm điều trị bí đái	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
466	03.0508.0230	Điện châm điều trị cảm cúm	Điện châm điều trị cảm cúm	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
467	03.0517.0230	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
468	03.0518.0230	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
469	03.0519.0230	Điện châm điều trị hen phế quản	Điện châm điều trị hen phế quản	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
470	03.0520.0230	Điện châm điều trị tăng huyết áp	Điện châm điều trị tăng huyết áp	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
471	03.0521.0230	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Điện châm điều trị huyết áp thấp	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
472	03.0522.0230	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
473	03.0523.0230	Điện châm điều trị đau ngực sườn	Điện châm điều trị đau ngực sườn	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
474	03.0524.0230	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
475	03.0525.0230	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
476	03.0526.0230	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
477	03.0527.0230	Điện châm điều trị đau lưng	Điện châm điều trị đau lưng	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
478	03.0528.0230	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
479	03.0529.0230	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
480	03.0530.0230	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
481	03.0532.0271	Thuỷ châm điều trị liệt	Thuỷ châm điều trị liệt	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
482	03.0533.0271	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
483	03.0534.0271	Thuỷ châm điều trị liệt chi dưới	Thuỷ châm điều trị liệt chi dưới	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
484	03.0535.0271	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.

485	03.0538.0271	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh toạ	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh toạ	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
486	03.0539.0271	Thuỷ châm điều trị bại não	Thuỷ châm điều trị bại não	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
487	03.0541.0271	Thuỷ châm điều trị chứng ù tai	Thuỷ châm điều trị chứng ù tai	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
488	03.0543.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn vận ngôn	Thuỷ châm điều trị rối loạn vận ngôn	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
489	03.0549.0271	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
490	03.0550.0271	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
491	03.0551.0271	Thuỷ châm điều trị stress	Thuỷ châm điều trị stress	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
492	03.0552.0271	Thuỷ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Thuỷ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
493	03.0553.0271	Thuỷ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Thuỷ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
494	03.0554.0271	Thuỷ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Thuỷ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
495	03.0555.0271	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
496	03.0568.0271	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
497	03.0569.0271	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
498	03.0570.0271	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
499	03.0571.0271	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
500	03.0577.0271	Thuỷ châm điều trị dị ứng	Thuỷ châm điều trị dị ứng	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
501	03.0578.0271	Thuỷ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Thuỷ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
502	03.0579.0271	Thuỷ châm điều trị thoái hóa khớp	Thuỷ châm điều trị thoái hóa khớp	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
503	03.0580.0271	Thuỷ châm điều trị đau lưng	Thuỷ châm điều trị đau lưng	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
504	03.0581.0271	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
505	03.0582.0271	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
506	03.0583.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
507	03.0584.0271	Thuỷ châm điều trị chứng tic	Thuỷ châm điều trị chứng tic	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
508	03.0585.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
509	03.0586.0271	Thuỷ châm điều trị viêm co cứng cơ delta	Thuỷ châm điều trị viêm co cứng cơ delta	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
510	03.0587.0271	Thuỷ châm điều trị cơn đau quặn thận	Thuỷ châm điều trị cơn đau quặn thận	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
511	03.0592.0271	Thuỷ châm điều trị đái dầm	Thuỷ châm điều trị đái dầm	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
512	03.0594.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Thuỷ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
513	03.0598.0271	Thuỷ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Thuỷ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
514	03.0599.0271	Thuỷ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Thuỷ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
515	03.0603.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
516	03.0604.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
517	03.0605.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
518	03.0606.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
519	03.0607.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh toạ	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
520	03.0608.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
521	03.0609.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
522	03.0610.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

523	03.0611.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
524	03.0612.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
525	03.0614.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
526	03.0616.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
527	03.0617.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
528	03.0618.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
529	03.0621.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
530	03.0623.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
531	03.0624.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
532	03.0625.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
533	03.0626.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
534	03.0628.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
535	03.0629.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
536	03.0630.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
537	03.0635.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
538	03.0638.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
539	03.0639.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
540	03.0640.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
541	03.0641.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
542	03.0642.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
543	03.0643.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
544	03.0644.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
545	03.0645.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
546	03.0646.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
547	03.0647.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
548	03.0648.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
549	03.0649.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
550	03.0650.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
551	03.0651.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
552	03.0653.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
553	03.0654.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

554	03.0655.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ delta	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm co cứng cơ delta	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
555	03.0656.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
556	03.0657.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
557	03.0658.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
558	03.0660.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
559	03.0664.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
560	03.0665.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
561	03.0668.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
562	03.0671.0228	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
563	03.0672.0228	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn	Cứu điều trị đau thần kinh toạ thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
564	03.0673.0228	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
565	03.0674.0228	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
566	03.0675.0228	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
567	03.0676.0228	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
568	03.0677.0228	Cứu điều trị liệt thể hàn	Cứu điều trị liệt thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
569	03.0678.0228	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
570	03.0679.0228	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
571	03.0680.0228	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
572	03.0681.0228	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
573	03.0682.0228	Cứu điều trị bại não thể hàn	Cứu điều trị bại não thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
574	03.0684.0228	Cứu điều trị ù tai thể hàn	Cứu điều trị ù tai thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
575	03.0688.0228	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
576	03.0689.0228	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
577	03.0690.0228	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
578	03.0691.0228	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
579	03.0692.0228	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
580	03.0693.0228	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
581	03.0696.0228	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
582	03.0701.0245	laser nội mạch	laser nội mạch	58.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
583	03.0705.0254	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn	Điều trị bằng sóng ngắn và sóng cực ngắn	41.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
584	03.0708.0253	Siêu âm điều trị	Siêu âm điều trị	48.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
585	03.0749.0265	Sửa lỗi phát âm	Sửa lỗi phát âm	124.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
586	03.0768.0272	Thuỷ trị liệu có thuốc	Thuỷ trị liệu có thuốc	68.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
587	03.0772.0231	Điều trị bằng điện phân thuốc	Điều trị bằng điện phân thuốc	48.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
588	03.0773.0234	Điều trị bằng các dòng điện xung	Điều trị bằng các dòng điện xung	44.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
589	03.0774.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại	40.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
590	03.0807.0282	Xoa bóp cục bộ bằng tay	Xoa bóp cục bộ bằng tay	51.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
591	03.0808.0283	Xoa bóp toàn thân bằng tay	Xoa bóp toàn thân bằng tay	64.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
592	03.0892.0266	Tập vận động đoạn chi 30 phút	Tập vận động đoạn chi 30 phút	51.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
593	03.0894.0267	Tập vận động toàn thân 30 phút	Tập vận động toàn thân 30 phút	59.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

594	03.0902.0269	Tập với hệ thống ròng rọc	Tập với hệ thống ròng rọc	14.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
595	03.0903.0270	Tập với xe đạp tập	Tập với xe đạp tập	14.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
596	03.0992.0868	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxeo (1bên)	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxeo (1bên)	216.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
597	03.0993.0869	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxeo (2 bên)	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxeo (2 bên)	286.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
598	03.0997.0931	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	Nội soi mũi, họng có sinh thiết [gây mê]	1.601.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
599	03.0997.0932	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	Nội soi mũi, họng có sinh thiết [gây tê]	545.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
600	03.0998.0990	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
601	03.1000.0922	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần [gây tê]	489.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
602	03.1000.0923	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần [gây mê]	705.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
603	03.1001.2048	Nội soi tai	Nội soi tai	40.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca.
604	03.1002.2048	Nội soi mũi	Nội soi mũi	40.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca.
605	03.1003.2048	Nội soi họng	Nội soi họng	40.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca.
606	03.1032.0503	Nội soi nong đường mật, oddi	Nội soi nong đường mật, oddi	2.308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm bóng nong.
607	03.1034.0157	Nội soi ong hẹp thực quản, tâm vị	Nội soi ong hẹp thực quản, tâm vị	2.373.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
608	03.1035.0496	Nội soi đặt dẫn lưu đường mật qua nội soi tá tràng	Nội soi đặt dẫn lưu đường mật qua nội soi tá tràng	2.522.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao cắt, thuốc cản quang, catheter.
609	03.1041.0502	Nội soi mở thông dạ dày	Nội soi mở thông dạ dày	2.745.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
610	03.1049.0140	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
611	03.1052.0142	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	905.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
612	03.1055.0143	Nội soi ổ bụng- sinh thiết	Nội soi ổ bụng- sinh thiết	1.095.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
613	03.1056.0140	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
614	03.1057.0140	Nội soi thực quản - dạ dày, tiêm cầm máu	Nội soi thực quản - dạ dày, tiêm cầm máu	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
615	03.1059.0500	Nội soi thực quản - dạ dày, lấy dị vật	Nội soi thực quản - dạ dày, lấy dị vật	1.743.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
616	03.1060.0145	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản	1.196.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
617	03.1061.0134	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết [có sinh thiết]	493.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí Test HP

618	03.1061.0135	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết [không sinh thiết]	276.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
619	03.1062.0137	Nội soi đại tràng sigma	Nội soi đại tràng sigma	352.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
620	03.1063.0500	Nội soi đại tràng - lấy dị vật	Nội soi đại tràng - lấy dị vật	1.743.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
621	03.1064.0184	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	656.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dụng cụ kẹp và clip cầm máu.
622	03.1065.0191	Nội soi trực tràng - hậu môn thắt trĩ	Nội soi trực tràng - hậu môn thắt trĩ	283.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
623	03.1066.0136	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	468.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
624	03.1067.0498	Nội soi cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng)	Nội soi cắt polyp ống tiêu hóa (thực quản, dạ dày, tá tràng, đại trực tràng)	1.108.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
625	03.1069.0141	Nội soi đường mật qua tá tràng	Nội soi đường mật qua tá tràng	2.718.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dụng cụ can thiệp: stent, bộ tán sỏi cơ học, rọ lấy dị vật, dao cắt, bóng kéo, bóng nong.
626	03.1070.0140	Nội soi chích (tiêm) keo điều trị giãn tĩnh mạch phình vị	Nội soi chích (tiêm) keo điều trị giãn tĩnh mạch phình vị	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
627	03.1071.0139	Soi trực tràng	Soi trực tràng	215.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
628	03.1074.0104	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)	950.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm Sonde JJ.
629	03.1077.0115	Nội soi lấy sỏi niệu quản	Nội soi lấy sỏi niệu quản	1.010.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde niệu quản và dây dẫn Guide wire.
630	03.1078.0148	Nội soi bàng quang	Nội soi bàng quang [nhi]	975.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
631	03.1079.0152	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	953.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
632	03.1082.0152	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật	953.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
633	03.1085.0148	Nội soi niệu quản chẩn đoán	Nội soi niệu quản chẩn đoán	975.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
634	03.1087.0149	Nội soi bàng quang sinh thiết	Nội soi bàng quang sinh thiết	720.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
635	03.1655.0796	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	830.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
636	03.1656.0732	Cắt bỏ túi lệ	Cắt bỏ túi lệ	930.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
637	03.1657.0823	Phẫu thuật mộng đơn thuần	Phẫu thuật mộng đơn thuần	960.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
638	03.1658.0777	Lấy dị vật giác mạc	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc nông, một mắt, gây mê]	727.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
639	03.1658.0778	Lấy dị vật giác mạc	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc nông, một mắt, gây tê]	99.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
640	03.1658.0779	Lấy dị vật giác mạc	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc sâu, một mắt, gây mê]	946.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
641	03.1658.0780	Lấy dị vật giác mạc	Lấy dị vật giác mạc [giác mạc sâu, một mắt, gây tê]	359.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
642	03.1659.0738	Cắt bỏ chắp có bọc	Cắt bỏ chắp có bọc	85.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
643	03.1660.0764	Khâu cò mi, tháo cò	Khâu cò mi, tháo cò	452.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
644	03.1662.0818	Phẫu thuật lác thông thường	Phẫu thuật lác thông thường [1 mắt]	830.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
645	03.1662.0819	Phẫu thuật lác thông thường	Phẫu thuật lác thông thường [2 mắt]	1.220.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
646	03.1663.0768	Khâu da mi	Khâu da mi [gây mê]	1.595.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

647	03.1663.0769	Khâu da mi	Khâu da mi [gây tê]	897.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
648	03.1664.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Khâu phục hồi bờ mi	813.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
649	03.1665.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	1.043.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
650	03.1685.0854	Bơm thông lệ đạo	Bơm thông lệ đạo	105.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
651	03.1689.0785	Lấy calci đông dưới kết mạc	Lấy calci đông dưới kết mạc	40.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
652	03.1691.0759	Đốt lông xiêu	Đốt lông xiêu	53.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
653	03.1692.0730	Bơm rửa lệ đạo	Bơm rửa lệ đạo	41.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
654	03.1693.0738	Trích chắp, lẹo, trích áp xe mi, kết mạc	Trích chắp, lẹo, trích áp xe mi, kết mạc	85.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
655	03.1694.0799	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	40.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
656	03.1695.0842	Rửa cùng đồ	Rửa cùng đồ	48.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2 mắt
657	03.1699.0849	Soi đáy mắt trực tiếp	Soi đáy mắt trực tiếp	60.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
658	03.1700.0849	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	60.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
659	03.1702.0849	Soi góc tiền phòng	Soi góc tiền phòng	60.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
660	03.1703.0075	Cắt chỉ khâu da	Cắt chỉ khâu da	40.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
661	03.1706.0782	Lấy dị vật kết mạc	Lấy dị vật kết mạc	71.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
662	03.1800.1036	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	369.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
663	03.1809.1042	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	601.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
664	03.1836.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) kết hợp Composite	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC) kết hợp Composite	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
665	03.1837.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Compomer	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
666	03.1853.1011	Điều trị tủy lại	Điều trị tủy lại	987.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
667	03.1858.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
668	03.1858.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm dưới]	861.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
669	03.1858.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	455.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
670	03.1858.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	991.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
671	03.1914.1025	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	110.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
672	03.1915.1024	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Nhổ chân răng vĩnh viễn	217.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
673	03.1918.1007	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	178.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
674	03.1930.1018	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC)	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC)	369.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
675	03.1931.1018	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Phục hồi cổ răng bằng Composite	369.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
676	03.1938.1035	Trám bít hố rãnh với Glassionomer Cement (GiC) quang trùng hợp	Trám bít hố rãnh với Glassionomer Cement (GiC) quang trùng hợp	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

677	03.1939.1035	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
678	03.1940.1035	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
679	03.1942.1010	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	380.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
680	03.1944.1016	Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa [một chân]	296.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
681	03.1944.1017	Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa [nhiều chân]	415.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
682	03.1949.1035	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
683	03.1953.1035	Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC)	Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC)	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
684	03.1954.1019	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)	112.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
685	03.1955.1029	Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	46.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
686	03.1956.1029	Nhổ chân răng sữa	Nhổ chân răng sữa	46.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
687	03.1957.1033	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	36.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
688	03.1970.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
689	03.1972.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GiC)	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
690	03.2061.1065	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	4.733.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
691	03.2064.1079	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	2.856.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
692	03.2069.1022	Nắn sai khớp thái dương hàm	Nắn sai khớp thái dương hàm	110.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
693	03.2072.1009	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	414.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
694	03.2117.0901	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [đơn giản]	70.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
695	03.2117.0902	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [kính hiển vi, gây mê]	530.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
696	03.2117.0903	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [kính hiển vi, gây tê]	170.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
697	03.2118.0882	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
698	03.2119.0505	Trích nhọt ống tai ngoài	Trích nhọt ống tai ngoài	218.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
699	03.2120.0899	Làm thuốc tai	Làm thuốc tai	22.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
700	03.2121.0994	Trích rạch màng nhĩ	Trích rạch màng nhĩ	69.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
701	03.2149.0916	Nhét bấc mũi sau	Nhét bấc mũi sau	139.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
702	03.2150.0916	Nhét bấc mũi trước	Nhét bấc mũi trước	139.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
703	03.2152.0867	Bẻ cuốn dưới	Bẻ cuốn dưới	165.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
704	03.2154.0897	Làm Proetz	Làm Proetz	69.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
705	03.2155.0869	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)	286.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
706	03.2176.0892	Áp lạnh Amidan	Áp lạnh Amidan	225.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
707	03.2177.0965	Cắt u nang hạ họng - thanh quản qua nội soi	Cắt u nang hạ họng - thanh quản qua nội soi	3.340.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
708	03.2178.0900	Lấy dị vật hạ họng	Lấy dị vật hạ họng	43.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
709	03.2179.0870	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê [gây mê]	1.217.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
710	03.2179.0937	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê [gây tê]	1.761.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
711	03.2180.0954	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây mê]	3.209.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí mũi khoan
712	03.2181.0878	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan [gây tê]	295.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

713	03.2181.0995	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan [gây mê]	771.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
714	03.2183.0893	Đốt lạnh họng hạt	Đốt lạnh họng hạt	141.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
715	03.2184.0899	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	22.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
716	03.2191.0898	Khí dung mũi họng	Khí dung mũi họng	27.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
717	03.2238.0894	Đốt họng bằng khí nitơ lỏng	Đốt họng bằng khí nitơ lỏng	156.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
718	03.2239.0893	Đốt họng bằng khí CO-2 (bằng áp lạnh)	Đốt họng bằng khí CO-2 (bằng áp lạnh)	141.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
719	03.2240.0914	Phẫu thuật nạo VA gây mê	Phẫu thuật nạo VA gây mê	852.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
720	03.2241.0871	Cắt Amidan bằng máy	Cắt Amidan bằng máy [Coblator]	2.487.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Bao gồm cả Coblator.
721	03.2245.0216	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
722	03.2245.0217	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	269.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
723	03.2245.0218	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	289.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
724	03.2245.0219	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]	354.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
725	03.2246.0603	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	885.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
726	03.2247.0627	Cắt cụt cổ tử cung	Cắt cụt cổ tử cung	3.019.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
727	03.2248.0685	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	3.054.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
728	03.2249.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	4.308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
729	03.2253.0651	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	2.892.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
730	03.2254.0686	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	4.721.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
731	03.2255.0616	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu-sinh dục	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu-sinh dục	4.545.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
732	03.2257.0663	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	4.142.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
733	03.2259.0609	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	929.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
734	03.2260.0606	Chọc dò túi cùng Douglas	Chọc dò túi cùng Douglas	312.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
735	03.2262.0630	Lấy dị vật âm đạo	Lấy dị vật âm đạo	653.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
736	03.2263.0624	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Khâu rách cùng đồ âm đạo	2.119.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
737	03.2264.0669	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	3.116.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
738	03.2265.0618	Phong bế ngoài màng cứng	Phong bế ngoài màng cứng	682.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
739	03.2326.0095	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	729.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
740	03.2327.0096	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của máy chụp cắt lớp vi tính	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của máy chụp cắt lớp vi tính	1.251.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
741	03.2331.0164	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
742	03.2332.0078	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	195.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
743	03.2333.0078	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	195.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
744	03.2340.0157	Nong hẹp thực quản, môn vị, tá tràng	Nong hẹp thực quản, môn vị, tá tràng	2.373.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
745	03.2344.0166	Chọc hút và tiêm thuốc nang gan	Chọc hút và tiêm thuốc nang gan	586.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

746	03.2352.0087	Chọc áp xe gan qua siêu âm	Chọc áp xe gan qua siêu âm	171.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
747	03.2354.0077	Chọc dịch màng bụng	Chọc dịch màng bụng	153.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
748	03.2355.0077	Dẫn lưu dịch màng bụng	Dẫn lưu dịch màng bụng	153.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
749	03.2356.0505	Chọc hút áp xe thành bụng	Chọc hút áp xe thành bụng	218.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
750	03.2357.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
751	03.2358.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
752	03.2367.0112	Chọc dịch khớp	Chọc dịch khớp	129.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
753	03.2372.0213	Tiêm corticoide vào khớp	Tiêm corticoide vào khớp	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
754	03.2372.0214	Tiêm corticoide vào khớp	Tiêm corticoide vào khớp [dưới siêu âm]	148.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc tiêm.
755	03.2379.0312	Test lẩy da với các dị nguyên	Test lẩy da với các dị nguyên [dị nguyên hô hấp hoặc thức ăn hoặc sữa]	344.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
756	03.2379.0313	Test lẩy da với các dị nguyên	Test lẩy da với các dị nguyên [các loại thuốc]	394.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
757	03.2380.0302	Giảm mẫn cảm đường tiêm và dưới da	Giảm mẫn cảm đường tiêm và dưới da	979.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
758	03.2382.0313	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	Test lẩy da (Prick test) với các loại thuốc	394.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
759	03.2383.0314	Test nội bì	Test nội bì [chậm]	493.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
760	03.2383.0315	Test nội bì	Test nội bì [nhanh]	406.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
761	03.2384.0307	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	546.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
762	03.2387.0212	Tiêm trong da	Tiêm trong da	15.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.
763	03.2388.0212	Tiêm dưới da	Tiêm dưới da	15.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.
764	03.2389.0212	Tiêm bắp thịt	Tiêm bắp thịt	15.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.
765	03.2390.0212	Tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	15.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.
766	03.2391.0215	Truyền tĩnh mạch	Truyền tĩnh mạch	25.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền.
767	03.2442.1045	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính trên 10 cm	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính trên 10 cm	1.208.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
768	03.2443.1045	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính 5 đến 10 cm	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính 5 đến 10 cm	1.208.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
769	03.2454.1048	Cắt nang giáp móng	Cắt nang giáp móng	2.289.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
770	03.2455.1045	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên	Cắt u da đầu lành, đường kính từ 5 cm trở lên	1.208.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
771	03.2456.1044	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	771.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
772	03.2457.1044	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm	771.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
773	03.2458.1044	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính dưới 5 cm	771.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
774	03.2508.1049	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	2.928.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

775	03.2533.1049	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	2.928.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
776	03.2534.1047	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	3.228.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
777	03.2536.1049	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	2.928.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
778	03.2538.1060	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm từ 2-5 cm	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm từ 2-5 cm	3.397.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy dò thần kinh.
779	03.2543.0836	Cắt u mi cả bề dày không vá	Cắt u mi cả bề dày không vá	812.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
780	03.2587.0870	Cắt u Amidan qua đường miệng	Cắt u Amidan qua đường miệng [gây mê]	1.217.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
781	03.2587.0871	Cắt u Amidan qua đường miệng	Cắt u Amidan qua đường miệng [Coblator]	2.487.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Bao gồm cả Coblator.
782	03.2587.0937	Cắt u Amidan qua đường miệng	Cắt u Amidan qua đường miệng [dao điện]	1.761.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
783	03.2613.0874	Cắt polyp ống tai	Cắt polyp ống tai [gây mê]	2.122.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
784	03.2613.0875	Cắt polyp ống tai	Cắt polyp ống tai [gây tê]	634.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
785	03.2675.0491	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
786	03.2688.0464	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
787	03.2696.0486	Cắt đuôi tụy và cắt lách	Cắt đuôi tụy và cắt lách	4.955.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
788	03.2716.0425	Cắt u bàng quang đường trên	Cắt u bàng quang đường trên	6.140.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
789	03.2725.0681	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	4.308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
790	03.2726.0627	Cắt cụt cổ tử cung	Cắt cụt cổ tử cung	3.019.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
791	03.2729.0683	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Cắt u nang buồng trứng xoắn	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
792	03.2730.0683	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
793	03.2731.0683	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
794	03.2732.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
795	03.2733.0597	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo	2.268.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
796	03.2734.0589	Bóc nang tuyến Bartholin	Bóc nang tuyến Bartholin	1.369.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
797	03.2735.0653	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính	3.135.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
798	03.2736.0591	Mổ bóc nhân xơ vú	Mổ bóc nhân xơ vú	1.079.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
799	03.2758.0558	Cắt u xương, sụn	Cắt u xương, sụn	4.085.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học.
800	03.2923.0772	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mi mắt	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mi mắt	813.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

801	03.2925.1087	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần	2.888.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
802	03.2932.1136	Phẫu thuật tạo hình từng phần vành tai	Phẫu thuật tạo hình từng phần vành tai	5.363.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
803	03.2948.0437	Phẫu thuật tạo hình da dương vật trong mất da dương vật	Phẫu thuật tạo hình da dương vật trong mất da dương vật	4.700.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
804	03.2953.1137	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt tại chỗ	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vạt tại chỗ	4.034.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
805	03.3007.0076	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: Lyell, Stevens-Johnson	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng: Lyell, Stevens-Johnson	181.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng với người bệnh hội chứng Lyell, Steven Johnson.
806	03.3019.0334	Điều trị sùi mào gà (gây tê tủy sống) bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị sùi mào gà (gây tê tủy sống) bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	889.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
807	03.3020.0334	Điều trị sùi mào gà (gây mê) bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị sùi mào gà (gây mê) bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	889.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
808	03.3021.0348	Phẫu thuật cắt bỏ các u nhỏ dưới móng	Phẫu thuật cắt bỏ các u nhỏ dưới móng	1.196.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
809	03.3033.0340	Nạo vét lỗ đáo không viêm xương	Nạo vét lỗ đáo không viêm xương	649.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
810	03.3034.0339	Nạo vét lỗ đáo có viêm xương	Nạo vét lỗ đáo có viêm xương	694.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
811	03.3035.0329	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
812	03.3036.0329	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
813	03.3037.0329	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng, gọt cắt bỏ	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng, gọt cắt bỏ	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
814	03.3038.0329	Điều trị dày sừng da dầu, ánh sáng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị dày sừng da dầu, ánh sáng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
815	03.3039.0329	Điều trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị u mềm lây bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
816	03.3040.0329	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị u nhú, u mềm treo bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
817	03.3041.0329	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
818	03.3042.0329	Điều trị sùi mào gà ở phụ nữ bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị sùi mào gà ở phụ nữ bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
819	03.3043.0329	Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
820	03.3044.0329	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
821	03.3045.0329	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị mắt cá chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
822	03.3046.0329	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
823	03.3047.0329	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
824	03.3083.0576	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	2.767.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
825	03.3247.0094	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	628.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
826	03.3248.0094	Dẫn lưu áp xe phổi	Dẫn lưu áp xe phổi	628.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

827	03.3248.0095	Dẫn lưu áp xe phổi	Dẫn lưu áp xe phổi [dưới hướng dẫn siêu âm]	729.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
828	03.3264.0411	Phẫu thuật cố định mảng sườn di động bằng nẹp	Phẫu thuật cố định mảng sườn di động bằng nẹp	7.392.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài, dụng cụ khâu cắt tự động, keo sinh học, dao hàn mạch, hàn mô.
829	03.3282.0493	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
830	03.3297.0491	Mở thông dạ dày	Mở thông dạ dày	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
831	03.3298.0465	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
832	03.3303.0465	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do thủng ruột: dẫn lưu ổ bụng, làm hậu môn nhân tạo	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do thủng ruột: dẫn lưu ổ bụng, làm hậu môn nhân tạo	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
833	03.3304.0455	Phẫu thuật điều trị xoắn trung tràng	Phẫu thuật điều trị xoắn trung tràng	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
834	03.3304.0458	Phẫu thuật điều trị xoắn trung tràng	Phẫu thuật điều trị xoắn trung tràng [cắt ruột]	5.100.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
835	03.3305.0456	Phẫu thuật điều trị còn ống rốn tràng, túi thừa Meckel không biến chứng	Phẫu thuật điều trị còn ống rốn tràng, túi thừa Meckel không biến chứng	4.764.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
836	03.3306.0456	Phẫu thuật điều trị viêm/chảy máu túi thừa Meckel	Phẫu thuật điều trị viêm/chảy máu túi thừa Meckel	4.764.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
837	03.3309.0465	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
838	03.3310.0465	Phẫu thuật tắc ruột do giun	Phẫu thuật tắc ruột do giun	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
839	03.3311.0455	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
840	03.3311.0458	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột [cắt ruột]	5.100.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
841	03.3312.0458	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do viêm ruột hoại tử biến chứng	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do viêm ruột hoại tử biến chứng	5.100.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
842	03.3313.0455	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng không cắt nối ruột	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng không cắt nối ruột	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
843	03.3314.0456	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng có cắt nối ruột	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng có cắt nối ruột	4.764.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.

844	03.3316.0491	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
845	03.3317.0583	Phẫu thuật tháo lồng không cắt ruột	Phẫu thuật tháo lồng không cắt ruột	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
846	03.3320.0454	Cắt đoạn đại tràng	Cắt đoạn đại tràng	4.941.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
847	03.3321.0456	Đóng hậu môn nhân tạo	Đóng hậu môn nhân tạo	4.764.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
848	03.3322.0454	Phẫu thuật cắt nửa đại tràng trái/phải	Phẫu thuật cắt nửa đại tràng trái/phải	4.941.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
849	03.3326.0506	Tháo lồng bằng bơm khí/nước	Tháo lồng bằng bơm khí/nước	169.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
850	03.3327.0459	Phẫu thuật viêm ruột thừa	Phẫu thuật viêm ruột thừa	2.815.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
851	03.3328.0686	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	4.721.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
852	03.3330.0493	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
853	03.3331.0458	Cắt đoạn ruột non	Cắt đoạn ruột non	5.100.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
854	03.3332.0493	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
855	03.3341.0495	Phẫu thuật Longo	Phẫu thuật Longo	2.507.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy.
856	03.3343.0461	Phẫu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng một thì	Phẫu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng một thì	5.367.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
857	03.3346.0663	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	4.142.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
858	03.3348.0494	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
859	03.3349.0494	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
860	03.3350.0494	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.

861	03.3365.0494	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
862	03.3366.0494	Phẫu thuật trĩ độ 3	Phẫu thuật trĩ độ 3	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
863	03.3367.0494	Phẫu thuật trĩ độ 3	Phẫu thuật trĩ độ 3	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
864	03.3368.0494	Phẫu thuật trĩ độ 1	Phẫu thuật trĩ độ 1	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
865	03.3369.0494	Cắt bỏ trĩ vòng	Cắt bỏ trĩ vòng	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
866	03.3370.0494	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
867	03.3371.0494	Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp	Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
868	03.3377.0494	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
869	03.3378.0494	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
870	03.3379.0494	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
871	03.3380.0498	Cắt polyp trực tràng	Cắt polyp trực tràng	1.108.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
872	03.3381.0492	Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng	Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
873	03.3383.0584	Cắt nang/polyp rốn	Cắt nang/polyp rốn	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

874	03.3384.0492	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
875	03.3385.0493	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
876	03.3386.0686	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	4.721.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
877	03.3387.0489	Phẫu thuật cắt u nang mạc nối lớn	Phẫu thuật cắt u nang mạc nối lớn	5.141.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
878	03.3388.0489	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột không cắt ruột	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột không cắt ruột	5.141.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
879	03.3390.0487	Phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	Phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	6.419.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, vật liệu cầm máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
880	03.3391.0683	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
881	03.3392.0417	Cắt u tuyến thượng thận	Cắt u tuyến thượng thận	6.823.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
882	03.3394.0464	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
883	03.3395.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
884	03.3396.0492	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
885	03.3397.0492	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
886	03.3398.0465	Phẫu thuật lại chữa rò ống tiêu hóa sau mổ	Phẫu thuật lại chữa rò ống tiêu hóa sau mổ	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
887	03.3399.0600	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	873.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
888	03.3400.0632	Lấy máu tụ tầng sinh môn	Lấy máu tụ tầng sinh môn	2.501.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
889	03.3401.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
890	03.3402.0491	Mở bụng thăm dò	Mở bụng thăm dò	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
891	03.3405.0606	Chọc dò túi cùng Douglas	Chọc dò túi cùng Douglas	312.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

892	03.3406.0600	Trích áp xe tầng sinh môn	Trích áp xe tầng sinh môn	873.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
893	03.3415.0471	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan	5.861.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm vật liệu cầm máu.
894	03.3416.0493	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
895	03.3423.0469	Phẫu thuật sỏi trong gan	Phẫu thuật sỏi trong gan	5.170.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm keo sinh học, đầu dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô, Stent, chi phí DSA.
896	03.3427.0472	Cắt túi mật	Cắt túi mật	4.993.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
897	03.3428.0474	Cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	Cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	4.970.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
898	03.3429.0474	Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun, mở ống mật chủ lấy giun	Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun, mở ống mật chủ lấy giun	4.970.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
899	03.3434.0475	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr, phẫu thuật lại	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr, phẫu thuật lại	7.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
900	03.3436.0481	Cắt bỏ nang ống mật chủ và nối mật ruột	Cắt bỏ nang ống mật chủ và nối mật ruột	4.870.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
901	03.3438.0464	Dẫn lưu đường mật ra da	Dẫn lưu đường mật ra da	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
902	03.3443.0464	Dẫn lưu túi mật	Dẫn lưu túi mật	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
903	03.3444.0464	Dẫn lưu nang ống mật chủ	Dẫn lưu nang ống mật chủ	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
904	03.3458.0493	Dẫn lưu áp xe tụy	Dẫn lưu áp xe tụy	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
905	03.3460.0464	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
906	03.3463.0484	Cắt lách toàn bộ do chấn thương	Cắt lách toàn bộ do chấn thương	4.943.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
907	03.3468.0415	Ghép thận tự thân trong cấp cứu do chấn thương cuống thận	Ghép thận tự thân trong cấp cứu do chấn thương cuống thận	7.137.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
908	03.3469.0416	Cắt đơn vị thận phụ với niệu quản lạc chỗ trong thận niệu quản đôi	Cắt đơn vị thận phụ với niệu quản lạc chỗ trong thận niệu quản đôi	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
909	03.3470.0416	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.

910	03.3471.0416	Cắt thận đơn thuần	Cắt thận đơn thuần	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
911	03.3472.0416	Cắt một nửa thận	Cắt một nửa thận	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
912	03.3474.0422	Tạo hình phần nối bể thận - niệu quản	Tạo hình phần nối bể thận - niệu quản	6.374.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
913	03.3475.0421	Lấy sỏi san hô thận	Lấy sỏi san hô thận	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
914	03.3476.0421	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
915	03.3477.0421	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
916	03.3478.0421	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
917	03.3479.0421	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
918	03.3482.0464	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Dẫn lưu đài bể thận qua da [nhi]	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
919	03.3489.0464	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
920	03.3491.0422	Cắt nối niệu quản	Cắt nối niệu quản	6.374.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
921	03.3492.0421	Lấy sỏi niệu quản	Lấy sỏi niệu quản	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
922	03.3493.0421	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
923	03.3494.0421	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
924	03.3498.0464	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/2 bên	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/2 bên	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
925	03.3517.0421	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
926	03.3521.0429	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	4.886.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
927	03.3522.0424	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	5.887.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
928	03.3527.0425	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	6.140.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
929	03.3531.0421	Mổ lấy sỏi bàng quang	Mổ lấy sỏi bàng quang	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
930	03.3532.0121	Mở thông bàng quang	Mở thông bàng quang	405.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
931	03.3543.0434	Cắt nối niệu đạo trước	Cắt nối niệu đạo trước	4.621.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
932	03.3544.0434	Cắt nối niệu đạo sau	Cắt nối niệu đạo sau	4.621.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
933	03.3545.0434	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	4.621.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
934	03.3586.0435	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	2.490.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
935	03.3587.0435	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	2.490.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

936	03.3589.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
937	03.3590.0492	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
938	03.3593.0603	Trích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo, tử cung	Trích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo, tử cung	885.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
939	03.3594.0218	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	289.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
940	03.3595.0662	Tách màng ngăn âm hộ	Tách màng ngăn âm hộ	2.932.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
941	03.3599.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
942	03.3601.0435	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	2.490.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
943	03.3606.0156	Nong niệu đạo	Nong niệu đạo	273.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
944	03.3607.0435	Cắt bỏ tinh hoàn	Cắt bỏ tinh hoàn	2.490.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
945	03.3608.0505	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	218.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
946	03.3609.0553	Ghép xương chấn thương cột sống cổ	Ghép xương chấn thương cột sống cổ	5.105.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lồng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
947	03.3649.0556	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
948	03.3651.0558	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	4.085.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học.
949	03.3661.0548	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
950	03.3662.0556	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
951	03.3663.0556	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
952	03.3664.0548	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.

953	03.3665.0556	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
954	03.3666.0550	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	3.923.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
955	03.3667.0551	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
956	03.3669.0548	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
957	03.3671.0551	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
958	03.3672.0551	Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
959	03.3673.0556	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
960	03.3675.0556	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
961	03.3676.0556	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
962	03.3679.0556	Phẫu thuật gãy Monteggia	Phẫu thuật gãy Monteggia	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
963	03.3680.0534	Cắt cụt cánh tay	Cắt cụt cánh tay	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
964	03.3681.0534	Tháo khớp khuỷu	Tháo khớp khuỷu	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
965	03.3682.0534	Cắt cụt cẳng tay	Cắt cụt cẳng tay	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
966	03.3683.0534	Tháo khớp cổ tay	Tháo khớp cổ tay	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
967	03.3684.0556	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
968	03.3685.0571	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
969	03.3686.0571	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
970	03.3687.0571	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

971	03.3688.0556	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
972	03.3689.0556	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
973	03.3690.0556	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
974	03.3698.0535	Phẫu thuật chuyển gân điều trị cò ngón tay do liệt vận động	Phẫu thuật chuyển gân điều trị cò ngón tay do liệt vận động	3.320.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
975	03.3703.0556	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	Găm đinh Kirschner gãy đốt bàn nhiều đốt bàn	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
976	03.3708.0552	Phẫu thuật chuyển ngón thay thế ngón cái	Phẫu thuật chuyển ngón thay thế ngón cái	7.094.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, đinh, nẹp, vít, mạch máu nhân tạo.
977	03.3709.0578	Chuyển ngón có cuống mạch nuôi	Chuyển ngón có cuống mạch nuôi	5.663.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
978	03.3710.0571	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
979	03.3711.0571	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
980	03.3712.0556	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
981	03.3722.0548	Phẫu thuật toác khớp mu	Phẫu thuật toác khớp mu	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
982	03.3725.0556	Đóng đinh xương đùi mở, ngược dòng	Đóng đinh xương đùi mở, ngược dòng	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
983	03.3726.0534	Phẫu thuật cắt cụt đùi	Phẫu thuật cắt cụt đùi	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
984	03.3727.0556	Kết xương đinh nẹp một khối gãy liền mấu chuyển hoặc dưới mấu chuyển	Kết xương đinh nẹp một khối gãy liền mấu chuyển hoặc dưới mấu chuyển	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
985	03.3728.0548	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
986	03.3729.0571	Phẫu thuật viêm xương khớp háng	Phẫu thuật viêm xương khớp háng	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
987	03.3730.0543	Phẫu thuật trật khớp háng	Phẫu thuật trật khớp háng	3.602.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, ốc, khóa.

988	03.3731.0556	Phẫu thuật vỡ trần ổ khớp háng	Phẫu thuật vỡ trần ổ khớp háng	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
989	03.3732.0556	Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)	Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
990	03.3737.0557	Phẫu thuật đóng đinh xương đùi dưới C Arm	Phẫu thuật đóng đinh xương đùi dưới C Arm	5.474.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
991	03.3738.0556	Đặt nẹp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày	Đặt nẹp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
992	03.3740.0534	Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi	Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
993	03.3741.0571	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
994	03.3742.0550	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	3.923.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
995	03.3743.0556	Cố định ngoài điều trị gãy khung chậu	Cố định ngoài điều trị gãy khung chậu	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
996	03.3744.0556	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
997	03.3754.0556	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
998	03.3755.0534	Tháo khớp gối	Tháo khớp gối	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
999	03.3758.0556	Đóng đinh xương chày mở	Đóng đinh xương chày mở	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1000	03.3759.0556	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.

1001	03.3760.0556	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1002	03.3761.0556	Phẫu thuật chân chữ O	Phẫu thuật chân chữ O	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1003	03.3762.0556	Phẫu thuật chân chữ X	Phẫu thuật chân chữ X	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1004	03.3763.0559	Phẫu thuật co gân Achille	Phẫu thuật co gân Achille	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1005	03.3774.0577	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	5.204.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1006	03.3775.0534	Cắt cụt cẳng chân	Cắt cụt cẳng chân	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1007	03.3776.0571	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1008	03.3777.0571	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian	Phẫu thuật khoan xương có tưới rửa kháng sinh liên tục điều trị viêm xương tủy giai đoạn trung gian	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1009	03.3778.0556	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1010	03.3779.0556	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác	Kết hợp xương trong trong gãy xương mác	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1011	03.3785.0556	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1012	03.3786.0556	Đặt vít gãy thân xương sên	Đặt vít gãy thân xương sên	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1013	03.3787.0556	Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm	Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1014	03.3788.0556	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.

1015	03.3789.0556	Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1016	03.3790.0537	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân khoèo	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân khoèo	3.411.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
1017	03.3791.0537	Phẫu thuật bàn chân duỗi đỏ	Phẫu thuật bàn chân duỗi đỏ	3.411.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
1018	03.3792.0534	Tháo một nửa bàn chân trước	Tháo một nửa bàn chân trước	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1019	03.3793.0577	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	5.204.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1020	03.3794.0556	Đặt nẹp điều trị vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	Đặt nẹp điều trị vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1021	03.3796.0534	Tháo khớp kiểu Pirogoff	Tháo khớp kiểu Pirogoff	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1022	03.3797.0571	Tháo bỏ các ngón chân	Tháo bỏ các ngón chân	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1023	03.3798.0571	Tháo đốt bàn	Tháo đốt bàn	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1024	03.3800.0577	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	5.204.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1025	03.3801.0573	Chuyển vạt da có cuống mạch	Chuyển vạt da có cuống mạch	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1026	03.3802.0573	Tạo hình các vạt da che phủ, vạt trượt	Tạo hình các vạt da che phủ, vạt trượt	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1027	03.3803.0559	Nối gân gấp	Nối gân gấp	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1028	03.3804.0559	Gỡ dính gân	Gỡ dính gân	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1029	03.3805.0572	Khâu nối thần kinh	Khâu nối thần kinh	3.405.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1030	03.3806.0572	Gỡ dính thần kinh	Gỡ dính thần kinh	3.405.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1031	03.3813.0551	Phẫu thuật viêm khớp mủ thứ phát có sai khớp	Phẫu thuật viêm khớp mủ thứ phát có sai khớp	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1032	03.3815.0493	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1033	03.3816.0571	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1034	03.3817.0505	Trích áp xe phần mềm lớn	Trích áp xe phần mềm lớn	218.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1035	03.3818.0218	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	289.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1036	03.3819.0559	Nối gân duỗi	Nối gân duỗi	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1037	03.3820.0573	Tạo hình bằng các vạt tại chỗ đơn giản	Tạo hình bằng các vạt tại chỗ đơn giản	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1038	03.3821.0216	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1039	03.3824.0575	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10 cm²	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10 cm²	3.044.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1040	03.3825.0217	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	269.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1041	03.3825.0219	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương sâu]	354.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1042	03.3826.0075	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	40.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
1043	03.3826.0200	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.
1044	03.3826.0202	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1045	03.3826.0203	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	148.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1046	03.3826.0204	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1047	03.3826.0205	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	275.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1048	03.3826.2047	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Thay băng, cắt chỉ vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.
1049	03.3827.0216	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương nông]	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1050	03.3827.0218	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương sâu]	289.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1051	03.3830.0529	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1052	03.3831.0525	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1053	03.3832.0525	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1054	03.3833.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1055	03.3834.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1056	03.3835.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1057	03.3839.0517	Nắn, bó bột trật khớp vai	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột liền]	342.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1058	03.3841.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1059	03.3842.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1060	03.3843.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1061	03.3844.0515	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột liền]	434.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1062	03.3845.0515	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu [bột liền]	434.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1063	03.3846.0515	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột liền]	434.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1064	03.3847.0527	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1065	03.3849.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1066	03.3850.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1067	03.3851.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1068	03.3852.0521	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1069	03.3853.0521	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1070	03.3854.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền]	257.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1071	03.3855.0511	Nắn, bó bột trật khớp háng	Nắn, bó bột trật khớp háng [bột liền]	667.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1072	03.3856.0513	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng [bột liền]	282.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1073	03.3857.0525	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Nắn, bó bột gãy mâm chày [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1074	03.3858.0530	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Nắn, bó bột gãy xương chậu [bột tự cán]	379.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1075	03.3859.0529	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1076	03.3860.0511	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật [bột liền]	667.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1077	03.3861.0529	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1078	03.3862.0533	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	167.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1079	03.3863.0513	Nắn, bó bột trật khớp gối	Nắn, bó bột trật khớp gối [bột liền]	282.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1080	03.3864.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1081	03.3865.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1082	03.3866.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1083	03.3867.0525	Nắn, bó bột gãy xương chày	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1084	03.3868.0525	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Nắn, bó bột gãy Dupuytren [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1085	03.3869.0521	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1086	03.3870.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân [bột liền]	257.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1087	03.3871.0532	Nắn, bó bột gãy xương gót	Nắn, bó bột gãy xương gót	167.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1088	03.3872.0519	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột liền]	257.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1089	03.3873.0515	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	434.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1090	03.3874.0515	Nắn, cố định trật khớp hàm	Nắn, cố định trật khớp hàm [bột liền]	434.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1091	03.3875.0513	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột liền]	282.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1092	03.3884.0573	Đục nạo xương viêm và chuyển vạt che phủ	Đục nạo xương viêm và chuyển vạt che phủ	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1093	03.3887.0556	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1094	03.3889.0556	Kết hợp xương bằng đinh Sign không mở ổ gãy	Kết hợp xương bằng đinh Sign không mở ổ gãy	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1095	03.3896.0344	Phẫu thuật giải áp thần kinh ngoại biên	Phẫu thuật giải áp thần kinh ngoại biên	2.698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1096	03.3900.0563	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	1.857.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1097	03.3901.0563	Rút đinh các loại	Rút đinh các loại	1.857.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1098	03.3905.0563	Rút chỉ thép xương ức	Rút chỉ thép xương ức	1.857.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1099	03.3908.0573	Tạo hình bằng các vạt tự do đa dạng đơn giản	Tạo hình bằng các vạt tự do đa dạng đơn giản	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1100	03.3909.0505	Trích rạch áp xe nhỏ	Trích rạch áp xe nhỏ	218.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1101	03.3910.0505	Trích hạch viêm mủ	Trích hạch viêm mủ	218.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1102	03.3911.0200	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài ≤ 15cm]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.
1103	03.3911.0201	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1104	03.3911.0202	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1105	03.3911.0203	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	148.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1106	03.3911.0204	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1107	03.3911.0205	Thay băng, cắt chỉ	Thay băng, cắt chỉ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	275.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1108	03.4009.0457	Phẫu thuật nội soi điều trị lồng ruột	Phẫu thuật nội soi điều trị lồng ruột	4.663.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1109	03.4011.0490	Phẫu thuật nội soi cắt u nang mạc nối lớn	Phẫu thuật nội soi cắt u nang mạc nối lớn	4.068.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, kẹp khóa mạch máu.
1110	03.4012.0467	Phẫu thuật nội soi cắt hạ phân thùy gan, u gan nhỏ	Phẫu thuật nội soi cắt hạ phân thùy gan, u gan nhỏ	6.632.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu dao cắt gan siêu âm, keo sinh học, dao cắt hàn mạch, hàn mô.

1111	03.4013.0470	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe gan	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe gan	3.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu dao cắt gan siêu âm, keo sinh học, dao cắt hàn mạch, hàn mô.
1112	03.4014.0470	Phẫu thuật nội soi điều trị nang gan đơn thuần	Phẫu thuật nội soi điều trị nang gan đơn thuần	3.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu dao cắt gan siêu âm, keo sinh học, dao cắt hàn mạch, hàn mô.
1113	03.4016.0485	Phẫu thuật nội soi cắt lách	Phẫu thuật nội soi cắt lách	4.897.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, kẹp khóa mạch máu.
1114	03.4022.0476	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, đặt dẫn lưu Kehr	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, đặt dẫn lưu Kehr	4.281.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
1115	03.4023.0478	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu túi mật/đường mật ngoài gan	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu túi mật/đường mật ngoài gan	3.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
1116	03.4032.0450	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	5.597.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, kẹp khóa mạch máu.
1117	03.4046.0490	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo không cắt ruột	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo không cắt ruột	4.068.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, kẹp khóa mạch máu.
1118	03.4064.0462	Phẫu thuật nội soi sa trực tràng	Phẫu thuật nội soi sa trực tràng	4.747.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1119	03.4065.0462	Phẫu thuật nội soi khâu treo trực tràng điều trị sa trực tràng	Phẫu thuật nội soi khâu treo trực tràng điều trị sa trực tràng	4.747.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1120	03.4068.0451	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	3.136.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1121	03.4071.2039	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	2.818.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1122	03.4074.0457	Phẫu thuật nội soi vỡ ruột trong chấn thương bụng kín	Phẫu thuật nội soi vỡ ruột trong chấn thương bụng kín	4.663.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1123	03.4075.0457	Phẫu thuật nội soi lỗ thủng ruột do bệnh lý hoặc vết thương bụng	Phẫu thuật nội soi lỗ thủng ruột do bệnh lý hoặc vết thương bụng	4.663.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.

1124	03.4076.0451	Phẫu thuật nội soi điều trị thủng tạng rỗng (trong chấn thương bụng)	Phẫu thuật nội soi điều trị thủng tạng rỗng (trong chấn thương bụng)	3.136.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1125	03.4077.0457	Phẫu thuật nội soi tắc ruột do dây chằng	Phẫu thuật nội soi tắc ruột do dây chằng	4.663.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1126	03.4078.0451	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc ruột thừa	3.136.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1127	03.4079.0457	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	4.663.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1128	03.4095.0418	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi bể thận qua nội soi sau phúc mạc	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi bể thận qua nội soi sau phúc mạc	4.497.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1129	03.4096.0420	Phẫu thuật nội soi qua phúc mạc cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên/2 bên	Phẫu thuật nội soi qua phúc mạc cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên/2 bên	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1130	03.4097.0420	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc cắt u tuyến thượng thận	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc cắt u tuyến thượng thận	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1131	03.4098.0418	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản đoạn trên qua nội soi sau phúc mạc	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản đoạn trên qua nội soi sau phúc mạc	4.497.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1132	03.4103.0440	Điều trị sỏi thận bằng phương pháp nội soi ngược dòng bằng ống soi mềm + tán sỏi bằng laser	Điều trị sỏi thận bằng phương pháp nội soi ngược dòng bằng ống soi mềm + tán sỏi bằng laser	1.345.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
1133	03.4106.0436	Nội soi đặt sonde JJ	Nội soi đặt sonde JJ	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
1134	03.4107.0152	Nội soi tháo sonde JJ	Nội soi tháo sonde JJ	953.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1135	03.4108.0440	Tán sỏi niệu quản đoạn giữa và dưới qua nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống cứng và máy tán hơi	Tán sỏi niệu quản đoạn giữa và dưới qua nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống cứng và máy tán hơi	1.345.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
1136	03.4109.0440	Tán sỏi niệu quản qua nội soi	Tán sỏi niệu quản qua nội soi	1.345.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
1137	03.4116.0418	Nội soi lấy sỏi bàng quang	Nội soi lấy sỏi bàng quang	4.497.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1138	03.4119.0440	Bóp sỏi bàng quang qua nội soi (bóp sỏi cơ học)	Bóp sỏi bàng quang qua nội soi (bóp sỏi cơ học)	1.345.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
1139	03.4120.0423	Phẫu thuật nội soi điều trị túi sa niệu quản trong bàng quang	Phẫu thuật nội soi điều trị túi sa niệu quản trong bàng quang	3.279.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1140	03.4133.0702	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	7.279.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1141	03.4134.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	6.346.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1142	03.4135.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung toàn phần	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung toàn phần	6.346.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1143	03.4136.0689	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc buồng trứng	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc buồng trứng	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1144	03.4137.0689	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1145	03.4138.0148	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán	975.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.

1146	03.4139.0689	Phẫu thuật nội soi điều trị buồng trứng bị xoắn	Phẫu thuật nội soi điều trị buồng trứng bị xoắn	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1147	03.4140.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1148	03.4141.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1149	03.4162.0965	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng-thanh quản	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng-thanh quản	3.340.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1150	03.4165.0918	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng [gây mê]	705.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1151	03.4165.0919	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng [gây tê]	489.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1152	03.4185.1894	Gây mê đặt canuyn E cmO	Gây mê đặt canuyn ECMO	868.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1153	03.4186.1894	Gây mê rút canuyn E cmO	Gây mê rút canuyn ECMO	868.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1154	03.4215.0754	Đo khúc xạ khách quan	Đo khúc xạ khách quan	12.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1155	03.4248.0004	Siêu âm tim doppler	Siêu âm tim doppler	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1156	03.4249.0004	Siêu âm tim doppler tại giường	Siêu âm tim doppler tại giường	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1157	03.4254.1727	Xét nghiệm cặn dư phân	Xét nghiệm cặn dư phân	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1158	04.0017.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1159	04.0018.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1160	04.0025.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1161	04.0026.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1162	04.0036.1114	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực	3.683.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1163	04.0037.1114	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao các khớp ngoại biên	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao các khớp ngoại biên	3.683.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1164	04.0038.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1165	04.0039.0571	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1166	04.0040.0571	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1167	04.0041.0571	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1168	04.0042.0583	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh vùng cổ do lao cột sống cổ	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh vùng cổ do lao cột sống cổ	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1169	04.0057.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sọ	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sọ	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1170	04.0058.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương ức	Phẫu thuật nạo viêm lao xương ức	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1171	05.0002.0076	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng	Chăm sóc người bệnh dị ứng thuốc nặng	181.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng với người bệnh hội chứng Lyell, Steven Johnson.
1172	05.0003.0272	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	Điều trị bệnh da bằng ngâm, tắm	68.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1173	05.0004.0334	Điều trị sùi mào gà bằng laser CO2	Điều trị sùi mào gà bằng laser CO2	889.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1174	05.0005.0329	Điều trị hạt cơm bằng laser CO2	Điều trị hạt cơm bằng laser CO2	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1175	05.0006.0329	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng laser CO2	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng laser CO2	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1176	05.0007.0329	Điều trị u mềm treo bằng laser CO2	Điều trị u mềm treo bằng laser CO2	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1177	05.0008.0329	Điều trị dày sừng da dầu bằng laser CO2	Điều trị dày sừng da dầu bằng laser CO2	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1178	05.0009.0329	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng laser CO2	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng laser CO2	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1179	05.0010.0329	Điều trị sẩn cục bằng laser CO2	Điều trị sẩn cục bằng laser CO2	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1180	05.0011.0329	Điều trị bớt sùi bằng laser CO2	Điều trị bớt sùi bằng laser CO2	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1181	05.0012.0329	Điều trị sùi mào gà bằng Plasma	Điều trị sùi mào gà bằng Plasma	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1182	05.0013.0326	Điều trị hạt cơm bằng Plasma	Điều trị hạt cơm bằng Plasma	425.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1183	05.0014.0329	Điều trị u mềm treo bằng Plasma	Điều trị u mềm treo bằng Plasma	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1184	05.0015.0329	Điều trị dày sừng da dầu bằng Plasma	Điều trị dày sừng da dầu bằng Plasma	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1185	05.0016.0329	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Plasma	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Plasma	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1186	05.0017.0329	Điều trị sẩn cục bằng Plasma	Điều trị sẩn cục bằng Plasma	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1187	05.0018.0329	Điều trị bớt sùi bằng Plasma	Điều trị bớt sùi bằng Plasma	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1188	05.0019.0324	Điều trị hạt cơm bằng Nitơ lỏng	Điều trị hạt cơm bằng Nitơ lỏng	380.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1189	05.0020.0324	Điều trị sẩn cục bằng Nitơ lỏng	Điều trị sẩn cục bằng Nitơ lỏng	380.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1190	05.0021.0324	Điều trị sẹo lồi bằng Nitơ lỏng	Điều trị sẹo lồi bằng Nitơ lỏng	380.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1191	05.0022.0324	Điều trị bớt sùi bằng Nitơ lỏng	Điều trị bớt sùi bằng Nitơ lỏng	380.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1192	05.0023.0333	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da	351.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1193	05.0024.0333	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	351.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1194	05.0043.0333	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)	Điều trị sẹo lõm bằng TCA (trichloacetic acid)	351.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1195	05.0044.0329	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1196	05.0045.0329	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1197	05.0046.0329	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1198	05.0047.0329	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1199	05.0048.0329	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1200	05.0049.0329	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện	Điều trị sẩn cục bằng đốt điện	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1201	05.0050.0329	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	399.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1202	05.0051.0324	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	380.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1203	05.0068.0343	Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt	Phẫu thuật điều trị móng chọc thịt	893.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1204	05.0069.0343	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp	Phẫu thuật điều trị móng cuộn, móng quặp	893.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1205	05.0070.0340	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo không viêm xương cho người bệnh phong	Phẫu thuật điều trị lỗ đáo không viêm xương cho người bệnh phong	649.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1206	05.0071.0323	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	231.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1207	05.0072.0332	Điều trị loét lỗ đáo cho người bệnh phong bằng chiếu laser Hé- Né	Điều trị loét lỗ đáo cho người bệnh phong bằng chiếu laser Hé- Né	278.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1208	05.0073.0332	Điều trị đau do zona bằng chiếu laser Hé- Né	Điều trị đau do zona bằng chiếu laser Hé- Né	278.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1209	05.0093.0327	Điều trị sẹo lõm bằng laser Fractional, radiofrequency	Điều trị sẹo lõm bằng laser Fractional, radiofrequency	1.578.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1210	05.0095.0331	Điều trị các bớt sắc tố bằng laser Ruby	Điều trị các bớt sắc tố bằng laser Ruby	1.652.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1211	05.0107.0254	Điều trị mụn trứng cá bằng chiếu đèn LED	Điều trị mụn trứng cá bằng chiếu đèn LED	41.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1212	07.0220.1144	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	2.872.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1213	07.0225.0200	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài ≤ 15cm]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.

1214	07.0225.0201	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.
1215	07.0225.0202	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	121.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.
1216	07.0225.0203	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	148.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.
1217	07.0225.0204	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	193.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.
1218	07.0225.0205	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	275.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gạc hydrocolloid; gạc xốp, miếng xốp (foam); gạc, gạc lưới có tẩm kháng sinh hoặc chất sát khuẩn.
1219	07.0226.0199	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	279.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng đối với bệnh Pemphigus hoặc Pemphigoid hoặc ly thượng bì bọng nước bẩm sinh hoặc vết loét bàn chân do đái tháo đường hoặc vết loét, hoại tử ở bệnh nhân phong hoặc vết loét, hoại tử do tỳ đè.
1220	07.0227.0367	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	452.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1221	07.0230.0199	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	279.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng đối với bệnh Pemphigus hoặc Pemphigoid hoặc ly thượng bì bọng nước bẩm sinh hoặc vết loét bàn chân do đái tháo đường hoặc vết loét, hoại tử ở bệnh nhân phong hoặc vết loét, hoại tử do tỳ đè.

1222	07.0231.0505	Trích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	Trích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	218.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1223	07.0232.0367	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	452.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1224	07.0233.0355	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	292.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1225	07.0244.0089	Chọc hút tế bào tuyến giáp	Chọc hút tế bào tuyến giáp	126.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1226	08.0002.0224	Hào châm	Hào châm	76.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1227	08.0003.2045	Mãng châm	Mãng châm	83.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1228	08.0004.0224	Nhĩ châm	Nhĩ châm	76.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1229	08.0005.0230	Điện châm	Điện châm [kim ngắn]	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1230	08.0005.2046	Điện châm	Điện châm [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1231	08.0006.0271	Thủy châm	Thủy châm	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1232	08.0007.0227	Cấy chỉ	Cấy chỉ	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1233	08.0008.0224	Ôn châm	Ôn châm [kim ngắn]	76.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1234	08.0008.2045	Ôn châm	Ôn châm [kim dài]	83.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1235	08.0009.0228	Cứu	Cứu	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1236	08.0010.0224	Chích lể	Chích lể	76.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1237	08.0013.0238	Kéo nắn cột sống cổ	Kéo nắn cột sống cổ	54.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1238	08.0014.0238	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Kéo nắn cột sống thắt lưng	54.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1239	08.0015.0252	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	14.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí đóng gói thuốc, chưa bao gồm tiền thuốc.
1240	08.0020.0284	Xông hơi thuốc	Xông hơi thuốc	50.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1241	08.0022.0252	Sắc thuốc thang	Sắc thuốc thang	14.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí đóng gói thuốc, chưa bao gồm tiền thuốc.
1242	08.0023.0249	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	54.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1243	08.0024.0249	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	54.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1244	08.0114.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng-hông	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng-hông [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1245	08.0116.2046	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1246	08.0123.2046	Điện mãng châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	Điện mãng châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1247	08.0126.2046	Điện mãng châm điều trị đái dầm	Điện mãng châm điều trị đái dầm [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1248	08.0127.2046	Điện mãng châm điều trị thống kinh	Điện mãng châm điều trị thống kinh	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1249	08.0129.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện mãng châm điều trị hội chứng tiền đình [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1250	08.0130.2046	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện mãng châm điều trị hội chứng vai gáy [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1251	08.0133.2046	Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Điện mãng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1252	08.0134.2046	Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa	Điện mãng châm điều trị tắc tia sữa	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1253	08.0135.2046	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Điện mãng châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1254	08.0137.2046	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V	Điện mãng châm điều trị đau thần kinh V	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1255	08.0138.2046	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1256	08.0141.2046	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên	Điện mãng châm điều trị liệt chi trên [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1257	08.0142.2046	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới	Điện mãng châm điều trị liệt chi dưới [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1258	08.0154.2046	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1259	08.0155.2046	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1260	08.0156.2046	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1261	08.0157.2046	Điện mãng châm điều trị đau lưng	Điện mãng châm điều trị đau lưng [kim dài]	85.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1262	08.0228.0227	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1263	08.0230.0227	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1264	08.0241.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1265	08.0242.0227	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1266	08.0243.0227	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1267	08.0244.0227	Cấy chỉ điều trị nấc	Cấy chỉ điều trị nấc	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1268	08.0245.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1269	08.0246.0227	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Cấy chỉ điều trị hội chứng vai gáy	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1270	08.0247.0227	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1271	08.0249.0227	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1272	08.0257.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	Cấy chỉ điều trị liệt chi trên	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1273	08.0258.0227	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1274	08.0262.0227	Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang	Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1275	08.0265.0227	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1276	08.0266.0227	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1277	08.0267.0227	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1278	08.0268.0227	Cấy chỉ điều trị đau lưng	Cấy chỉ điều trị đau lưng	156.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1279	08.0278.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1280	08.0279.0230	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Điện châm điều trị huyết áp thấp	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1281	08.0280.0230	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	Điện châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1282	08.0281.0230	Điện châm điều trị hội chứng stress	Điện châm điều trị hội chứng stress	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1283	08.0282.0230	Điện châm điều trị cảm mạo	Điện châm điều trị cảm mạo	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1284	08.0283.0230	Điện châm điều trị viêm Amidan	Điện châm điều trị viêm Amidan	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1285	08.0284.0230	Điện châm điều trị trĩ	Điện châm điều trị trĩ	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1286	08.0285.0230	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1287	08.0287.0230	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1288	08.0292.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1289	08.0294.0230	Điện châm điều trị sa tử cung	Điện châm điều trị sa tử cung	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1290	08.0295.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1291	08.0296.0230	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1292	08.0297.0230	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1293	08.0298.0230	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1294	08.0299.0230	Điện châm điều trị khàn tiếng	Điện châm điều trị khàn tiếng	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1295	08.0300.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1296	08.0301.0230	Điện châm điều trị liệt chi trên	Điện châm điều trị liệt chi trên	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1297	08.0302.0230	Điện châm điều trị chắp lẹo	Điện châm điều trị chắp lẹo	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1298	08.0306.0230	Điện châm điều trị lác cơ năng	Điện châm điều trị lác cơ năng	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1299	08.0310.0230	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1300	08.0311.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1301	08.0313.0230	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1302	08.0314.0230	Điện châm điều trị ù tai	Điện châm điều trị ù tai	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1303	08.0315.0230	Điện châm điều trị giảm khứu giác	Điện châm điều trị giảm khứu giác	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1304	08.0316.0230	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1305	08.0317.0230	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1306	08.0318.0230	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1307	08.0319.0230	Điện châm điều trị giảm đau do zona	Điện châm điều trị giảm đau do zona	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1308	08.0320.0230	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1309	08.0321.0230	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1310	08.0322.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Thuỷ châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1311	08.0323.0271	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1312	08.0324.0271	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	Thuỷ châm điều trị mất ngủ	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1313	08.0325.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng stress	Thuỷ châm điều trị hội chứng stress	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1314	08.0326.0271	Thuỷ châm điều trị nấc	Thuỷ châm điều trị nấc	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1315	08.0327.0271	Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm	Thuỷ châm điều trị cảm mạo, cúm	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1316	08.0328.0271	Thuỷ châm điều trị viêm amydan	Thuỷ châm điều trị viêm amydan	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1317	08.0330.0271	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Thuỷ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1318	08.0331.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	Thuỷ châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1319	08.0332.0271	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	Thuỷ châm điều trị sa dạ dày	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1320	08.0333.0271	Thuỷ châm điều trị trĩ	Thuỷ châm điều trị trĩ	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1321	08.0334.0271	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1322	08.0335.0271	Thuỷ châm điều trị mày đay	Thuỷ châm điều trị mày đay	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1323	08.0336.0271	Thuỷ châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	Thuỷ châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1324	08.0337.0271	Thuỷ châm điều trị tâm căn suy nhược	Thuỷ châm điều trị tâm căn suy nhược	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1325	08.0338.0271	Thuỷ châm điều trị bại liệt trẻ em	Thuỷ châm điều trị bại liệt trẻ em	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.

1326	08.0339.0271	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1327	08.0340.0271	Thuỷ châm điều trị liệt trẻ em	Thuỷ châm điều trị liệt trẻ em	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1328	08.0341.0271	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1329	08.0342.0271	Thuỷ châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Thuỷ châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1330	08.0345.0271	Thuỷ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	Thuỷ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1331	08.0346.0271	Thuỷ châm điều trị sa tử cung	Thuỷ châm điều trị sa tử cung	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1332	08.0347.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1333	08.0348.0271	Thuỷ châm điều trị thống kinh	Thuỷ châm điều trị thống kinh	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1334	08.0349.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Thuỷ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1335	08.0350.0271	Thuỷ châm điều trị đái dầm	Thuỷ châm điều trị đái dầm	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1336	08.0351.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1337	08.0352.0271	Thuỷ châm điều trị đau vai gáy	Thuỷ châm điều trị đau vai gáy	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1338	08.0353.0271	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1339	08.0354.0271	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1340	08.0355.0271	Thuỷ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	Thuỷ châm điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1341	08.0356.0271	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Thuỷ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1342	08.0357.0271	Thuỷ châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Thuỷ châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1343	08.0358.0271	Thuỷ châm điều trị thất vận ngôn	Thuỷ châm điều trị thất vận ngôn	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1344	08.0359.0271	Thuỷ châm điều trị đau dây V	Thuỷ châm điều trị đau dây V	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1345	08.0360.0271	Thuỷ châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Thuỷ châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1346	08.0361.0271	Thuỷ châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	Thuỷ châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1347	08.0362.0271	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1348	08.0363.0271	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1349	08.0364.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Thuỷ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1350	08.0365.0271	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	Thuỷ châm điều trị liệt chi trên	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1351	08.0366.0271	Thuỷ châm điều trị liệt hai chi dưới	Thuỷ châm điều trị liệt hai chi dưới	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1352	08.0367.0271	Thuỷ châm điều trị sụp mi	Thuỷ châm điều trị sụp mi	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1353	08.0371.0271	Thuỷ châm điều trị viêm mũi xoang	Thuỷ châm điều trị viêm mũi xoang	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1354	08.0372.0271	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Thuỷ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1355	08.0375.0271	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Thuỷ châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1356	08.0376.0271	Thuỷ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Thuỷ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1357	08.0377.0271	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	Thuỷ châm điều trị viêm quanh khớp vai	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1358	08.0378.0271	Thuỷ châm điều trị đau lưng	Thuỷ châm điều trị đau lưng	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1359	08.0379.0271	Thuỷ châm điều trị sụp mi	Thuỷ châm điều trị sụp mi	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1360	08.0380.0271	Thuỷ châm điều trị đau hố mắt	Thuỷ châm điều trị đau hố mắt	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1361	08.0381.0271	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Thuỷ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1362	08.0382.0271	Thuỷ châm điều trị lác cơ năng	Thuỷ châm điều trị lác cơ năng	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.

1363	08.0383.0271	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1364	08.0384.0271	Thuỷ châm điều trị viêm bàng quang	Thuỷ châm điều trị viêm bàng quang	77.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
1365	08.0389.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1366	08.0390.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1367	08.0391.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1368	08.0392.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1369	08.0396.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1370	08.0397.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1371	08.0400.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1372	08.0401.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1373	08.0402.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1374	08.0406.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1375	08.0407.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1376	08.0408.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1377	08.0409.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1378	08.0410.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1379	08.0411.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiểu năng tuần hoàn não mạn tính	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1380	08.0412.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1381	08.0413.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1382	08.0414.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1383	08.0415.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mi	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1384	08.0416.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1385	08.0417.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1386	08.0419.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1387	08.0420.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1388	08.0421.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1389	08.0422.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1390	08.0423.0280	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1391	08.0424.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1392	08.0425.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1393	08.0426.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1394	08.0427.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1395	08.0428.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1396	08.0429.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1397	08.0430.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1398	08.0431.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1399	08.0432.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1400	08.0435.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1401	08.0436.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1402	08.0437.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1403	08.0438.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1404	08.0439.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1405	08.0440.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1406	08.0441.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1407	08.0442.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1408	08.0443.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1409	08.0444.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1410	08.0445.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1411	08.0446.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1412	08.0447.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1413	08.0448.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1414	08.0449.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1415	08.0450.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1416	08.0451.0228	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	Cứu điều trị hội chứng thắt lưng- hông thể phong hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1417	08.0452.0228	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1418	08.0453.0228	Cứu điều trị nấc thể hàn	Cứu điều trị nấc thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1419	08.0454.0228	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1420	08.0457.0228	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1421	08.0458.0228	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1422	08.0459.0228	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1423	08.0460.0228	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1424	08.0461.0228	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1425	08.0468.0228	Cứu điều trị bí đái thể hàn	Cứu điều trị bí đái thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1426	08.0470.0228	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1427	08.0472.0228	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1428	08.0473.0228	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1429	08.0476.0228	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	37.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1430	08.0479.0235	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	36.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1431	08.0480.0235	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	36.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1432	08.0481.0235	Giác hơi điều trị các chứng đau	Giác hơi điều trị các chứng đau	36.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1433	08.0482.0235	Giác hơi điều trị cảm cúm	Giác hơi điều trị cảm cúm	36.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1434	08.0483.0280	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	76.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1435	08.0484.0281	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy	39.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1436	08.0485.0235	Giác hơi	Giác hơi	36.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1437	09.0028.0099	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài	685.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1438	09.0123.0898	Khí dung đường thở ở người bệnh nặng	Khí dung đường thở ở người bệnh nặng	27.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
1439	09.9000.1894	Gây mê khác	Gây mê khác	868.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1440	10.0001.0577	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	5.204.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1441	10.0002.0386	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	5.966.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, miếng vá khuyết sọ, miếng vá nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ.
1442	10.0009.0370	Phẫu thuật lấy màu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	Phẫu thuật lấy màu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	5.669.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ.
1443	10.0011.0370	Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất	Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất	5.669.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ.
1444	10.0012.0370	Phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	Phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	5.669.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ.
1445	10.0013.0386	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán	5.966.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, miếng vá khuyết sọ, miếng vá nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ.

1446	10.0017.0384	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não	5.074.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, miếng vá khuyết sọ, miếng vá nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ, đinh, nẹp, vít, lưới tital, ghim, ốc, màng não nhân tạo, vật liệu cầm máu sinh học.
1447	10.0029.0383	Phẫu thuật viêm xương sọ	Phẫu thuật viêm xương sọ	6.095.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, ghim, ốc, vít.
1448	10.0057.0083	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)	126.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim chọc dò.
1449	10.0122.0385	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ	5.602.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, ghim, nẹp, vít, ốc, vật liệu tạo hình hộp sọ, màng não nhân tạo, miếng vá khuyết sọ, miếng vá nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ.
1450	10.0148.0344	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên	2.698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1451	10.0149.0344	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên	2.698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1452	10.0151.1044	Phẫu thuật u thần kinh trên da	Phẫu thuật u thần kinh trên da [đường kính dưới 5 cm]	771.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1453	10.0151.1045	Phẫu thuật u thần kinh trên da	Phẫu thuật u thần kinh trên da [đường kính từ 5 cm trở lên]	1.208.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1454	10.0152.0410	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	1.925.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1455	10.0153.0414	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	7.381.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm các loại đinh, nẹp, vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài.
1456	10.0155.0404	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	14.778.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm động mạch chủ nhân tạo, van động mạch chủ nhân tạo, mạch máu nhân tạo, keo sinh học
1457	10.0157.0580	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương khí quản cổ	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương khí quản cổ	12.568.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm Stent, bộ tim phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim (ở người bệnh hẹp khí - phế quản bẩm sinh).
1458	10.0159.0411	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	7.392.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài, dụng cụ khâu cắt tự động, keo sinh học, dao hàn mạch, hàn mô.

1459	10.0160.0411	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi - màng phổi	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi - màng phổi	7.392.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài, dụng cụ khâu cắt tự động, keo sinh học, dao hàn mạch, hàn mô.
1460	10.0163.0411	Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động	Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động	7.392.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài, dụng cụ khâu cắt tự động, keo sinh học, dao hàn mạch, hàn mô.
1461	10.0167.0582	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đoạn mạch nhân tạo.
1462	10.0172.0582	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1463	10.0173.0581	Phẫu thuật điều trị chấn thương - vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em	Phẫu thuật điều trị chấn thương - vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em	5.712.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1464	10.0250.0582	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đoạn mạch nhân tạo.
1465	10.0260.0399	Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo	Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo	3.996.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo.
1466	10.0265.0407	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	3.311.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1467	10.0278.0583	Phẫu thuật cắt u thành ngực	Phẫu thuật cắt u thành ngực	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1468	10.0288.0583	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1469	10.0289.0400	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	3.595.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1470	10.0291.0411	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi	7.392.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài, dụng cụ khâu cắt tự động, keo sinh học, dao hàn mạch, hàn mô.
1471	10.0292.0411	Phẫu thuật lấy dị vật phổi - màng phổi	Phẫu thuật lấy dị vật phổi - màng phổi	7.392.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài, dụng cụ khâu cắt tự động, keo sinh học, dao hàn mạch, hàn mô.
1472	10.0293.0411	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mủ màng phổi	7.392.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm các loại đinh nẹp vít, các loại khung, thanh nâng ngực và đai nẹp ngoài, dụng cụ khâu cắt tự động, keo sinh học, dao hàn mạch, hàn mô.

1473	10.0299.0421	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1474	10.0300.0455	Bóc bạch mạch quanh thận, điều trị bệnh đái dưỡng chấp	Bóc bạch mạch quanh thận, điều trị bệnh đái dưỡng chấp	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1475	10.0301.0416	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1476	10.0302.0416	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1477	10.0303.0416	Cắt thận đơn thuần	Cắt thận đơn thuần	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1478	10.0304.0416	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1479	10.0305.0710	Phẫu thuật treo thận	Phẫu thuật treo thận	3.131.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1480	10.0306.0421	Lấy sỏi san hô thận	Lấy sỏi san hô thận	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1481	10.0307.0421	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1482	10.0308.0421	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1483	10.0309.0421	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1484	10.0310.0421	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1485	10.0311.0439	Tán sỏi ngoài cơ thể	Tán sỏi ngoài cơ thể	2.454.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1486	10.0312.0087	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	171.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
1487	10.0312.0088	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	764.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
1488	10.0313.0104	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Dẫn lưu đài bể thận qua da	950.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde.
1489	10.0314.0416	Cắt eo thận móng ngựa	Cắt eo thận móng ngựa	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1490	10.0315.0582	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1491	10.0316.0581	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi	5.712.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1492	10.0317.0436	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
1493	10.0318.0104	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	950.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde.
1494	10.0319.0436	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
1495	10.0320.0423	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson - Hynes	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson - Hynes	3.279.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1496	10.0321.0417	Cắt u tuyến thượng thận (mổ mở)	Cắt u tuyến thượng thận (mổ mở)	6.823.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.

1497	10.0322.0416	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1498	10.0324.0423	Cắt nối niệu quản	Cắt nối niệu quản	3.279.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1499	10.0325.0421	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1500	10.0326.0421	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1501	10.0327.0421	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1502	10.0330.0429	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo	4.886.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1503	10.0335.0104	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	950.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm Sonde JJ.
1504	10.0341.0583	Mổ sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	Mổ sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1505	10.0342.0582	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1506	10.0344.0585	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca	1.096.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1507	10.0345.0424	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	5.887.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1508	10.0346.0429	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	4.886.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1509	10.0347.0424	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	5.887.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1510	10.0348.0582	Cắm niệu quản bàng quang	Cắm niệu quản bàng quang	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1511	10.0349.0424	Cắt cổ bàng quang	Cắt cổ bàng quang	5.887.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1512	10.0350.0434	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	4.621.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1513	10.0351.0583	Phẫu thuật đặt võng nâng cổ bàng quang (Sling) trong tiểu không kiểm soát khi gắng sức	Phẫu thuật đặt võng nâng cổ bàng quang (Sling) trong tiểu không kiểm soát khi gắng sức	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1514	10.0352.0425	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	6.140.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1515	10.0353.0158	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	230.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm hóa chất.
1516	10.0355.0421	Lấy sỏi bàng quang	Lấy sỏi bàng quang	4.569.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1517	10.0356.0436	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
1518	10.0357.0436	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
1519	10.0359.0584	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1520	10.0360.0425	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	6.140.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1521	10.0367.0434	Cắt nối niệu đạo trước	Cắt nối niệu đạo trước	4.621.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1522	10.0368.0434	Cắt nối niệu đạo sau	Cắt nối niệu đạo sau	4.621.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1523	10.0369.0434	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	4.621.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1524	10.0370.0436	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
1525	10.0371.0436	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
1526	10.0372.0436	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
1527	10.0373.0434	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	4.621.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1528	10.0374.0435	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	2.490.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

		Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu	5.530.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1530	10.0376.0432	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	5.530.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1531	10.0378.0436	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
1532	10.0383.0436	Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến	Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm stent.
1533	10.0386.0435	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	2.490.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1534	10.0387.0581	Phẫu thuật tạo hình điều trị dị tật lộ bàng quang bẩm sinh	Phẫu thuật tạo hình điều trị dị tật lộ bàng quang bẩm sinh	5.712.200	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
1535	10.0388.0581	Phẫu thuật tạo hình điều trị đa dị tật bàng quang âm đạo, niệu đạo, trực tràng	Phẫu thuật tạo hình điều trị đa dị tật bàng quang âm đạo, niệu đạo, trực tràng	5.712.200	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
1536	10.0391.0435	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo mặt lưng dương vật	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo mặt lưng dương vật	2.490.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1537	10.0392.0583	Phẫu thuật điều trị són tiểu	Phẫu thuật điều trị són tiểu	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1538	10.0393.0583	Điều trị đái rỉ ở nữ bằng đặt miếng nâng niệu đạo TOT	Điều trị đái rỉ ở nữ bằng đặt miếng nâng niệu đạo TOT	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1539	10.0394.0435	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	2.490.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1540	10.0398.0584	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1541	10.0400.0584	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1542	10.0401.0583	Cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa dương vật	Cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa dương vật	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1543	10.0402.0584	Phẫu thuật vỡ vật hang do gãy dương vật	Phẫu thuật vỡ vật hang do gãy dương vật	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1544	10.0403.0436	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
1545	10.0405.0156	Nong niệu đạo	Nong niệu đạo	273.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1546	10.0406.0435	Cắt bỏ tinh hoàn	Cắt bỏ tinh hoàn	2.490.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1547	10.0407.0435	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	2.490.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1548	10.0408.0584	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1549	10.0409.0423	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)	3.279.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1550	10.0410.0584	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1551	10.0411.0584	Cắt hẹp bao quy đầu	Cắt hẹp bao quy đầu	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1552	10.0412.0584	Mở rộng lỗ sáo	Mở rộng lỗ sáo	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1553	10.0414.0400	Mở ngực thăm dò	Mở ngực thăm dò	3.595.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1554	10.0415.0400	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	3.595.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1555	10.0416.0491	Mở thông dạ dày	Mở thông dạ dày	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1556	10.0451.0491	Mở bụng thăm dò	Mở bụng thăm dò	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1557	10.0452.0491	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.

1558	10.0453.0464	Nối vị tràng	Nối vị tràng	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1559	10.0454.0465	Cắt dạ dày hình chêm	Cắt dạ dày hình chêm	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1560	10.0456.0449	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn	5.495.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, kẹp khóa mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1561	10.0463.0465	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1562	10.0465.0465	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1563	10.0466.0455	Cắt thần kinh X toàn bộ	Cắt thần kinh X toàn bộ	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1564	10.0467.0455	Cắt thần kinh X chọn lọc	Cắt thần kinh X chọn lọc	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1565	10.0473.0459	Cắt u tá tràng	Cắt u tá tràng	2.815.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1566	10.0475.0459	Khâu vùi túi thừa tá tràng	Khâu vùi túi thừa tá tràng	2.815.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1567	10.0476.0459	Cắt túi thừa tá tràng	Cắt túi thừa tá tràng	2.815.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1568	10.0479.0491	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1569	10.0480.0465	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1570	10.0481.0455	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1571	10.0482.0455	Tháo xoắn ruột non	Tháo xoắn ruột non	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1572	10.0483.0455	Tháo lồng ruột non	Tháo lồng ruột non	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1573	10.0484.0465	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1574	10.0485.0465	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1575	10.0486.0465	Cắt ruột non hình chêm	Cắt ruột non hình chêm	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1576	10.0487.0458	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông	5.100.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1577	10.0488.0458	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	5.100.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1578	10.0489.0458	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)	5.100.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1579	10.0490.0458	Cắt nhiều đoạn ruột non	Cắt nhiều đoạn ruột non	5.100.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1580	10.0491.0455	Gỡ dính sau mổ lại	Gỡ dính sau mổ lại	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1581	10.0492.0493	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1582	10.0493.0465	Đóng mở thông ruột non	Đóng mở thông ruột non	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1583	10.0494.0456	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	4.764.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1584	10.0495.0456	Nối tắt ruột non - ruột non	Nối tắt ruột non - ruột non	4.764.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1585	10.0496.0489	Cắt mạc nối lớn	Cắt mạc nối lớn	5.141.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1586	10.0497.0489	Cắt bỏ u mạc nối lớn	Cắt bỏ u mạc nối lớn	5.141.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1587	10.0498.0489	Cắt u mạc treo ruột	Cắt u mạc treo ruột	5.141.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1588	10.0506.0459	Cắt ruột thừa đơn thuần	Cắt ruột thừa đơn thuần	2.815.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1589	10.0507.0459	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	2.815.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1590	10.0508.0459	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	2.815.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1591	10.0509.0493	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1592	10.0510.0459	Các phẫu thuật ruột thừa khác	Các phẫu thuật ruột thừa khác	2.815.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1593	10.0511.0491	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1594	10.0512.0465	Khâu lỗ thủng đại tràng	Khâu lỗ thủng đại tràng	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1595	10.0516.0454	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann	4.941.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1596	10.0519.0454	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài	4.941.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1597	10.0524.0491	Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.

1598	10.0525.0491	Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1599	10.0526.0465	Lấy dị vật trực tràng	Lấy dị vật trực tràng	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1600	10.0528.0454	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	4.941.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1601	10.0533.0494	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1602	10.0534.0465	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng	3.993.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1603	10.0538.0489	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường bụng	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường bụng	5.141.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1604	10.0539.0494	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường tầng sinh môn	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường tầng sinh môn	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1605	10.0547.0494	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1606	10.0548.0494	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1607	10.0549.0494	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1608	10.0550.0494	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1609	10.0551.0494	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1610	10.0553.0495	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	2.507.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu trong máy.

1611	10.0554.0494	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1612	10.0555.0494	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1613	10.0556.0494	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1614	10.0557.0494	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1615	10.0558.0494	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1616	10.0561.0494	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3h và 9h)	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3h và 9h)	2.816.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1617	10.0566.0584	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1618	10.0567.0584	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1619	10.0569.0624	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	2.119.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1620	10.0571.0632	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	2.501.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1621	10.0572.0577	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp	5.204.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1622	10.0574.0494	Thăm dò, sinh thiết gan	Thăm dò, sinh thiết gan	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1623	10.0609.0471	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	5.861.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm vật liệu cầm máu.
1624	10.0610.0471	Lấy máu tụ bao gan	Lấy máu tụ bao gan	5.861.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm vật liệu cầm máu.
1625	10.0611.0582	Cắt chỏm nang gan	Cắt chỏm nang gan	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1626	10.0616.0493	Dẫn lưu áp xe gan	Dẫn lưu áp xe gan	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1627	10.0617.0493	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	3.142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1628	10.0620.0583	Mở thông túi mật	Mở thông túi mật	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1629	10.0621.0472	Cắt túi mật	Cắt túi mật	4.993.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1630	10.0622.0474	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	4.970.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.

1631	10.0623.0474	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	4.970.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
1632	10.0625.0474	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật	4.970.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
1633	10.0626.0479	Tán sỏi qua đường hầm Kehr hoặc qua da	Tán sỏi qua đường hầm Kehr hoặc qua da	4.733.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
1634	10.0638.0464	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1635	10.0639.0469	Các phẫu thuật đường mật khác	Các phẫu thuật đường mật khác	5.170.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm keo sinh học, đầu dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô, Stent.
1636	10.0640.0486	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	4.955.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1637	10.0641.0464	Dẫn lưu nang tụy	Dẫn lưu nang tụy	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1638	10.0654.0486	Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	4.955.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1639	10.0655.0486	Cắt đuôi tụy bảo tồn lách	Cắt đuôi tụy bảo tồn lách	4.955.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1640	10.0656.0482	Cắt toàn bộ tụy	Cắt toàn bộ tụy	11.801.200	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động, ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch và đoạn mạch nhân tạo.
1641	10.0657.0486	Cắt một phần tụy	Cắt một phần tụy	4.955.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.

1642	10.0658.0486	Các phẫu thuật cắt tụy khác	Các phẫu thuật cắt tụy khác	4.955.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1643	10.0661.0481	Nối diện cắt thân tụy với dạ dày	Nối diện cắt thân tụy với dạ dày	4.870.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1644	10.0669.0464	Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1645	10.0673.0484	Cắt lách do chấn thương	Cắt lách do chấn thương	4.943.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1646	10.0674.0484	Cắt lách bệnh lý	Cắt lách bệnh lý	4.943.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1647	10.0675.0484	Cắt lách bán phần	Cắt lách bán phần	4.943.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1648	10.0676.0582	Khâu vết thương lách	Khâu vết thương lách	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1649	10.0679.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1650	10.0680.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1651	10.0681.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1652	10.0682.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1653	10.0683.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1654	10.0684.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1655	10.0685.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.

1656	10.0686.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1657	10.0687.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1658	10.0688.0583	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1659	10.0689.0582	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1660	10.0690.0582	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1661	10.0691.0582	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1662	10.0692.0582	Phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	Phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1663	10.0695.0492	Phẫu thuật cắt u cơ hoành	Phẫu thuật cắt u cơ hoành [u lớn phải tạo hình lại bằng cân cơ hoặc màng nhân tạo]	3.512.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu.
1664	10.0697.0583	Phẫu thuật cắt u thành bụng	Phẫu thuật cắt u thành bụng	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1665	10.0698.0628	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	2.833.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1666	10.0699.0583	Khâu vết thương thành bụng	Khâu vết thương thành bụng	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1667	10.0701.0491	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1668	10.0702.0489	Bóc phúc mạc douglas	Bóc phúc mạc douglas	5.141.100	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1669	10.0704.0489	Bóc phúc mạc bên trái	Bóc phúc mạc bên trái	5.141.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1670	10.0705.0489	Bóc phúc mạc bên phải	Bóc phúc mạc bên phải	5.141.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1671	10.0706.0489	Bóc phúc mạc phủ tạng	Bóc phúc mạc phủ tạng	5.141.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1672	10.0712.0489	Lấy u phúc mạc	Lấy u phúc mạc	5.141.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.

1673	10.0713.0487	Lấy u sau phúc mạc	Lấy u sau phúc mạc	6.419.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, vật liệu cầm máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1674	10.0717.0556	Phẫu thuật kết hợp xương (kết hợp xương) gãy xương bả vai	Phẫu thuật kết hợp xương (kết hợp xương) gãy xương bả vai	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1675	10.0719.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1676	10.0725.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1677	10.0729.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay phức tạp	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay phức tạp	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1678	10.0730.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1679	10.0731.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1680	10.0732.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay [nẹp vít]	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1681	10.0733.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay [nẹp vít]	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1682	10.0734.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1683	10.0735.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1684	10.0736.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.

1685	10.0737.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1686	10.0738.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay phức tạp	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay phức tạp	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1687	10.0739.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1688	10.0741.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp khớp khuỷu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp khớp khuỷu	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1689	10.0742.0539	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương	2.275.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
1690	10.0743.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới quơng quay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới quơng quay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1691	10.0744.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1692	10.0745.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1693	10.0746.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân đốt bàn và ngón tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân đốt bàn và ngón tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1694	10.0749.0559	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1695	10.0750.0559	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1696	10.0751.0559	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1697	10.0756.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy khung chậu - trật khớp mu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy khung chậu - trật khớp mu	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.

1698	10.0757.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ổ cối đơn thuần	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ổ cối đơn thuần	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1699	10.0759.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bán phần chỏm xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bán phần chỏm xương đùi	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1700	10.0761.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1701	10.0765.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1702	10.0766.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương đùi	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1703	10.0767.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương đùi	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1704	10.0768.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong xương đùi	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1705	10.0769.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1706	10.0770.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi phức tạp	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi phức tạp	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1707	10.0772.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1708	10.0773.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1709	10.0775.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày trong	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày trong	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.

1710	10.0776.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1711	10.0778.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1712	10.0779.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1713	10.0780.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1714	10.0781.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác đơn thuần	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác đơn thuần	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1715	10.0782.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1716	10.0784.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1717	10.0785.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1718	10.0786.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1719	10.0793.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I hai xương cẳng chân	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I hai xương cẳng chân	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1720	10.0794.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II hai xương cẳng chân	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II hai xương cẳng chân	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.

1721	10.0795.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III hai xương cẳng chân	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III hai xương cẳng chân	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1722	10.0798.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở I thân hai xương cẳng tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở I thân hai xương cẳng tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1723	10.0801.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I thân xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I thân xương cánh tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1724	10.0807.0577	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	5.204.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1725	10.0808.0577	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	5.204.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1726	10.0809.0583	Phẫu thuật vết thương bàn tay	Phẫu thuật vết thương bàn tay	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1727	10.0810.0559	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1728	10.0811.0559	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1729	10.0815.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1730	10.0819.0556	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1731	10.0820.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1732	10.0821.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu dưới xương quay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu dưới xương quay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1733	10.0828.0556	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1734	10.0832.0344	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	2.698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1735	10.0833.0344	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	2.698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1736	10.0834.0344	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	2.698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1737	10.0835.0535	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh giữa	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh giữa	3.320.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1738	10.0836.0535	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh trụ	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh trụ	3.320.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1739	10.0837.0535	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh quay	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh quay	3.320.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1740	10.0839.0559	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1741	10.0840.0559	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1742	10.0842.0559	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1743	10.0843.0550	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	3.923.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
1744	10.0845.0549	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	4.002.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài.
1745	10.0846.0549	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	4.002.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài.
1746	10.0847.0551	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1747	10.0850.0575	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	3.044.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1748	10.0851.0571	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1749	10.0859.0571	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1750	10.0861.0577	Thương tích bàn tay phức tạp	Thương tích bàn tay phức tạp	5.204.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1751	10.0862.0571	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1752	10.0863.0534	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1753	10.0864.0583	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1754	10.0865.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1755	10.0866.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1756	10.0870.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.

1757	10.0871.0548	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1758	10.0874.0571	Cụt chấn thương cổ và bàn chân	Cụt chấn thương cổ và bàn chân	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1759	10.0875.0559	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1760	10.0876.0559	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1761	10.0877.0559	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1762	10.0878.0559	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1763	10.0879.0559	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1764	10.0880.0559	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1765	10.0881.0559	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1766	10.0885.0559	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
1767	10.0893.0573	Chuyển vạt da cân - cơ cuống mạch liền	Chuyển vạt da cân - cơ cuống mạch liền	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1768	10.0906.0548	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1769	10.0909.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay [găm kim]	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1770	10.0910.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay [găm kim]	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1771	10.0911.0548	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1772	10.0912.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1773	10.0913.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1774	10.0914.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1775	10.0915.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1776	10.0916.0543	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương	3.602.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, ốc, khóa.

1777	10.0917.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1778	10.0918.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1779	10.0919.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1780	10.0920.0556	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
1781	10.0929.0547	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng	5.474.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khớp nhân tạo.
1782	10.0930.0543	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần [tạo hình]	3.602.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, ốc, khóa.
1783	10.0930.0545	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần [thay khớp]	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khớp nhân tạo.
1784	10.0934.0563	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	1.857.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1785	10.0937.0537	Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo	Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo	3.411.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định: khung cố định, đinh, kim, nẹp, vít, ốc, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
1786	10.0942.0534	Phẫu thuật cắt cụt chi	Phẫu thuật cắt cụt chi	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1787	10.0943.0534	Phẫu thuật tháo khớp chi	Phẫu thuật tháo khớp chi	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1788	10.0944.0550	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	3.923.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
1789	10.0947.0571	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1790	10.0948.0548	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố xương cánh tay	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố xương cánh tay	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1791	10.0949.0548	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)	4.324.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh.
1792	10.0952.0571	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1793	10.0953.0571	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1794	10.0954.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	2.767.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1795	10.0955.0577	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	5.204.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1796	10.0956.0551	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1797	10.0959.0573	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1798	10.0961.0575	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm²	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm²	3.044.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1799	10.0962.0574	Phẫu thuật vá da diện tích >10 cm²	Phẫu thuật vá da diện tích >10 cm²	4.699.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1800	10.0965.0344	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu…)	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu…)	2.698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1801	10.0966.0572	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)	3.405.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1802	10.0967.0558	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	4.085.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học.
1803	10.0968.0553	Phẫu thuật ghép xương tự thân	Phẫu thuật ghép xương tự thân	5.105.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lồng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
1804	10.0971.0558	Lấy u xương (ghép xi măng)	Lấy u xương (ghép xi măng)	4.085.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học.
1805	10.0972.0407	Phẫu thuật U máu	Phẫu thuật U máu	3.311.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1806	10.0973.0551	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1807	10.0974.0551	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1808	10.0975.0551	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1809	10.0976.0344	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ	2.698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1810	10.0979.0571	Phẫu thuật viêm xương	Phẫu thuật viêm xương	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1811	10.0980.0571	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1812	10.0982.0551	Phẫu thuật viên tấy bao hoạt dịch bàn tay	Phẫu thuật viên tấy bao hoạt dịch bàn tay	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1813	10.0983.0551	Phẫu thuật vết thương khớp	Phẫu thuật vết thương khớp	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1814	10.0984.0563	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	1.857.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1815	10.0985.0519	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann [bột liền]	257.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1816	10.0986.0529	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1817	10.0987.0525	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0 [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1818	10.0989.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1819	10.0990.0529	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1820	10.0992.0529	Bột Corset Minerve,Cravate	Bột Corset Minerve,Cravate [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1821	10.0994.0529	Nắn, bó bột cột sống	Nắn, bó bột cột sống [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1822	10.0995.0517	Nắn, bó bột trật khớp vai	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột liền]	342.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1823	10.0996.0515	Nắn, bó bột gãy xương đòn	Nắn, bó bột gãy xương đòn [bột liền]	434.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1824	10.0997.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1825	10.0998.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1826	10.0999.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1827	10.1000.0515	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột liền]	434.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1828	10.1001.0515	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột liền]	434.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1829	10.1002.0527	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1830	10.1003.0527	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1831	10.1004.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1832	10.1005.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1833	10.1006.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1834	10.1007.0521	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1835	10.1008.0521	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1836	10.1009.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền]	257.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1837	10.1010.0523	Nắn, bó bột trật khớp háng	Nắn, bó bột trật khớp háng [bột liền]	749.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1838	10.1012.0525	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Nắn, bó bột gãy mâm chày [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1839	10.1013.0529	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Nắn, bó bột gãy xương chậu [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1840	10.1014.0529	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1841	10.1015.0511	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật [bột liền]	667.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1842	10.1016.0529	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi [bột liền]	659.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1843	10.1017.0533	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	167.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1844	10.1018.0513	Nắn, bó bột trật khớp gối	Nắn, bó bột trật khớp gối [bột liền]	282.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1845	10.1019.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1846	10.1020.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1847	10.1021.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1848	10.1022.0519	Nắn, bó bột gãy xương chày	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền]	257.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1849	10.1023.0532	Nắn, bó bột gãy xương gót	Nắn, bó bột gãy xương gót	167.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1850	10.1024.0519	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột liền]	257.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1851	10.1025.0517	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn [bột liền]	342.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1852	10.1026.0526	Nắn, bó bột gãy Dupuptren	Nắn, bó bột gãy Dupuptren [bột tự cán]	300.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1853	10.1027.0521	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột liền]	372.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1854	10.1028.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân [bột liền]	257.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1855	10.1029.0515	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	434.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1856	10.1030.0515	Nắm, cố định trật khớp hàm	Nắm, cố định trật khớp hàm [bột liền]	434.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1857	10.1031.0513	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột liền]	282.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1858	10.1046.0566	Phẫu thuật lấy đĩa đệm, ghép xương và cố định cột sống cổ (ACDF)	Phẫu thuật lấy đĩa đệm, ghép xương và cố định cột sống cổ (ACDF)	5.592.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa.
1859	10.1047.0369	Phẫu thuật cắt chéo thân đốt sống cổ đường trước	Phẫu thuật cắt chéo thân đốt sống cổ đường trước	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1860	10.1048.0369	Phẫu thuật giải ép lỗ liên hợp cột sống cổ đường trước	Phẫu thuật giải ép lỗ liên hợp cột sống cổ đường trước	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1861	10.1049.0566	Phẫu thuật trượt bản lề cổ chẩm	Phẫu thuật trượt bản lề cổ chẩm	5.592.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa.
1862	10.1051.0369	Phẫu thuật nang Tarlov	Phẫu thuật nang Tarlov	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1863	10.1066.0582	Cố định cột sống bằng buộc luồn chỉ thép dưới cung sau đốt sống (phương pháp Luqué)	Cố định cột sống bằng buộc luồn chỉ thép dưới cung sau đốt sống (phương pháp Luqué)	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1864	10.1068.0567	Phẫu thuật cố định cột sống bằng vít qua cuống	Phẫu thuật cố định cột sống bằng vít qua cuống	5.798.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa.
1865	10.1074.0567	Cố định cột sống và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau (PLIF)	Cố định cột sống và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau (PLIF)	5.798.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa.

1866	10.1075.0567	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)	5.798.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa.
1867	10.1076.0553	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng	5.105.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lồng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
1868	10.1077.0369	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1869	10.1078.0369	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lung	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lung	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1870	10.1079.0570	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	5.496.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đĩa đệm nhân tạo.
1871	10.1080.0570	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng	5.496.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đĩa đệm nhân tạo.
1872	10.1094.0374	Phẫu thuật vết thương tủy sống	Phẫu thuật vết thương tủy sống	5.201.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm miếng vá khuyết sọ, dao siêu âm (trong phẫu thuật u não), nẹp, vít, miếng vá nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ.
1873	10.1095.0567	Phẫu thuật vết thương tủy sống kết hợp cố định cột sống	Phẫu thuật vết thương tủy sống kết hợp cố định cột sống	5.798.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, xương bảo quản, đốt sống nhân tạo, sản phẩm sinh học thay thế xương, miếng ghép cột sống, đĩa đệm nhân tạo, ốc, khóa.
1874	10.1097.0370	Phẫu thuật máu tụ dưới màng cứng tủy sống	Phẫu thuật máu tụ dưới màng cứng tủy sống	5.669.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, ghim, vít, ốc, miếng vá khuyết sọ.
1875	10.1099.0376	Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng	Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng	6.419.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm màng não nhân tạo, miếng vá khuyết sọ, bộ van dẫn lưu, nẹp, vít, miếng vá nhân tạo, vật liệu tạo hình hộp sọ.
1876	10.1100.0369	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1877	10.1101.0369	Mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới	Mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1878	10.1102.0369	Mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	Mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1879	10.1103.0582	Phẫu thuật thần kinh chức năng cắt rễ thần kinh chọn lọc	Phẫu thuật thần kinh chức năng cắt rễ thần kinh chọn lọc	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1880	10.1107.0369	Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên	Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1881	10.1109.0369	Phẫu thuật cắt hoặc tạo hình cung sau trong điều trị hẹp ống sống	Phẫu thuật cắt hoặc tạo hình cung sau trong điều trị hẹp ống sống	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1882	10.1110.0369	Phẫu thuật nang màng nhện tủy	Phẫu thuật nang màng nhện tủy	4.969.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1883	10.1116.0509	Nắn có gây mê, bó bột bàn chân ngựa vẹo vào, bàn chân bẹt/tật gối cong lõm trong hay lõm ngoài (bột liền)	Nắn có gây mê, bó bột bàn chân ngựa vẹo vào, bàn chân bẹt/tật gối cong lõm trong hay lõm ngoài (bột liền)	780.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1884	10.1117.0510	Nắn có gây mê, bó bột bàn chân ngựa vẹo vào, bàn chân bẹt/tật gối cong lõm trong hay lõm ngoài (bột tự cán)	Nắn có gây mê, bó bột bàn chân ngựa vẹo vào, bàn chân bẹt/tật gối cong lõm trong hay lõm ngoài (bột tự cán)	595.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1885	10.9002.0504	Cắt phymosis	Cắt phymosis [thủ thuật]	269.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1886	10.9004.0075	Cắt chỉ	Cắt chỉ	40.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
1887	10.9005.0216	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1888	10.9005.0217	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	269.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1889	10.9005.0218	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương sâu]	289.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1890	10.9005.0219	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương sâu]	354.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1891	11.0001.1152	Thay băng điều trị vết bỏng trên 60% diện tích cơ thể ở người lớn	Thay băng điều trị vết bỏng trên 60% diện tích cơ thể ở người lớn	1.607.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1892	11.0002.1151	Thay băng điều trị vết bỏng từ 40% - 60% diện tích cơ thể ở người lớn	Thay băng điều trị vết bỏng từ 40% - 60% diện tích cơ thể ở người lớn	983.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1893	11.0004.1149	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	458.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1894	11.0005.1148	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 10% diện tích cơ thể]	262.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1895	11.0005.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 5% diện tích cơ thể]	130.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1896	11.0010.1148	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em [dưới 10% diện tích cơ thể	262.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1897	11.0010.2043	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em [dưới 5% diện tích cơ thể]	130.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1898	11.0015.1158	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép	648.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1899	11.0016.1160	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu	213.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1900	11.0018.1105	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	3.701.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1901	11.0019.1102	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	2.566.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1902	11.0025.1106	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	2.595.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1903	11.0028.1106	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	2.595.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1904	11.0068.1137	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị bỏng sâu	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị bỏng sâu	4.034.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1905	11.0069.1137	Phẫu thuật chuyển vạt da kiểu Ý điều trị bỏng sâu	Phẫu thuật chuyển vạt da kiểu Ý điều trị bỏng sâu	4.034.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1906	11.0071.1140	Lấy bỏ sụn viêm hoại tử trong bỏng vành tai	Lấy bỏ sụn viêm hoại tử trong bỏng vành tai	3.005.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1907	11.0072.0534	Cắt cụt cấp cứu chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	Cắt cụt cấp cứu chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1908	11.0073.0534	Cắt cụt chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	Cắt cụt chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1909	11.0074.0534	Tháo khớp chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	Tháo khớp chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1910	11.0075.1143	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bỏng sâu	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bỏng sâu	4.094.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1911	11.0076.1143	Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bỏng sâu có tổn thương xương sọ	Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bỏng sâu có tổn thương xương sọ	4.094.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1912	11.0078.1115	Chẩn đoán độ sâu bỏng bằng thiết bị laser doppler	Chẩn đoán độ sâu bỏng bằng thiết bị laser doppler	350.700	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
1913	11.0087.0120	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	759.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1914	11.0088.0099	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bỏng	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bỏng	685.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1915	11.0089.0215	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người bệnh bỏng	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người bệnh bỏng	25.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền.
1916	11.0090.0216	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị người bệnh bỏng	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị người bệnh bỏng	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1917	11.0097.2035	Tắm điều trị người bệnh bỏng	Tắm điều trị người bệnh bỏng	270.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1918	11.0099.0237	Điều trị tổn thương bỏng bằng máy sưởi ấm bức xạ	Điều trị tổn thương bỏng bằng máy sưởi ấm bức xạ	40.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1919	11.0103.1114	Cắt sẹo khâu kín	Cắt sẹo khâu kín	3.683.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1920	11.0104.1113	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	4.005.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1921	11.0105.1142	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause	4.938.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1922	11.0115.1137	Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bỏng	Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bỏng	4.034.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1923	11.0116.0199	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	279.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng đối với bệnh Pemphigus hoặc Pemphigoid hoặc ly thượng bì bọng nước bẩm sinh hoặc vết loét bàn chân do đái tháo đường hoặc vết loét, hoại tử ở bệnh nhân phong hoặc vết loét, hoại tử do tỳ đè.
1924	11.0117.0111	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	192.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1925	11.0118.1159	Hút áp lực âm (VAC) trong 48h điều trị vết thương mạn tính	Hút áp lực âm (VAC) trong 48h điều trị vết thương mạn tính	385.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm lót hút VAC (gồm miếng xốp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định), dung dịch và thuốc rửa liên tục vết thương.
1926	11.0121.1116	Sử dụng oxy cao áp điều trị vết thương mạn tính	Sử dụng oxy cao áp điều trị vết thương mạn tính	285.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1927	11.0133.1891	Gây mê thay băng người bệnh có diện tích bỏng từ 40 - 60% diện tích cơ thể	Gây mê thay băng người bệnh có diện tích bỏng từ 40 - 60% diện tích cơ thể	962.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1928	11.0134.1892	Gây mê thay băng người bệnh có diện tích bỏng từ 10 - 39% diện tích cơ thể	Gây mê thay băng người bệnh có diện tích bỏng từ 10 - 39% diện tích cơ thể	718.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1929	11.0135.1893	Gây mê thay băng người bệnh có diện tích bỏng < 10% diện tích cơ thể	Gây mê thay băng người bệnh có diện tích bỏng < 10% diện tích cơ thể	453.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1930	11.0136.1159	Ghép vật liệu thay thế da điều trị vết thương, vết bỏng	Ghép vật liệu thay thế da điều trị vết thương, vết bỏng	385.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc vô cảm, vật liệu thay thế da, chế phẩm sinh học, tấm lót hút VAC (gồm miếng xốp, đầu nối, dây dẫn dịch, băng dán cố định), dung dịch và thuốc rửa liên tục vết thương.
1931	11.0137.1146	Tắm điều trị người bệnh hồi sức, cấp cứu bỏng	Tắm điều trị người bệnh hồi sức, cấp cứu bỏng	1.207.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1932	11.0142.1154	Phẫu thuật cắt cuống da Ý	Phẫu thuật cắt cuống da Ý	2.726.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm mảnh da ghép đồng loại.
1933	11.0159.1144	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính	2.872.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1934	11.0160.1137	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị vết thương mạn tính	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị vết thương mạn tính	4.034.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1935	11.0161.1144	Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín	Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín	2.872.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1936	11.0162.1120	Phẫu thuật ghép da mảnh điều trị vết thương mạn tính	Phẫu thuật ghép da mảnh điều trị vết thương mạn tính	3.065.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1937	11.0166.1136	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liền điều trị vết thương mạn tính	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liền điều trị vết thương mạn tính	5.363.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1938	12.0002.1044	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	771.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1939	12.0003.1045	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	1.208.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1940	12.0004.0834	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	1.322.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1941	12.0006.1044	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	771.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1942	12.0007.1045	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	1.208.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1943	12.0008.0834	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính trên 10 cm	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính trên 10 cm	1.322.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1944	12.0010.1049	Cắt các u lành vùng cổ	Cắt các u lành vùng cổ	2.928.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1945	12.0011.1190	Cắt các u lành tuyến giáp	Cắt các u lành tuyến giáp	2.140.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1946	12.0012.1048	Cắt các u nang giáp móng	Cắt các u nang giáp móng	2.289.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1947	12.0013.0834	Cắt các u nang mang	Cắt các u nang mang	1.322.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1948	12.0014.0945	Cắt các u ác tuyến mang tai	Cắt các u ác tuyến mang tai	4.944.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm.
1949	12.0015.0356	Cắt các u ác tuyến giáp	Cắt các u ác tuyến giáp [có dùng dao siêu âm]	6.955.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1950	12.0015.0357	Cắt các u ác tuyến giáp	Cắt các u ác tuyến giáp [không dùng dao siêu âm]	4.561.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao hàn mạch, hàn mô
1951	12.0016.0944	Cắt các u ác tuyến dưới hàm	Cắt các u ác tuyến dưới hàm	4.944.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm.
1952	12.0045.1049	Cắt u cơ vùng hàm mặt	Cắt u cơ vùng hàm mặt	2.928.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1953	12.0055.1059	Cắt u máu - bạch mạch vùng hàm mặt	Cắt u máu - bạch mạch vùng hàm mặt	3.488.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1954	12.0058.1093	Tiêm xơ điều trị u máu vùng hàm mặt	Tiêm xơ điều trị u máu vùng hàm mặt	869.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1955	12.0059.1093	Tiêm xơ điều trị u bạch mạch vùng hàm mặt	Tiêm xơ điều trị u bạch mạch vùng hàm mặt	869.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1956	12.0061.1093	Tiêm xơ chữa u máu, bạch mạch lưỡi, sàn miệng dưới hàm, cạnh cổ...	Tiêm xơ chữa u máu, bạch mạch lưỡi, sàn miệng dưới hàm, cạnh cổ...	869.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1957	12.0062.0834	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt	1.322.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1958	12.0064.1046	Cắt nang vùng sàn miệng	Cắt nang vùng sàn miệng	3.078.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1959	12.0065.0944	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm	4.944.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm.
1960	12.0068.0834	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	1.322.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1961	12.0069.0834	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	1.322.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1962	12.0070.1039	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	521.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1963	12.0071.1038	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	952.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1964	12.0072.1047	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	3.228.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1965	12.0077.0834	Cắt u môi lành tính có tạo hình	Cắt u môi lành tính có tạo hình	1.322.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1966	12.0080.1059	Cắt u thần kinh vùng hàm mặt	Cắt u thần kinh vùng hàm mặt	3.488.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1967	12.0083.1040	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2 cm	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2 cm	481.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1968	12.0084.1039	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên	521.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1969	12.0087.1060	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi [cắt u lành tính]	3.397.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy dò thần kinh.
1970	12.0088.0944	Cắt u tuyến nước bọt phụ	Cắt u tuyến nước bọt phụ [cắt tuyến]	4.944.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm.
1971	12.0088.1060	Cắt u tuyến nước bọt phụ	Cắt u tuyến nước bọt phụ [cắt u lành tính]	3.397.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy dò thần kinh.
1972	12.0089.0945	Cắt u tuyến nước bọt mang tai	Cắt u tuyến nước bọt mang tai	4.944.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm.
1973	12.0090.1060	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5 cm	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5 cm	3.397.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy dò thần kinh.
1974	12.0091.0909	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm [gây mê]	1.385.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1975	12.0092.0909	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm [gây mê]	1.385.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1976	12.0092.0910	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm [gây tê]	874.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

1977	12.0147.2036	Cắt u Amidan	Cắt u Amidan	4.003.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm dao cắt.
1978	12.0148.0940	Cắt bỏ ung thư Amydan và nạo vét hạch cổ	Cắt bỏ ung thư Amydan và nạo vét hạch cổ	5.980.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1979	12.0161.0874	Cắt polyp ống tai	Cắt polyp ống tai [gây tê]	2.122.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1980	12.0161.0875	Cắt polyp ống tai	Cắt polyp ống tai [gây tê]	634.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1981	12.0162.0918	Cắt polyp mũi	Cắt polyp mũi	705.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1982	12.0190.0583	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1983	12.0191.0407	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm	3.311.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1984	12.0194.1189	Phẫu thuật vét hạch nách	Phẫu thuật vét hạch nách	3.300.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1985	12.0195.0441	Cắt u lành thực quản	Cắt u lành thực quản	6.024.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, Stent.
1986	12.0203.0491	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1987	12.0210.0460	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	7.639.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1988	12.0215.0491	Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo	2.683.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
1989	12.0216.0487	Cắt u sau phúc mạc	Cắt u sau phúc mạc	6.419.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, vật liệu cầm máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1990	12.0234.0471	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ	5.861.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm vật liệu cầm máu.
1991	12.0239.0486	Cắt đuôi tụy và cắt lách	Cắt đuôi tụy và cắt lách	4.955.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1992	12.0241.0486	Cắt thân và đuôi tụy	Cắt thân và đuôi tụy	4.955.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.

1993	12.0242.0484	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách	4.943.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khóa kẹp mạch máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1994	12.0243.0425	Cắt u bàng quang đường trên	Cắt u bàng quang đường trên	6.140.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
1995	12.0252.0434	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư	4.621.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1996	12.0253.0434	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư + nạo vét hạch bẹn hai bên	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư + nạo vét hạch bẹn hai bên	4.621.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1997	12.0254.0592	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư	4.158.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
1998	12.0255.0598	Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u đáy chậu, u tiểu khung	Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u đáy chậu, u tiểu khung	6.815.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
1999	12.0256.0582	Cắt u thận lành	Cắt u thận lành	3.433.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2000	12.0257.0416	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
2001	12.0258.0487	Cắt bướu nephroblastome sau phúc mạc	Cắt bướu nephroblastome sau phúc mạc	6.419.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, vật liệu cầm máu, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
2002	12.0259.0416	Cắt ung thư thận có hoặc không vét hạch hệ thống	Cắt ung thư thận có hoặc không vét hạch hệ thống	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
2003	12.0260.0416	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	4.703.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
2004	12.0261.1191	Cắt u sùi đầu miệng sáo	Cắt u sùi đầu miệng sáo	1.456.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2005	12.0263.1190	Cắt nang thừng tinh một bên	Cắt nang thừng tinh một bên	2.140.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2006	12.0264.1189	Cắt nang thừng tinh hai bên	Cắt nang thừng tinh hai bên	3.300.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2007	12.0265.0583	Cắt u lành dương vật	Cắt u lành dương vật	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2008	12.0267.0653	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính	3.135.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2009	12.0268.0591	Mổ bóc nhân xơ vú	Mổ bóc nhân xơ vú	1.079.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2010	12.0269.0653	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	3.135.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2011	12.0273.0599	Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư tuyến vú	Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư tuyến vú	5.507.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2012	12.0275.0573	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2013	12.0276.0683	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2014	12.0278.0655	Cắt polyp cổ tử cung	Cắt polyp cổ tử cung	2.104.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2015	12.0280.0683	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Cắt u nang buồng trứng xoắn	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2016	12.0281.0683	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2017	12.0283.0683	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2018	12.0284.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2019	12.0289.0654	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	4.110.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2020	12.0290.0596	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)	5.982.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2021	12.0291.0681	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	4.308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2022	12.0292.0682	Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu	Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu	6.849.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2023	12.0295.0598	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	6.815.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2024	12.0297.0661	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng	6.836.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2025	12.0299.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2026	12.0300.0661	Cắt ung thư buồng trứng lan rộng	Cắt ung thư buồng trứng lan rộng	6.836.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2027	12.0303.0633	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	3.716.600	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2028	12.0305.0593	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	2.971.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2029	12.0306.0597	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo	2.268.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2030	12.0309.0589	Bóc nang tuyến Bartholin	Bóc nang tuyến Bartholin	1.369.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2031	12.0313.1190	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	2.140.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2032	12.0314.1189	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ 5 - 10 cm	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ 5 - 10 cm	3.300.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2033	12.0316.1059	Cắt u máu/u bạch mạch lan toả, đường kính bằng và trên 10 cm	Cắt u máu/u bạch mạch lan toả, đường kính bằng và trên 10 cm	3.488.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2034	12.0317.1190	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5 cm	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5 cm	2.140.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2035	12.0318.1189	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5 cm	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5 cm	3.300.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2036	12.0319.1190	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	2.140.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2037	12.0320.1190	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	2.140.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2038	12.0321.1190	Cắt u bao gân	Cắt u bao gân	2.140.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2039	12.0322.1191	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	1.456.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2040	12.0323.0653	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	3.135.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2041	12.0324.0558	Cắt u xương sụn lành tính	Cắt u xương sụn lành tính	4.085.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học.

2042	12.0325.0558	Cắt u xương, sụn	Cắt u xương, sụn	4.085.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học.
2043	12.0326.0534	Cắt chi và vét hạch do ung thư	Cắt chi và vét hạch do ung thư	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2044	12.0328.0534	Cắt cụt cánh tay do ung thư	Cắt cụt cánh tay do ung thư	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2045	12.0329.0534	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư	3.994.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2046	12.0330.1185	Tháo khớp vai do ung thư đầu trên xương cánh tay	Tháo khớp vai do ung thư đầu trên xương cánh tay	7.770.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2047	12.0331.1189	Tháo nửa bàn chân trước do ung thư	Tháo nửa bàn chân trước do ung thư	3.300.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2048	12.0332.1189	Tháo khớp cổ chân do ung thư	Tháo khớp cổ chân do ung thư	3.300.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2049	12.0333.0551	Tháo khớp gối do ung thư	Tháo khớp gối do ung thư	3.011.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2050	12.0402.0577	Phẫu thuật cắt u thành ngực phức tạp	Phẫu thuật cắt u thành ngực phức tạp	5.204.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2051	13.0002.0672	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	3.376.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2052	13.0003.0674	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	4.395.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2053	13.0007.0671	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	2.604.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2054	13.0008.0670	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch…)	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch…)	4.570.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2055	13.0011.0707	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	5.142.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2056	13.0012.0708	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	3.596.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2057	13.0013.0649	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	5.206.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2058	13.0017.0652	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	4.849.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2059	13.0018.0625	Khâu tử cung do nạo thủng	Khâu tử cung do nạo thủng	3.054.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2060	13.0023.2023	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	55.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Trường hợp theo dõi tim thai và cơn co tử cung của sản phụ khoa trong cuộc đẻ thì thanh toán 01 lần/ngày điều trị.
2061	13.0024.0613	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	1.191.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2062	13.0025.0638	Nội xoay thai	Nội xoay thai	1.472.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2063	13.0026.0615	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	1.510.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2064	13.0030.0623	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	1.663.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2065	13.0031.0727	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	700.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2066	13.0032.0632	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	2.501.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2067	13.0033.0614	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	786.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2068	13.0040.0629	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	94.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2069	13.0046.0608	Chọc ối điều trị đa ối	Chọc ối điều trị đa ối	825.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2070	13.0048.0640	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	313.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2071	13.0049.0635	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	376.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2072	13.0052.0626	Khâu vòng cổ tử cung	Khâu vòng cổ tử cung	582.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2073	13.0053.0594	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	139.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2074	13.0054.0600	Trích áp xe tầng sinh môn	Trích áp xe tầng sinh môn	873.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2075	13.0063.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	6.346.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2076	13.0064.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	6.346.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2077	13.0065.0687	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	6.548.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2078	13.0066.0658	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi	6.375.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2079	13.0067.0657	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	4.168.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2080	13.0068.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	4.308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2081	13.0069.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	4.308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2082	13.0070.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	4.308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2083	13.0071.0679	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	3.628.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2084	13.0072.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2085	13.0073.0702	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	7.279.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2086	13.0074.0686	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	4.721.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2087	13.0075.0668	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	3.594.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2088	13.0076.0689	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2089	13.0077.0689	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2090	13.0080.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2091	13.0081.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2092	13.0082.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2093	13.0083.0689	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2094	13.0084.0607	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm	2.287.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2095	13.0086.0680	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	3.939.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2096	13.0087.0689	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2097	13.0088.0689	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2098	13.0090.0689	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2099	13.0091.0665	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng	4.157.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2100	13.0092.0683	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng	3.217.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2101	13.0093.0664	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	4.197.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2102	13.0099.0698	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ	9.585.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2103	13.0101.0666	Phẫu thuật Crossen	Phẫu thuật Crossen	4.444.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2104	13.0105.0710	Phẫu thuật treo tử cung	Phẫu thuật treo tử cung	3.131.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2105	13.0107.0704	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	6.640.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2106	13.0108.0705	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	4.230.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2107	13.0109.0662	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	2.932.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2108	13.0110.0651	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	2.892.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2109	13.0111.0656	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	3.001.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2110	13.0112.0669	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	3.116.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2111	13.0115.0650	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	2.949.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2112	13.0116.0663	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	4.142.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2113	13.0117.0595	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	4.541.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2114	13.0118.0595	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo	4.541.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2115	13.0119.0596	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi	5.982.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2116	13.0120.0616	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	4.545.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2117	13.0122.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp buồng tử cung	5.990.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2118	13.0123.0654	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	4.110.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2119	13.0124.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	5.990.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2120	13.0126.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	5.990.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2121	13.0128.0636	Nội soi buồng tử cung can thiệp	Nội soi buồng tử cung can thiệp	4.667.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2122	13.0129.0636	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	4.667.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2123	13.0130.0636	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	4.667.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2124	13.0131.0697	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	5.395.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2125	13.0132.0685	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	3.054.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2126	13.0133.0694	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	5.521.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2127	13.0136.0628	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	2.833.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2128	13.0140.0627	Khoét chóp cổ tử cung	Khoét chóp cổ tử cung	3.019.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2129	13.0141.0627	Cắt cụt cổ tử cung	Cắt cụt cổ tử cung	3.019.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2130	13.0143.0655	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	2.104.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2131	13.0144.0721	Thủ thuật xoắn polyp cổ tử cung, âm đạo	Thủ thuật xoắn polyp cổ tử cung, âm đạo	436.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2132	13.0145.0611	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	191.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2133	13.0147.0597	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo	2.268.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2134	13.0148.0630	Lấy dị vật âm đạo	Lấy dị vật âm đạo	653.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2135	13.0149.0624	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Khâu rách cùng đồ âm đạo	2.119.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2136	13.0150.0724	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	1.754.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2137	13.0151.0601	Trích áp xe tuyến Bartholin	Trích áp xe tuyến Bartholin	951.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2138	13.0152.0589	Bóc nang tuyến Bartholin	Bóc nang tuyến Bartholin	1.369.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2139	13.0153.0603	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	885.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2140	13.0154.0712	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	414.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2141	13.0155.0334	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	889.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2142	13.0156.0639	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	627.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2143	13.0157.0619	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	236.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2144	13.0158.0634	Nạo hút thai trứng	Nạo hút thai trứng	914.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2145	13.0159.0609	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	929.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2146	13.0160.0606	Chọc dò túi cùng Douglas	Chọc dò túi cùng Douglas	312.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2147	13.0162.0604	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng	1.069.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2148	13.0163.0602	Trích áp xe vú	Trích áp xe vú	251.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2149	13.0166.0715	Soi cổ tử cung	Soi cổ tử cung	68.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2150	13.0172.0653	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	3.135.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2151	13.0174.0653	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính	3.135.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2152	13.0175.0591	Bóc nhân xơ vú	Bóc nhân xơ vú	1.079.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2153	13.0177.0593	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	2.971.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2154	13.0185.0099	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	685.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2155	13.0199.0211	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	92.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2156	13.0221.0695	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng	5.970.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2157	13.0222.0631	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	3.191.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2158	13.0224.0631	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	3.191.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2159	14.0005.0815	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (phaco) có hoặc không đặt IOL	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (phaco) có hoặc không đặt IOL	2.752.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuỷ tinh thể nhân tạo; đã bao gồm casset dùng nhiều lần, dịch nhầy.
2160	14.0050.0807	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	1.032.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu cắt.

2161	14.0051.0804	Mở bao sau bằng phẫu thuật	Mở bao sau bằng phẫu thuật	680.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu cắt bao sau.
2162	14.0061.0802	Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	1.130.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm ống Silicon.
2163	14.0062.0802	Nối thông lệ mũi nội soi	Nối thông lệ mũi nội soi	1.130.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm ống Silicon.
2164	14.0063.0862	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ	620.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2165	14.0064.0802	Phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản - ống lệ mũi	Phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản - ống lệ mũi	1.130.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm ống Silicon.
2166	14.0072.0781	Lấy dị vật trong củng mạc	Lấy dị vật trong củng mạc	1.013.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2167	14.0073.0783	Lấy dị vật tiền phòng	Lấy dị vật tiền phòng	1.244.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2168	14.0079.0827	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	1.644.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm ống silicon.
2169	14.0080.0847	Sinh thiết tổ chức mi	Sinh thiết tổ chức mi	151.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2170	14.0082.0847	Sinh thiết tổ chức kết mạc	Sinh thiết tổ chức kết mạc	151.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2171	14.0083.0836	Cắt u da mi không ghép	Cắt u da mi không ghép	812.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2172	14.0098.0739	Trích mủ mắt	Trích mủ mắt	510.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2173	14.0106.0768	Đóng lỗ rò đường lệ	Đóng lỗ rò đường lệ [gây mê]	1.595.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2174	14.0106.0769	Đóng lỗ rò đường lệ	Đóng lỗ rò đường lệ [gây tê]	897.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2175	14.0112.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	40.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
2176	14.0116.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi	40.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
2177	14.0122.0826	Cắt cơ Muller	Cắt cơ Muller	1.402.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2178	14.0123.0861	Lùi cơ nâng mi	Lùi cơ nâng mi	891.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2179	14.0132.0838	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	Phẫu thuật điều trị lật mi dưới có hoặc không ghép	1.194.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2180	14.0145.0810	Phẫu thuật cắt mống mắt chu biên	Phẫu thuật cắt mống mắt chu biên	570.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2181	14.0157.0863	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm	534.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2182	14.0158.0851	Tiêm nội nhãn	Tiêm nội nhãn	245.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2183	14.0164.0732	Cắt bỏ túi lệ	Cắt bỏ túi lệ	930.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2184	14.0165.0823	Phẫu thuật mộng đơn thuần	Phẫu thuật mộng đơn thuần	960.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2185	14.0166.0777	Lấy dị vật giác mạc sâu	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây mê]	727.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2186	14.0166.0778	Lấy dị vật giác mạc sâu	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây tê]	99.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2187	14.0166.0780	Lấy dị vật giác mạc sâu	Lấy dị vật giác mạc sâu [gây tê]	359.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2188	14.0167.0738	Cắt bỏ chắp có bọc	Cắt bỏ chắp có bọc	85.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2189	14.0168.0764	Khâu cò mi, tháo cò	Khâu cò mi, tháo cò	452.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2190	14.0169.0738	Trích dẫn lưu túi lệ	Trích dẫn lưu túi lệ	85.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2191	14.0171.0769	Khâu da mi đơn giản	Khâu da mi đơn giản	897.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2192	14.0172.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Khâu phục hồi bờ mi	813.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2193	14.0174.0773	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	1.043.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2194	14.0175.0839	Khâu phủ kết mạc	Khâu phủ kết mạc	698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2195	14.0176.0770	Khâu giác mạc	Khâu giác mạc [đơn thuần]	799.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2196	14.0176.0771	Khâu giác mạc	Khâu giác mạc [phức tạp]	1.244.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2197	14.0177.0765	Khâu củng mạc	Khâu củng mạc [đơn thuần]	849.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2198	14.0177.0767	Khâu củng mạc	Khâu củng mạc [phức tạp]	1.244.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2199	14.0178.0767	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	1.244.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2200	14.0179.0770	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc	Khâu lại mép mổ giác mạc, củng mạc	799.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2201	14.0180.0805	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	1.202.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2202	14.0183.0796	Bơm hơi /khí tiền phòng	Bơm hơi /khí tiền phòng	830.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2203	14.0184.0774	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	830.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2204	14.0185.0798	Múc nội nhãn	Múc nội nhãn	599.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm vật liệu độn.
2205	14.0186.0774	Cắt thị thần kinh	Cắt thị thần kinh	830.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2206	14.0187.0788	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [1 mi - gây mê]	1.351.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2207	14.0187.0789	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [1 mi - gây tê]	698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2208	14.0187.0790	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây mê]	1.572.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2209	14.0187.0791	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây tê]	935.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2210	14.0187.0792	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây tê]	1.188.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2211	14.0187.0793	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây mê]	1.833.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2212	14.0187.0794	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây mê]	2.068.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2213	14.0187.0795	Phẫu thuật quặm	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây tê]	1.387.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2214	14.0191.0789	Mổ quặm bẩm sinh	Mổ quặm bẩm sinh	698.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2215	14.0192.0075	Cắt chỉ khâu giác mạc	Cắt chỉ khâu giác mạc	40.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
2216	14.0193.0856	Tiêm dưới kết mạc	Tiêm dưới kết mạc	55.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
2217	14.0194.0857	Tiêm cạnh nhãn cầu	Tiêm cạnh nhãn cầu	55.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
2218	14.0195.0857	Tiêm hậu nhãn cầu	Tiêm hậu nhãn cầu	55.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
2219	14.0197.0854	Bơm thông lệ đạo	Bơm thông lệ đạo [2 mắt]	105.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2220	14.0197.0855	Bơm thông lệ đạo	Bơm thông lệ đạo [1 mắt]	65.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2221	14.0198.0784	Lấy máu làm huyết thanh	Lấy máu làm huyết thanh	69.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2222	14.0200.0782	Lấy dị vật kết mạc	Lấy dị vật kết mạc	71.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2223	14.0201.0769	Khâu kết mạc	Khâu kết mạc [gây tê]	897.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2224	14.0202.0785	Lấy calci kết mạc	Lấy calci kết mạc	40.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2225	14.0203.0075	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	40.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
2226	14.0204.0075	Cắt chỉ khâu kết mạc	Cắt chỉ khâu kết mạc	40.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
2227	14.0205.0759	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	53.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2228	14.0206.0730	Bơm rửa lệ đạo	Bơm rửa lệ đạo	41.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2229	14.0207.0738	Trích chắp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	Trích chắp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	85.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2230	14.0210.0799	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	40.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2231	14.0211.0842	Rửa cùng đồ	Rửa cùng đồ	48.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2 mắt
2232	14.0212.0864	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	344.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2233	14.0213.0778	Bóc sợi giác mạc	Bóc sợi giác mạc	99.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2234	14.0214.0778	Bóc giả mạc	Bóc giả mạc	99.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2235	14.0215.0505	Rạch áp xe mi	Rạch áp xe mi	218.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2236	14.0216.0505	Rạch áp xe túi lệ	Rạch áp xe túi lệ	218.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2237	14.0218.0849	Soi đáy mắt trực tiếp	Soi đáy mắt trực tiếp	60.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2238	14.0219.0849	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	60.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2239	14.0220.0849	Soi đáy mắt bằng Schepens	Soi đáy mắt bằng Schepens	60.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2240	14.0221.0849	Soi góc tiền phòng	Soi góc tiền phòng	60.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2241	14.0222.0801	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	130.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2242	14.0224.0751	Đo thị giác tương phản	Đo thị giác tương phản	77.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2243	14.0230.0838	Phẫu thuật phục hồi trễ mi dưới	Phẫu thuật phục hồi trễ mi dưới	1.194.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2244	14.0238.0010	Chụp khu trú dị vật nội nhãn	Chụp khu trú dị vật nội nhãn [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2245	14.0238.0011	Chụp khu trú dị vật nội nhãn	Chụp khu trú dị vật nội nhãn [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2246	14.0238.0028	Chụp khu trú dị vật nội nhãn	Chụp khu trú dị vật nội nhãn [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2247	14.0238.0029	Chụp khu trú dị vật nội nhãn	Chụp khu trú dị vật nội nhãn [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2248	14.0239.0010	Chụp lỗ thị giác	Chụp lỗ thị giác [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2249	14.0239.0011	Chụp lỗ thị giác	Chụp lỗ thị giác [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2250	14.0239.0028	Chụp lỗ thị giác	Chụp lỗ thị giác [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2251	14.0239.0029	Chụp lỗ thị giác	Chụp lỗ thị giác [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2252	14.0240.0845	Siêu âm mắt	Siêu âm mắt	69.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2253	14.0249.0844	Siêu âm bán phần trước	Siêu âm bán phần trước	241.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2254	14.0250.0852	Test thử cảm giác giác mạc	Test thử cảm giác giác mạc	46.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2255	14.0251.0852	Test phát hiện khô mắt	Test phát hiện khô mắt	46.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2256	14.0252.0801	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	130.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2257	14.0255.0755	Đo nhãn áp	Đo nhãn áp	31.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2258	14.0257.0848	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	33.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2259	14.0258.0754	Đo khúc xạ máy	Đo khúc xạ máy	12.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2260	14.0259.0753	Đo khúc xạ giác mạc	Đo khúc xạ giác mạc	41.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2261	14.0262.0751	Đo độ lác	Đo độ lác	77.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2262	14.0263.0751	Xác định sơ đồ song thị	Xác định sơ đồ song thị	77.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2263	14.0264.0751	Đo biên độ điều tiết	Đo biên độ điều tiết	77.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2264	14.0265.0751	Đo thị giác 2 mắt	Đo thị giác 2 mắt	77.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2265	14.0266.0865	Đo độ sâu tiền phòng	Đo độ sâu tiền phòng	197.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2266	14.0275.0758	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo bằng siêu âm	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo bằng siêu âm	69.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2267	14.0276.0752	Đo độ lồi	Đo độ lồi	68.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2268	14.0290.0212	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt	Tiêm trong da; tiêm dưới da; tiêm bắp thịt	15.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.
2269	14.0291.0212	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	15.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm.
2270	14.0292.0742	Chụp mạch ký huỳnh quang	Chụp mạch ký huỳnh quang	322.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc
2271	14.0293.0002	Siêu âm + đo trục nhãn cầu	Siêu âm + đo trục nhãn cầu	90.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2272	15.0012.0983	Phẫu thuật cắt u dây thần kinh VIII	Phẫu thuật cắt u dây thần kinh VIII	6.572.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2273	15.0014.0373	Phẫu thuật dẫn lưu não thất	Phẫu thuật dẫn lưu não thất	4.474.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm van dẫn lưu nhân tạo.
2274	15.0017.0987	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	5.537.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2275	15.0019.0986	Phẫu thuật thay thế xương bàn đạp	Phẫu thuật thay thế xương bàn đạp	5.530.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2276	15.0020.0911	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần	4.058.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí mũi khoan
2277	15.0033.1001	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/lấy tổn thương, lấy dị vật	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/lấy tổn thương, lấy dị vật	1.646.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2278	15.0034.0997	Vá nhĩ đơn thuần	Vá nhĩ đơn thuần	4.058.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí mũi khoan
2279	15.0045.0909	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai [gây mê]	1.385.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2280	15.0045.0910	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai [gây tê]	874.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2281	15.0046.0872	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây tê]	580.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2282	15.0046.0954	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây mê]	3.209.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí mũi khoan
2283	15.0048.0971	Đặt ống thông khí màng nhĩ	Đặt ống thông khí màng nhĩ	3.209.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2284	15.0049.0971	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	3.209.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2285	15.0050.0994	Trích rạch màng nhĩ	Trích rạch màng nhĩ	69.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2286	15.0051.0216	Khâu vết rách vành tai	Khâu vết rách vành tai	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2287	15.0052.0993	Bơm hơi vòi nhĩ	Bơm hơi vòi nhĩ	126.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2288	15.0053.1002	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	1.075.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2289	15.0054.0902	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [kính hiển vi, gây mê]	530.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2290	15.0054.0903	Lấy dị vật tai	Lấy dị vật tai [kính hiển vi, gây tê]	170.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2291	15.0055.0902	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây mê]	530.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2292	15.0055.0903	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	170.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2293	15.0056.0882	Chọc hút dịch vành tai	Chọc hút dịch vành tai	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2294	15.0058.0899	Làm thuốc tai	Làm thuốc tai	22.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
2295	15.0059.0908	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	70.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2296	15.0075.0969	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	4.211.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2297	15.0077.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	3.180.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2298	15.0078.0978	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	3.180.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2299	15.0079.0969	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	4.211.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2300	15.0081.0918	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây mê]	705.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2301	15.0081.0919	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây tê]	489.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2302	15.0085.0975	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang	5.244.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2303	15.0086.1001	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh, u nang sàn mũi	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh, u nang sàn mũi	1.646.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2304	15.0097.0960	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	2.981.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt.
2305	15.0098.0929	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	1.658.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm cả dao Hummer.

2306	15.0099.1001	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	1.646.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2307	15.0104.0942	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	4.211.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2308	15.0105.0969	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	4.211.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2309	15.0106.0969	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	4.211.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2310	15.0107.0969	Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần	Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần	4.211.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2311	15.0109.0969	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	4.211.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2312	15.0110.0970	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	3.526.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt.
2313	15.0111.0970	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	3.526.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt.
2314	15.0112.0970	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	3.526.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt.
2315	15.0122.0946	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng	9.076.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2316	15.0125.1001	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	1.646.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2317	15.0127.1002	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	1.075.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2318	15.0128.1002	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	1.075.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2319	15.0129.0921	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm	310.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2320	15.0130.0922	Đốt điện cuốn mũi dưới	Đốt điện cuốn mũi dưới [gây tê]	489.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2321	15.0130.0923	Đốt điện cuốn mũi dưới	Đốt điện cuốn mũi dưới [gây mê]	705.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2322	15.0131.0922	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới [gây tê]	489.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2323	15.0131.0923	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới [gây mê]	705.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2324	15.0132.0867	Bẻ cuốn mũi	Bẻ cuốn mũi	165.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2325	15.0133.0867	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới	165.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2326	15.0134.0912	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây mê]	2.804.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2327	15.0134.0913	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây tê]	1.326.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2328	15.0135.0168	Sinh thiết hốc mũi	Sinh thiết hốc mũi	138.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2329	15.0136.1005	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	321.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2330	15.0137.0931	Nội soi sinh thiết u vòm	Nội soi sinh thiết u vòm [gây mê]	1.601.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2331	15.0137.0932	Nội soi sinh thiết u vòm	Nội soi sinh thiết u vòm [gây tê]	545.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2332	15.0138.0920	Chọc rửa xoang hàm	Chọc rửa xoang hàm	310.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2333	15.0139.0897	Phương pháp Proetz	Phương pháp Proetz	69.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2334	15.0140.0916	Nhét bấc mũi sau	Nhét bấc mũi sau	139.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2335	15.0141.0916	Nhét bấc mũi trước	Nhét bấc mũi trước	139.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2336	15.0142.0868	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu [1 bên]	216.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2337	15.0142.0869	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu [2 bên]	286.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2338	15.0143.0906	Lấy dị vật mũi	Lấy dị vật mũi [gây mê]	705.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2339	15.0143.0907	Lấy dị vật mũi	Lấy dị vật mũi [không gây mê]	213.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2340	15.0144.0906	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [gây mê]	705.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2341	15.0144.0907	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [không gây mê]	213.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2342	15.0147.1006	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	153.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2343	15.0149.0870	Phẫu thuật cắt Amidan	Phẫu thuật cắt Amidan	1.217.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2344	15.0149.0937	Phẫu thuật cắt Amidan	Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện]	1.761.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2345	15.0149.2036	Phẫu thuật cắt Amidan	Phẫu thuật cắt Amidan [dao plasma hoặc dao laser hoặc dao siêu âm]	4.003.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm dao cắt.
2346	15.0150.0871	Phẫu thuật cắt Amidan bằng sóng cao tần	Phẫu thuật cắt Amidan bằng sóng cao tần [Coblator]	2.487.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Bao gồm cả Coblator.
2347	15.0151.0937	Phẫu thuật cắt u Amidan	Phẫu thuật cắt u Amidan [dao điện]	1.761.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2348	15.0151.2036	Phẫu thuật cắt u Amidan	Phẫu thuật cắt u Amidan [dao plasma hoặc dao laser hoặc dao siêu âm]	4.003.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm dao cắt.
2349	15.0152.0988	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amidan (gây mê)	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amidan (gây mê)	3.045.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2350	15.0157.0929	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng dụng cụ cắt hút	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng dụng cụ cắt hút [Hummer]	1.658.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm cả dao Hummer.
2351	15.0158.1002	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	1.075.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2352	15.0166.0978	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	3.180.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2353	15.0169.0966	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng dụng cụ cắt hút	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng dụng cụ cắt hút	4.535.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2354	15.0170.0966	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng laser	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng laser	4.535.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2355	15.0174.0120	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	759.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2356	15.0194.1001	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	1.646.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2357	15.0195.1002	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	1.075.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2358	15.0204.1043	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	1.051.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2359	15.0205.1043	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	1.051.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2360	15.0206.0879	Trích áp xe sàn miệng	Trích áp xe sàn miệng [gây tê]	295.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2361	15.0206.0996	Trích áp xe sàn miệng	Trích áp xe sàn miệng [gây mê]	771.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2362	15.0207.0878	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan [gây tê]	295.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2363	15.0207.0995	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan [gây mê]	771.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2364	15.0208.0916	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA	139.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2365	15.0209.0996	Cắt phanh lưỡi	Cắt phanh lưỡi [gây mê]	771.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2366	15.0209.1041	Cắt phanh lưỡi	Cắt phanh lưỡi [không gây mê]	344.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2367	15.0211.0168	Sinh thiết u họng miệng	Sinh thiết u họng miệng	138.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2368	15.0212.0900	Lấy dị vật họng miệng	Lấy dị vật họng miệng	43.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2369	15.0213.0900	Lấy dị vật hạ họng	Lấy dị vật hạ họng	43.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2370	15.0214.1002	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	1.075.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2371	15.0215.0895	Đốt họng hạt bằng nhiệt	Đốt họng hạt bằng nhiệt	89.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2372	15.0216.0893	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng) [bằng áp lạnh]	141.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2373	15.0216.0894	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng) [bằng khí Nitơ lỏng]	156.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2374	15.0217.0892	Áp lạnh Amidan (Nitơ, CO2 lỏng)	Áp lạnh Amidan (Nitơ, CO2 lỏng)	225.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2375	15.0218.0899	Bơm thuốc thanh quản	Bơm thuốc thanh quản	22.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc.
2376	15.0219.1888	Đặt nội khí quản	Đặt nội khí quản	600.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2377	15.0220.0206	Thay canuyn	Thay canuyn	263.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2378	15.0222.0898	Khí dung mũi họng	Khí dung mũi họng	27.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc khí dung.
2379	15.0223.0879	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê [gây tê]	295.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2380	15.0223.0996	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê [gây mê]	771.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2381	15.0224.1002	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	1.075.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2382	15.0225.0933	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản	116.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca.
2383	15.0226.1005	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	321.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2384	15.0227.1005	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	321.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2385	15.0228.0932	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	545.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2386	15.0229.0932	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	545.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2387	15.0230.0932	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	545.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2388	15.0231.0932	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê	545.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2389	15.0232.0135	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	276.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2390	15.0233.0135	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê	276.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2391	15.0234.0925	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây mê]	754.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2392	15.0234.0927	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây tê]	255.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2393	15.0235.0926	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê [gây mê]	774.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2394	15.0235.0928	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê [gây tê]	350.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2395	15.0236.0925	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê [gây mê]	754.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2396	15.0236.0927	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê [gây tê]	255.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2397	15.0237.0926	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê [gây mê]	774.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2398	15.0237.0928	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê [gây tê]	350.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2399	15.0238.1004	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	549.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2400	15.0239.1004	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê	549.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2401	15.0240.0904	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây mê]	754.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2402	15.0240.0905	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây tê]	404.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2403	15.0242.1004	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	549.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2404	15.0243.0932	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê	545.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2405	15.0291.0985	Phẫu thuật rò sống mũi	Phẫu thuật rò sống mũi	7.715.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2406	15.0299.0988	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ	3.045.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2407	15.0300.0955	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	3.340.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2408	15.0301.0216	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < l0 cm]	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2409	15.0301.0217	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ l0 cm]	269.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2410	15.0301.0218	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài < l0 cm]	289.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2411	15.0301.0219	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ l0 cm]	354.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2412	15.0302.0075	Cắt chỉ sau phẫu thuật	Cắt chỉ sau phẫu thuật	40.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.
2413	15.0303.2047	Thay băng vết mổ	Thay băng vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	89.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.
2414	15.0304.0505	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	218.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2415	15.0331.1049	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt	2.928.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2416	15.0359.2036	Phẫu thuật cắt Amidan bằng plasma	Phẫu thuật cắt Amidan bằng plasma	4.003.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm dao cắt.
2417	15.0360.0977	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng plasma (gây mê)	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng plasma (gây mê)	4.003.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm dao plasma
2418	15.0361.2036	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	4.003.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm dao cắt.
2419	15.0367.0924	Nội soi đường hô hấp và tiêu hóa trên	Nội soi đường hô hấp và tiêu hóa trên	2.332.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2420	15.0371.0940	Phẫu thuật cắt ung thư Amidan sử dụng dao siêu âm/dao hàn mô, hàn mạch/laser	Phẫu thuật cắt ung thư Amidan sử dụng dao siêu âm/dao hàn mô, hàn mạch/laser	5.980.000	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2421	15.0372.0967	Phẫu thuật nội soi cắt u máu hạ họng - thanh quản bằng dao siêu âm	Phẫu thuật nội soi cắt u máu hạ họng - thanh quản bằng dao siêu âm	8.807.000	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Đã bao gồm dao siêu âm
2422	15.0383.0939	Phẫu thuật khối u khoảng bên họng bằng dao siêu âm/hàn mô, hàn mạch	Phẫu thuật khối u khoảng bên họng bằng dao siêu âm/hàn mô, hàn mạch	9.963.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2423	15.0391.0955	Phẫu thuật mở cạnh cổ lấy dị vật (dị vật thực quản, hỏa khí…)	Phẫu thuật mở cạnh cổ lấy dị vật (dị vật thực quản, hỏa khí…)	3.340.900	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	

2424	15.0393.0998	Phẫu thuật nội soi đóng lỗ rò xoang lê bằng laser/nhiệt	Phẫu thuật nội soi đóng lỗ rò xoang lê bằng laser/nhiệt	3.391.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2425	16.0022.1037	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương đông khô và đặt màng sinh học	1.172.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm màng tái tạo mô và xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
2426	16.0023.1037	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	Phẫu thuật tái tạo xương sống hàm bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	1.172.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm màng tái tạo mô và xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
2427	16.0025.1037	Phẫu thuật điều trị khuyết hổng chẽ chân răng bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	Phẫu thuật điều trị khuyết hổng chẽ chân răng bằng ghép xương nhân tạo và đặt màng sinh học	1.172.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm màng tái tạo mô và xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
2428	16.0034.1038	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	952.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2429	16.0035.1023	Phẫu thuật nạo túi lợi	Phẫu thuật nạo túi lợi	89.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2430	16.0043.1020	Lấy cao răng	Lấy cao răng [hai hàm]	159.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2431	16.0043.1021	Lấy cao răng	Lấy cao răng [một vùng hoặc một hàm]	92.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2432	16.0044.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 4, 5]	631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2433	16.0044.1013	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6, 7 hàm dưới]	861.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2434	16.0044.1014	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	455.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2435	16.0044.1015	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	991.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2436	16.0045.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 4, 5]	631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2437	16.0045.1013	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 6, 7 hàm dưới]	861.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2438	16.0045.1014	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 1, 2, 3]	455.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2439	16.0045.1015	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 6,7 hàm trên]	991.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2440	16.0046.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 4, 5]	631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2441	16.0046.1013	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6, 7 hàm dưới]	861.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2442	16.0046.1014	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	455.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2443	16.0046.1015	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	991.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2444	16.0047.1012	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 4, 5]	631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2445	16.0047.1013	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 6, 7 hàm dưới]	861.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2446	16.0047.1014	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 1, 2, 3]	455.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2447	16.0047.1015	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng có sử dụng laser và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 6,7 hàm trên]	991.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2448	16.0050.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 4, 5]	631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2449	16.0050.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm dưới]	861.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2450	16.0050.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 1, 2, 3]	455.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2451	16.0050.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội [răng số 6,7 hàm trên]	991.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2452	16.0051.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 4, 5]	631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2453	16.0051.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 6,7 hàm dưới]	861.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2454	16.0051.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 1, 2, 3]	455.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2455	16.0051.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy [răng số 6,7 hàm trên]	991.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2456	16.0052.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay [răng số 4,5]	631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2457	16.0052.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm dưới]	861.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2458	16.0052.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay [răng số 1, 2, 3]	455.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2459	16.0052.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay [răng số 6,7 hàm trên]	991.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2460	16.0054.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy [răng số 4, 5]	631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2461	16.0054.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy [răng số 6,7 hàm dưới]	861.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2462	16.0054.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy [răng số 1, 2, 3]	455.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2463	16.0054.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy [răng số 6,7 hàm trên]	991.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2464	16.0055.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy [răng số 4, 5]	631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2465	16.0055.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy [răng số 6,7 hàm dưới]	861.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2466	16.0055.1014	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy [răng số 1, 2, 3]	455.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2467	16.0055.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy [răng số 6,7 hàm trên]	991.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2468	16.0056.1032	Chụp tủy bằng MTA	Chụp tủy bằng MTA	308.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2469	16.0057.1032	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	308.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2470	16.0061.1011	Điều trị tủy lại	Điều trị tủy lại	987.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2471	16.0067.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2472	16.0068.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2473	16.0070.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2474	16.0071.1018	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	369.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2475	16.0072.1018	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Phục hồi cổ răng bằng Composite	369.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2476	16.0197.1036	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	369.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2477	16.0198.1026	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	239.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2478	16.0199.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	398.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2479	16.0200.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	398.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2480	16.0201.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	398.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2481	16.0202.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	398.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2482	16.0203.1026	Nhổ răng vĩnh viễn	Nhổ răng vĩnh viễn	239.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2483	16.0204.1025	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	110.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2484	16.0205.1024	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Nhổ chân răng vĩnh viễn	217.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2485	16.0206.1026	Nhổ răng thừa	Nhổ răng thừa	239.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2486	16.0214.1007	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	178.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2487	16.0216.1041	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	344.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2488	16.0217.1041	Phẫu thuật cắt phanh môi	Phẫu thuật cắt phanh môi	344.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2489	16.0218.1041	Phẫu thuật cắt phanh má	Phẫu thuật cắt phanh má	344.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2490	16.0220.1042	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	601.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2491	16.0222.1035	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2492	16.0223.1035	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2493	16.0224.1035	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2494	16.0225.1035	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2495	16.0226.1035	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2496	16.0230.1010	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	380.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2497	16.0232.1016	Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa [một chân]	296.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2498	16.0232.1017	Điều trị tủy răng sữa	Điều trị tủy răng sữa [nhiều chân]	415.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2499	16.0233.1050	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	493.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2500	16.0234.1050	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	493.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2501	16.0236.1019	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng GlassIonomer Cement	112.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2502	16.0238.1029	Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	46.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2503	16.0239.1029	Nhổ chân răng sữa	Nhổ chân răng sữa	46.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2504	16.0242.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng chỉ thép	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng chỉ thép	2.997.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.

2505	16.0243.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	2.997.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2506	16.0244.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	2.997.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2507	16.0245.1067	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	Phẫu thuật điều trị gãy lồi cầu xương hàm dưới bằng vật liệu thay thế	2.997.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2508	16.0247.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chỉ thép	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chỉ thép	3.297.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2509	16.0248.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	3.297.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2510	16.0249.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu	3.297.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2511	16.0250.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chỉ thép	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chỉ thép	3.297.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2512	16.0251.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	3.297.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2513	16.0252.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít tự tiêu	3.297.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2514	16.0253.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép	3.297.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2515	16.0254.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	3.297.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2516	16.0255.1069	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít tự tiêu	3.297.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2517	16.0268.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	2.897.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2518	16.0269.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	2.897.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2519	16.0270.1068	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	2.897.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2520	16.0271.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	2.636.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2521	16.0272.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	2.636.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2522	16.0273.1095	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	2.636.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2523	16.0274.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	2.636.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2524	16.0275.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	2.636.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2525	16.0276.1095	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	2.636.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2526	16.0277.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	3.197.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2527	16.0278.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	3.197.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.

2528	16.0279.1066	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	3.197.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2529	16.0280.1066	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây mê hoặc gây tê)	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây mê hoặc gây tê)	3.197.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2530	16.0286.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	2.897.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2531	16.0287.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	2.897.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2532	16.0288.1068	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố định 2 hàm	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố định 2 hàm	2.897.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2533	16.0291.1065	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	4.733.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít.
2534	16.0294.1079	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	2.856.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2535	16.0295.0576	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	2.767.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2536	16.0298.1009	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	414.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2537	16.0306.1043	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	1.051.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2538	16.0333.1070	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	2.497.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2539	16.0335.1022	Nắn sai khớp thái dương hàm	Nắn sai khớp thái dương hàm	110.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2540	16.0336.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	1.832.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2541	16.0337.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	1.832.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2542	16.0348.1089	Phẫu thuật tháo nẹp, vít	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [hai bên]	3.317.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2543	16.0348.1090	Phẫu thuật tháo nẹp, vít	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [xương lồi cầu]	3.254.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2544	16.0348.1091	Phẫu thuật tháo nẹp, vít	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [một bên]	3.081.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2545	17.0001.0254	Điều trị bằng sóng ngắn	Điều trị bằng sóng ngắn	41.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2546	17.0003.0254	Điều trị bằng vi sóng	Điều trị bằng vi sóng	41.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2547	17.0004.0232	Điều trị bằng từ trường	Điều trị bằng từ trường	41.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2548	17.0006.0231	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	48.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2549	17.0007.0234	Điều trị bằng các dòng điện xung	Điều trị bằng các dòng điện xung	44.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2550	17.0008.0253	Điều trị bằng siêu âm	Điều trị bằng siêu âm	48.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2551	17.0009.0255	Điều trị bằng sóng xung kích	Điều trị bằng sóng xung kích	71.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2552	17.0010.0236	Điều trị bằng dòng giao thoa	Điều trị bằng dòng giao thoa	30.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2553	17.0011.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại	40.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2554	17.0012.0243	Điều trị bằng laser công suất thấp	Điều trị bằng laser công suất thấp	52.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2555	17.0013.0275	Đo liều sinh học trong điều trị tia tử ngoại	Đo liều sinh học trong điều trị tia tử ngoại	40.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2556	17.0014.0275	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	40.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2557	17.0015.0275	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	40.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2558	17.0018.0221	Điều trị bằng Parafin	Điều trị bằng Parafin	46.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2559	17.0025.1116	Điều trị bằng oxy cao áp	Điều trị bằng oxy cao áp	285.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2560	17.0026.0220	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	50.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2561	17.0033.0266	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	51.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2562	17.0034.0267	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	59.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2563	17.0037.0267	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	Tập ngồi thăng bằng tĩnh và động	59.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2564	17.0039.0267	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	59.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2565	17.0041.0268	Tập đi với thanh song song	Tập đi với thanh song song	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2566	17.0042.0268	Tập đi với khung tập đi	Tập đi với khung tập đi	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2567	17.0043.0268	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2568	17.0044.0268	Tập đi với gậy	Tập đi với gậy	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2569	17.0046.0268	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2570	17.0047.0268	Tập lên, xuống cầu thang	Tập lên, xuống cầu thang	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2571	17.0048.0268	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2572	17.0049.0268	Tập đi với chân giả trên gối	Tập đi với chân giả trên gối	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2573	17.0050.0268	Tập đi với chân giả dưới gối	Tập đi với chân giả dưới gối	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2574	17.0051.0268	Tập đi với khung treo	Tập đi với khung treo	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2575	17.0052.0267	Tập vận động thụ động	Tập vận động thụ động	59.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2576	17.0053.0267	Tập vận động có trợ giúp	Tập vận động có trợ giúp	59.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2577	17.0056.0267	Tập vận động có kháng trở	Tập vận động có kháng trở	59.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2578	17.0058.0268	Tập vận động trên bóng	Tập vận động trên bóng	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2579	17.0059.0268	Tập trong bồn bóng nhỏ	Tập trong bồn bóng nhỏ	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2580	17.0063.0268	Tập với thang tường	Tập với thang tường	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2581	17.0064.0268	Tập với giàn treo các chi	Tập với giàn treo các chi	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2582	17.0065.0269	Tập với ròng rọc	Tập với ròng rọc	14.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2583	17.0066.0268	Tập với dụng cụ quay khớp vai	Tập với dụng cụ quay khớp vai	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2584	17.0067.0268	Tập với dụng cụ chèo thuyền	Tập với dụng cụ chèo thuyền	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2585	17.0068.0268	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2586	17.0069.0268	Tập với máy tập thăng bằng	Tập với máy tập thăng bằng	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2587	17.0070.0261	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	14.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2588	17.0071.0270	Tập với xe đạp tập	Tập với xe đạp tập	14.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2589	17.0073.0277	Tập các kiểu thở	Tập các kiểu thở	32.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2590	17.0085.0282	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Kỹ thuật xoa bóp vùng	51.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2591	17.0092.0268	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	33.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2592	17.0104.0263	Tập nuốt	Tập nuốt [sử dụng máy]	173.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2593	17.0104.0264	Tập nuốt	Tập nuốt [không sử dụng máy]	144.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2594	17.0108.0260	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	77.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2595	17.0109.0265	Tập cho người thất ngôn	Tập cho người thất ngôn	124.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2596	17.0111.0265	Tập sửa lỗi phát âm	Tập sửa lỗi phát âm	124.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2597	17.0158.0233	Điều trị bằng điện vi dòng	Điều trị bằng điện vi dòng	30.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2598	17.0250.0256	Tập do cứng khớp	Tập do cứng khớp	56.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2599	17.0252.0279	Xoa bóp áp lực hơi	Xoa bóp áp lực hơi	32.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2600	18.0001.0001	Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm tuyến giáp	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2601	18.0002.0001	Siêu âm các tuyến nước bọt	Siêu âm các tuyến nước bọt	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2602	18.0015.0001	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2603	18.0016.0001	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2604	18.0017.0003	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	195.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2605	18.0018.0001	Siêu âm tử cung phần phụ	Siêu âm tử cung phần phụ	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2606	18.0019.0001	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2607	18.0020.0001	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2608	18.0021.0069	Siêu âm doppler các khối u trong ổ bụng	Siêu âm doppler các khối u trong ổ bụng	89.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2609	18.0022.0069	Siêu âm doppler gan lách	Siêu âm doppler gan lách	89.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2610	18.0030.0001	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2611	18.0031.0003	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	195.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2612	18.0032.0069	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	89.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2613	18.0033.0004	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2614	18.0034.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2615	18.0035.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2616	18.0036.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2617	18.0043.0001	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2618	18.0044.0001	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2619	18.0052.0004	Siêu âm doppler tim, van tim	Siêu âm doppler tim, van tim	252.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2620	18.0053.0007	Siêu âm 3D/4D tim	Siêu âm 3D/4D tim	486.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng trong trường hợp chỉ định để thực hiện các phẫu thuật hoặc can thiệp tim mạch.
2621	18.0054.0001	Siêu âm tuyến vú hai bên	Siêu âm tuyến vú hai bên	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2622	18.0057.0001	Siêu âm tinh hoàn hai bên	Siêu âm tinh hoàn hai bên	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2623	18.0058.0069	Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	89.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2624	18.0067.0013	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2625	18.0067.0028	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2626	18.0067.0029	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2627	18.0068.0013	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2628	18.0068.0028	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2629	18.0068.0029	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2630	18.0069.0010	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí

2631	18.0069.0028	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2632	18.0070.0010	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2633	18.0070.0028	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2634	18.0071.0011	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2635	18.0071.0028	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2636	18.0071.0029	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2637	18.0072.0010	Chụp X-quang Blondeau	Chụp X-quang Blondeau [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2638	18.0072.0028	Chụp X-quang Blondeau	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2639	18.0072.0029	Chụp X-quang Blondeau	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2640	18.0073.0010	Chụp X-quang Hirtz	Chụp X-quang Hirtz [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2641	18.0073.0028	Chụp X-quang Hirtz	Chụp X-quang Hirtz [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2642	18.0074.0010	Chụp X-quang hàm chếch một bên	Chụp X-quang hàm chếch một bên [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2643	18.0074.0028	Chụp X-quang hàm chếch một bên	Chụp X-quang hàm chếch một bên [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2644	18.0075.0010	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2645	18.0075.0028	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2646	18.0076.0010	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2647	18.0076.0028	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2648	18.0077.0010	Chụp X-quang Chausse III	Chụp X-quang Chausse III [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2649	18.0077.0028	Chụp X-quang Chausse III	Chụp X-quang Chausse III [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2650	18.0078.0010	Chụp X-quang Schuller	Chụp X-quang Schuller [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2651	18.0078.0028	Chụp X-quang Schuller	Chụp X-quang Schuller [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2652	18.0079.0010	Chụp X-quang Stenvers	Chụp X-quang Stenvers [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2653	18.0079.0028	Chụp X-quang Stenvers	Chụp X-quang Stenvers [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2654	18.0080.0010	Chụp X-quang khớp thái dương hàm	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2655	18.0080.0028	Chụp X-quang khớp thái dương hàm	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2656	18.0081.2001	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)	16.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2657	18.0081.2002	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical)	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical) [số hóa]	23.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2658	18.0082.0010	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing)	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing) [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2659	18.0082.0028	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing)	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing) [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2660	18.0084.0028	Chụp X-quang phim cắn (Occlusal)	Chụp X-quang phim cắn (Occlusal)	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2661	18.0085.0010	Chụp X-quang mỏm trâm	Chụp X-quang mỏm trâm [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2662	18.0085.0028	Chụp X-quang mỏm trâm	Chụp X-quang mỏm trâm [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2663	18.0086.0013	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2664	18.0086.0028	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2665	18.0086.0029	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2666	18.0087.0013	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2667	18.0087.0028	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2668	18.0087.0029	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2669	18.0088.0030	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế [số hóa 3 phim]	130.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2670	18.0089.0010	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2671	18.0089.0028	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2672	18.0089.0029	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2673	18.0090.0013	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2674	18.0090.0028	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2675	18.0090.0029	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2676	18.0091.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2677	18.0091.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2678	18.0091.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2679	18.0092.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2680	18.0092.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2681	18.0092.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí

2682	18.0093.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2683	18.0093.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2684	18.0093.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2685	18.0094.0013	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2686	18.0094.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2687	18.0094.0029	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2688	18.0095.0012	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2689	18.0095.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2690	18.0096.0013	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2691	18.0096.0028	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2692	18.0096.0029	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2693	18.0097.0030	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên [số hóa 3 phim]	130.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2694	18.0098.0012	Chụp X-quang khung chậu thẳng	Chụp X-quang khung chậu thẳng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2695	18.0098.0028	Chụp X-quang khung chậu thẳng	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2696	18.0099.0012	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2697	18.0099.0028	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2698	18.0100.0012	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2699	18.0100.0028	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2700	18.0100.0029	Chụp X-quang khớp vai thẳng	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2701	18.0101.0012	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2702	18.0101.0028	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2703	18.0102.0013	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2704	18.0102.0028	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí

2705	18.0102.0029	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2706	18.0103.0013	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2707	18.0103.0028	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2708	18.0103.0029	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2709	18.0104.0013	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2710	18.0104.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2711	18.0104.0029	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2712	18.0105.0012	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2713	18.0105.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2714	18.0106.0013	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2715	18.0106.0028	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2716	18.0106.0029	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2717	18.0107.0013	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2718	18.0107.0028	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2719	18.0107.0029	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2720	18.0108.0013	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2721	18.0108.0028	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2722	18.0108.0029	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2723	18.0109.0012	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2724	18.0109.0028	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2725	18.0110.0012	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2726	18.0110.0028	Chụp X-quang khớp háng nghiêng	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2727	18.0111.0013	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí

2728	18.0111.0028	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2729	18.0111.0029	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2730	18.0112.0013	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [>24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2731	18.0112.0028	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2732	18.0112.0029	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2733	18.0113.0013	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2734	18.0113.0028	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2735	18.0113.0029	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2736	18.0114.0013	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2737	18.0114.0028	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2738	18.0114.0029	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2739	18.0115.0013	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2740	18.0115.0028	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2741	18.0115.0029	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2742	18.0116.0013	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2743	18.0116.0028	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2744	18.0116.0029	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2745	18.0117.0011	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2746	18.0117.0028	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2747	18.0117.0029	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2748	18.0118.0013	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2749	18.0118.0030	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng [số hóa 3 phim]	130.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí

2750	18.0119.0012	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2751	18.0119.0028	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2752	18.0119.0029	Chụp X-quang ngực thẳng	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2753	18.0120.0012	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2754	18.0120.0028	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2755	18.0121.0013	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2756	18.0121.0028	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2757	18.0121.0029	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2758	18.0122.0013	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2759	18.0122.0028	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2760	18.0122.0029	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2761	18.0123.0012	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2762	18.0123.0028	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2763	18.0124.0016	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng [có thuốc cản quang]	109.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2764	18.0124.0034	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng [có thuốc cản quang, số hóa]	264.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2765	18.0125.0012	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2766	18.0125.0028	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2767	18.0125.0029	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2768	18.0127.0028	Chụp X-quang tại giường	Chụp X-quang tại giường	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2769	18.0128.0028	Chụp X-quang tại phòng mổ	Chụp X-quang tại phòng mổ	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2770	18.0129.0014	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric) [thường]	72.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2771	18.0129.0028	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric) [số hóa 1 phim]	73.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2772	18.0129.0029	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric) [số hóa 2 phim]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho 01 vị trí
2773	18.0130.0017	Chụp X-quang thực quản dạ dày	Chụp X-quang thực quản dạ dày [có thuốc cản quang]	124.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2774	18.0130.0035	Chụp X-quang thực quản dạ dày	Chụp X-quang thực quản dạ dày [có thuốc cản quang, số hóa]	264.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2775	18.0132.0018	Chụp X-quang đại tràng	Chụp X-quang đại tràng [có thuốc cản quang]	164.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2776	18.0132.0036	Chụp X-quang đại tràng	Chụp X-quang đại tràng [có thuốc cản quang, số hóa]	304.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2777	18.0133.0019	Chụp X-quang đường mật qua Kehr	Chụp X-quang đường mật qua Kehr	280.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2778	18.0140.0020	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV) [có thuốc cản quang]	579.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2779	18.0140.0032	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV) [có thuốc cản quang UVI, số hóa]	649.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2780	18.0141.0020	Chụp X-quang bể thận - niệu quản xuôi dòng	Chụp X-quang bể thận - niệu quản xuôi dòng [có thuốc cản quang]	579.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2781	18.0141.0032	Chụp X-quang bể thận - niệu quản xuôi dòng	Chụp X-quang bể thận - niệu quản xuôi dòng [có thuốc cản quang, số hóa]	649.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2782	18.0143.0033	Chụp X-quang niệu đạo bàng quang ngược dòng	Chụp X-quang niệu đạo bàng quang ngược dòng	604.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2783	18.0144.0022	Chụp X-quang bàng quang trên xương mu	Chụp X-quang bàng quang trên xương mu	246.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2784	18.0149.0040	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2785	18.0150.0041	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2786	18.0155.0040	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2787	18.0156.0041	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2788	18.0160.0040	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2789	18.0160.0041	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy)	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2790	18.0191.0040	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2791	18.0192.0041	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2792	18.0193.0040	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1- 32 dãy) [không có thuốc cản quang]	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2793	18.0196.0041	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 1- 32 dãy)	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2794	18.0197.0041	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1- 32 dãy)	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2795	18.0219.0040	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2796	18.0219.0041	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2797	18.0220.0040	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2798	18.0220.0041	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2799	18.0221.0040	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2800	18.0221.0041	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2801	18.0222.0040	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy) [không có thuốc cản quang]	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2802	18.0222.0041	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2803	18.0223.0041	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 1-32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 1-32 dãy) [có thuốc cản quang]	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2804	18.0255.0040	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2805	18.0256.0041	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2806	18.0257.0040	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2807	18.0258.0041	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2808	18.0259.0040	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2809	18.0260.0041	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2810	18.0261.0040	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2811	18.0262.0041	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	663.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
2812	18.0264.0040	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2813	18.0296.0066	Chụp cộng hưởng từ sọ não (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ sọ não (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2814	18.0297.0065	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2815	18.0298.0066	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2816	18.0299.0065	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2817	18.0300.0066	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2818	18.0301.0065	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2819	18.0302.0065	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học) (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học) (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2820	18.0303.0066	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2821	18.0304.0065	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2822	18.0308.0066	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging) (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging) (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2823	18.0309.0065	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá (0.2-1.5T) [có chất tương phản]	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2824	18.0310.0066	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2825	18.0311.0065	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2826	18.0313.0066	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2827	18.0314.0065	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2828	18.0319.0066	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan - mật, tụy, lách, thận, dạ dày - tá tràng...) (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan - mật, tụy, lách, thận, dạ dày - tá tràng...) (0.2-1.5T)	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2829	18.0320.0065	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan - mật, tụy, lách, thận, dạ dày - tá tràng...) (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan - mật, tụy, lách, thận, dạ dày - tá tràng...) (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2830	18.0321.0066	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	

2831	18.0322.0065	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn (0.2-1.5T) [có chất tương phản]	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2832	18.0323.0065	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung - phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...) (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2833	18.0324.0066	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2834	18.0325.0065	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2835	18.0327.0065	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis) (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis) (0.2-1.5T) [có chất tương phản]	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2836	18.0329.0065	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2837	18.0332.0066	Chụp cộng hưởng từ thai nhi (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ thai nhi (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2838	18.0333.0067	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô (0.2-1.5T)	8.738.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2839	18.0334.0066	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2840	18.0335.0065	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2841	18.0336.0066	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2842	18.0337.0065	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2843	18.0338.0066	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2844	18.0339.0065	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2845	18.0340.0066	Chụp cộng hưởng từ khớp (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ khớp (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2846	18.0341.0065	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2847	18.0342.0065	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2848	18.0343.0066	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2849	18.0344.0065	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2850	18.0345.0066	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi (0.2-1.5T) [không có chất tương phản]	1.341.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2851	18.0346.0065	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	2.250.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2852	18.0603.0169	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm	1.064.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2853	18.0605.0170	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	879.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2854	18.0606.0169	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm	1.064.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2855	18.0607.0169	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	1.064.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2856	18.0609.0170	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	879.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2857	18.0610.0090	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	170.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2858	18.0611.0170	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm	879.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2859	18.0619.0090	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	170.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2860	18.0620.0087	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	171.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2861	18.0621.0090	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	170.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2862	18.0622.0085	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	240.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2863	18.0632.0165	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm	659.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm ống thông.
2864	18.0633.0165	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	659.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm ống thông.
2865	20.0008.0932	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	545.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2866	20.0010.0990	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	245.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2867	20.0013.0933	Nội soi tai mũi họng	Nội soi tai mũi họng	116.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/ca.
2868	,	#N/A	Nội soi tai mũi họng	116.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	#N/A
2869	20.0057.0157	Nong hẹp thực quản, tâm vị qua nội soi	Nong hẹp thực quản, tâm vị qua nội soi	2.373.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2870	20.0063.0142	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	905.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2871	20.0067.0140	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	798.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cầm máu, dụng cụ cầm máu (clip, bộ thắt tĩnh mạch thực quản...)
2872	20.0070.0500	Nội soi đại tràng - lấy dị vật	Nội soi đại tràng - lấy dị vật	1.743.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2873	20.0071.0184	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	Nội soi đại tràng tiêm cầm máu	656.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dụng cụ kẹp và clip cầm máu.
2874	20.0072.0191	Nội soi trực tràng - hậu môn thắt trĩ	Nội soi trực tràng - hậu môn thắt trĩ	283.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2875	20.0073.0136	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	Nội soi đại, trực tràng có thể sinh thiết	468.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2876	20.0079.0134	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết	493.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí Test HP
2877	20.0080.0135	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	276.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2878	20.0081.0137	Nội soi đại tràng sigma	Nội soi đại tràng sigma	352.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2879	20.0083.0104	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ)	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ)	950.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm Sonde JJ.

2880	20.0084.0440	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	1.345.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
2881	20.0085.0115	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	1.010.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde niệu quản và dây dẫn Guide wire.
2882	20.0087.0152	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	953.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2883	20.0089.0072	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ngoài cơ thể khi sỏi tắc ở niệu quản	500.500	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
2884	20.0098.0637	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	3.035.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2885	20.0102.0724	Nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	Nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	1.754.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2886	20.0103.0636	Nội soi buồng tử cung can thiệp	Nội soi buồng tử cung can thiệp	4.667.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2887	21.0014.1778	Điện tim thường	Điện tim thường	39.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2888	21.0040.1777	Ghi điện não đồ thông thường	Ghi điện não đồ thông thường	75.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2889	21.0079.0801	Nghiệm pháp phát hiện glocom	Nghiệm pháp phát hiện glocom	130.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2890	21.0083.0848	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	33.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2891	21.0084.0754	Đo khúc xạ máy	Đo khúc xạ máy	12.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2892	21.0085.0753	Đo khúc xạ giác mạc Javal	Đo khúc xạ giác mạc Javal	41.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2893	21.0087.0751	Đo độ lác	Đo độ lác	77.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2894	21.0090.0752	Đo đường kính giác mạc	Đo đường kính giác mạc	68.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2895	21.0091.0758	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm	69.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2896	21.0092.0755	Đo nhãn áp	Đo nhãn áp	31.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2897	22.0001.1352	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	68.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2898	22.0002.1352	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động	68.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2899	22.0005.1354	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (tên khác: TCK) bằng máy tự động	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (tên khác: TCK) bằng máy tự động	43.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2900	22.0006.1354	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) bằng máy bán tự động	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) bằng máy bán tự động	43.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2901	22.0008.1353	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	43.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2902	22.0009.1353	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động	43.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2903	22.0011.1254	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	60.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2904	22.0012.1254	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động	60.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2905	22.0013.1242	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	110.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2906	22.0014.1242	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động	110.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2907	22.0017.1310	Nghiệm pháp Von-Kaulla	Nghiệm pháp Von-Kaulla	55.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2908	22.0019.1348	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	13.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2909	22.0088.1571	Định lượng vitamin B12	Định lượng vitamin B12	78.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2910	22.0116.1514	Định lượng Ferritin	Định lượng Ferritin	84.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2911	22.0119.1368	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	39.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2912	22.0120.1370	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	43.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2913	22.0123.1297	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	70.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2914	22.0124.1298	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	74.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2915	22.0134.1296	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	28.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2916	22.0136.1363	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	Tìm mảnh vỡ hồng cầu	18.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2917	22.0138.1362	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	39.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2918	22.0140.1360	Tìm giun chỉ trong máu	Tìm giun chỉ trong máu	37.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2919	22.0142.1304	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	24.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2920	22.0143.1303	Máu lắng (bằng máy tự động)	Máu lắng (bằng máy tự động)	37.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2921	22.0149.1594	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	44.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2922	22.0152.1609	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng phương pháp thủ công	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản…) bằng phương pháp thủ công	58.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2923	22.0154.1735	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học	190.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2924	22.0163.1412	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	37.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2925	22.0166.1414	Xét nghiệm tế bào hạch (hạch đồ)	Xét nghiệm tế bào hạch (hạch đồ)	52.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2926	22.0268.1330	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (kỹ thuật ống nghiệm)	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (kỹ thuật ống nghiệm)	31.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2927	22.0274.1326	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (kỹ thuật ống nghiệm)	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (kỹ thuật ống nghiệm)	80.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2928	22.0279.1269	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	42.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2929	22.0280.1269	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiến đá)	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiến đá)	42.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2930	22.0290.1275	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	93.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2931	22.0291.1280	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)	33.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2932	22.0292.1280	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phiến đá)	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phiến đá)	33.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2933	22.0294.1273	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) trên hệ thống máy tự động hoàn toàn	40.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2934	22.0502.1267	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu [khối hồng cầu, khối bạch cầu]	24.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2935	22.0605.1299	Huyết đồ (bằng hệ thống tự động hoàn toàn)	Huyết đồ (bằng hệ thống tự động hoàn toàn)	161.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2936	22.0625.1372	Xác định bất đồng nhóm máu mẹ con (kỹ thuật ống nghiệm)	Xác định bất đồng nhóm máu mẹ con (kỹ thuật ống nghiệm)	99.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2937	22.9000.1349	Thời gian đông máu	Thời gian đông máu	13.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2938	23.0003.1494	Định lượng Acid Uric [Máu]	Định lượng Acid Uric [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
2939	23.0007.1494	Định lượng Albumin [Máu]	Định lượng Albumin [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
2940	23.0010.1494	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
2941	23.0014.1460	Định lượng Anti-Tg (Antibody-Thyroglobulin) [Máu]	Định lượng Anti-Tg (Antibody-Thyroglobulin) [Máu]	280.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2942	23.0015.1461	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies) [Máu]	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies) [Máu]	212.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2943	23.0018.1457	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	95.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2944	23.0019.1493	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.
2945	23.0020.1493	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.
2946	23.0025.1493	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.
2947	23.0027.1493	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.

2948	23.0029.1473	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	13.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2949	23.0030.1472	Định lượng Canxi ion hóa [Máu]	Định lượng Canxi ion hóa [Máu]	16.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ thanh toán khi định lượng trực tiếp.
2950	23.0032.1468	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]	144.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2951	23.0033.1470	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	144.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2952	23.0034.1469	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]	156.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2953	23.0035.1471	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4) [Máu]	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4) [Máu]	139.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2954	23.0039.1476	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	89.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2955	23.0041.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	28.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2956	23.0042.1482	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]	28.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2957	23.0043.1478	Đo hoạt độ CK-MB ((Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]	Đo hoạt độ CK-MB ((Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]	39.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2958	23.0044.1478	Định lượng CK-MB mass (Isozym MB of Creatine kinase mass) [Máu]	Định lượng CK-MB mass (Isozym MB of Creatine kinase mass) [Máu]	39.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2959	23.0045.1481	Định lượng C-Peptid [Máu]	Định lượng C-Peptid [Máu]	178.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2960	23.0046.1480	Định lượng Cortisol (máu)	Định lượng Cortisol (máu)	95.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2961	23.0050.1484	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity) [Máu]	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity) [Máu]	56.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2962	23.0051.1494	Định lượng Creatinin (máu)	Định lượng Creatinin (máu)	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
2963	23.0052.1486	Định lượng Cyfra 21-1 [Máu]	Định lượng Cyfra 21-1 [Máu]	100.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2964	23.0058.1487	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	30.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho cả trường hợp cho kết quả nhiều hơn 3 chỉ số
2965	23.0063.1514	Định lượng Ferritin [Máu]	Định lượng Ferritin [Máu]	84.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2966	23.0065.1517	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]	84.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2967	23.0066.1516	Định lượng free bHCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin) [Máu]	Định lượng free bHCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin) [Máu]	190.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2968	23.0068.1561	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	67.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2969	23.0069.1561	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	67.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2970	23.0075.1494	Định lượng Glucose [Máu]	Định lượng Glucose [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
2971	23.0076.1494	Định lượng Globulin [Máu]	Định lượng Globulin [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
2972	23.0077.1518	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	20.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2973	23.0083.1523	Định lượng HbA1c [Máu]	Định lượng HbA1c [Máu]	105.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2974	23.0084.1506	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2975	23.0103.1531	Xét nghiệm Khí máu [Máu]	Xét nghiệm Khí máu [Máu]	224.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2976	23.0104.1532	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	100.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

2977	23.0110.1535	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]	84.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2978	23.0111.1534	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]	28.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2979	23.0112.1506	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2980	23.0120.1541	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase) [Máu]	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase) [Máu]	200.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2981	23.0133.1494	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
2982	23.0137.1551	Định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide) [Máu]	Định lượng Pro-GRP (Pro- Gastrin-Releasing Peptide) [Máu]	363.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2983	23.0138.1554	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]	89.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2984	23.0139.1553	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	95.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2985	23.0143.1503	Định lượng Sắt [Máu]	Định lượng Sắt [Máu]	33.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2986	23.0144.1559	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen) [Máu]	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen) [Máu]	212.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2987	23.0147.1561	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	67.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2988	23.0148.1561	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]	67.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2989	23.0158.1506	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	28.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2990	23.0159.1569	Định lượng Troponin T [Máu]	Định lượng Troponin T [Máu]	78.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2991	23.0162.1570	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	61.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2992	23.0166.1494	Định lượng Urê máu [Máu]	Định lượng Urê máu [Máu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
2993	23.0169.1571	Định lượng Vitamin B12 [Máu]	Định lượng Vitamin B12 [Máu]	78.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2994	23.0172.1580	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]	30.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng cho cả trường hợp cho kết quả nhiều hơn 3 chỉ số.
2995	23.0175.1576	Định lượng Amylase [niệu]	Định lượng Amylase [niệu]	39.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2996	23.0176.1598	Định lượng Axit Uric [niệu]	Định lượng Axit Uric [niệu]	16.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2997	23.0178.1463	Định lượng Benzodiazepin [niệu]	Định lượng Benzodiazepin [niệu]	39.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2998	23.0180.1577	Định lượng Canxi (niệu)	Định lượng Canxi (niệu)	25.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
2999	23.0183.1480	Định lượng Cortisol (niệu)	Định lượng Cortisol (niệu)	95.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3000	23.0184.1598	Định lượng Creatinin (niệu)	Định lượng Creatinin (niệu)	16.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3001	23.0185.1506	Định lượng Dưỡng chấp [niệu]	Định lượng Dưỡng chấp [niệu]	28.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3002	23.0186.1582	Định tính Dưỡng chấp [niệu]	Định tính Dưỡng chấp [niệu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3003	23.0187.1593	Định lượng Glucose (niệu)	Định lượng Glucose (niệu)	14.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3004	23.0188.1586	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	44.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3005	23.0194.1589	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	44.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3006	23.0197.1590	Định lượng Phospho [niệu]	Định lượng Phospho [niệu]	21.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3007	23.0198.1602	Định tính Phospho hữu cơ [niệu]	Định tính Phospho hữu cơ [niệu]	6.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3008	23.0199.1763	Định tính Porphyrin [niệu]	Định tính Porphyrin [niệu]	63.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3009	23.0201.1593	Định lượng Protein (niệu)	Định lượng Protein (niệu)	14.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3010	23.0202.1592	Định tính Protein Bence-Jones [niệu]	Định tính Protein Bence-Jones [niệu]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

3011	23.0205.1598	Định lượng Urê (niệu)	Định lượng Urê (niệu)	16.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3012	23.0206.1596	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	28.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3013	23.0208.1605	Định lượng Glucose [dịch não tủy]	Định lượng Glucose [dịch não tủy]	13.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3014	23.0209.1606	Phản ứng Pandy [dịch]	Phản ứng Pandy [dịch]	8.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3015	23.0210.1607	Định lượng Protein [dịch não tủy]	Định lượng Protein [dịch não tủy]	11.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3016	23.0211.1494	Định lượng Albumin [thuỷ dịch]	Định lượng Albumin [thuỷ dịch]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
3017	23.0214.1493	Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]	Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp; Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.
3018	23.0215.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần [dịch chọc dò]	Định lượng Cholesterol toàn phần [dịch chọc dò]	28.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3019	23.0216.1494	Định lượng Creatinin [dịch]	Định lượng Creatinin [dịch]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
3020	23.0217.1605	Định lượng Glucose [dịch chọc dò]	Định lượng Glucose [dịch chọc dò]	13.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3021	23.0218.1534	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [dịch chọc dò]	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [dịch chọc dò]	28.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3022	23.0219.1494	Định lượng Protein [dịch chọc dò]	Định lượng Protein [dịch chọc dò]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
3023	23.0220.1608	Phản ứng Rivalta [dịch]	Phản ứng Rivalta [dịch]	8.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3024	23.0221.1506	Định lượng Triglycerid [dịch chọc dò]	Định lượng Triglycerid [dịch chọc dò]	28.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3025	23.0223.1494	Định lượng Urê [dịch]	Định lượng Urê [dịch]	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Mỗi chất
3026	23.0228.1483	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)	56.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3027	23.0244.1544	Phản ứng CRP	Phản ứng CRP	22.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3028	24.0001.1714	Vi khuẩn nhuộm soi	Vi khuẩn nhuộm soi	74.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3029	24.0002.1720	Vi khuẩn test nhanh	Vi khuẩn test nhanh	261.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3030	24.0003.1715	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	261.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3031	24.0006.1723	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	213.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3032	24.0016.1712	Vi hệ đường ruột	Vi hệ đường ruột	32.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3033	24.0017.1714	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	74.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3034	24.0018.1611	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	AFB trực tiếp nhuộm huỳnh quang	71.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3035	24.0021.1693	Mycobacterium tuberculosis Mantoux	Mycobacterium tuberculosis Mantoux	13.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3036	24.0028.1682	Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert	Mycobacterium tuberculosis định danh và kháng RMP Xpert	720.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm test xét nghiệm.
3037	24.0039.1714	Mycobacterium leprae nhuộm soi	Mycobacterium leprae nhuộm soi	74.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3038	24.0042.1714	Vibrio cholerae soi tươi	Vibrio cholerae soi tươi	74.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3039	24.0043.1714	Vibrio cholerae nhuộm soi	Vibrio cholerae nhuộm soi	74.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3040	24.0049.1714	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	74.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3041	24.0056.1714	Neisseria meningitidis nhuộm soi	Neisseria meningitidis nhuộm soi	74.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3042	24.0060.1627	Chlamydia test nhanh	Chlamydia test nhanh	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3043	24.0073.1658	Helicobacter pylori Ag test nhanh	Helicobacter pylori Ag test nhanh	171.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Áp dụng với trường hợp người bệnh không nội soi dạ dày hoặc tá tràng.
3044	24.0080.1675	Leptospira test nhanh	Leptospira test nhanh	151.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3045	24.0085.1720	Mycoplasma hominis test nhanh	Mycoplasma hominis test nhanh	261.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

3046	24.0093.1703	Salmonella Widal	Salmonella Widal	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3047	24.0094.1623	Streptococcus pyogenes ASO	Streptococcus pyogenes ASO	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3048	24.0095.1714	Treponema pallidum soi tươi	Treponema pallidum soi tươi	74.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3049	24.0096.1714	Treponema pallidum nhuộm soi	Treponema pallidum nhuộm soi	74.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3050	24.0098.1720	Treponema pallidum test nhanh	Treponema pallidum test nhanh	261.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3051	24.0103.1720	Ureaplasma urealyticum test nhanh	Ureaplasma urealyticum test nhanh	261.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3052	24.0108.1720	Virus test nhanh	Virus test nhanh	261.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3053	24.0114.1719	Virus PCR	Virus PCR	771.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3054	24.0117.1646	HBsAg test nhanh	HBsAg test nhanh	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3055	24.0118.1649	HBsAg miễn dịch bán tự động	HBsAg miễn dịch bán tự động	81.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3056	24.0122.1643	HBsAb test nhanh	HBsAb test nhanh	65.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3057	24.0123.1620	HBsAb miễn dịch bán tự động	HBsAb miễn dịch bán tự động	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3058	24.0125.1614	HBc IgM miễn dịch bán tự động	HBc IgM miễn dịch bán tự động	123.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3059	24.0127.1643	HBcAb test nhanh	HBcAb test nhanh	65.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3060	24.0128.1618	HBc total miễn dịch bán tự động	HBc total miễn dịch bán tự động	78.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3061	24.0130.1645	HBeAg test nhanh	HBeAg test nhanh	65.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3062	24.0131.1644	HBeAg miễn dịch bán tự động	HBeAg miễn dịch bán tự động	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3063	24.0133.1643	HBeAb test nhanh	HBeAb test nhanh	65.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3064	24.0134.1615	HBeAb miễn dịch bán tự động	HBeAb miễn dịch bán tự động	104.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3065	24.0144.1621	HCV Ab test nhanh	HCV Ab test nhanh	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3066	24.0145.1622	HCV Ab miễn dịch bán tự động	HCV Ab miễn dịch bán tự động	130.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3067	24.0147.1622	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	130.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3068	24.0155.1696	HAV Ab test nhanh	HAV Ab test nhanh	130.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3069	24.0156.1612	HAV IgM miễn dịch bán tự động	HAV IgM miễn dịch bán tự động	116.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3070	24.0158.1613	HAV total miễn dịch bán tự động	HAV total miễn dịch bán tự động	110.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3071	24.0160.1655	HDV Ag miễn dịch bán tự động	HDV Ag miễn dịch bán tự động	441.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3072	24.0161.1657	HDV IgM miễn dịch bán tự động	HDV IgM miễn dịch bán tự động	341.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3073	24.0162.1656	HDV Ab miễn dịch bán tự động	HDV Ab miễn dịch bán tự động	234.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3074	24.0163.1696	HEV Ab test nhanh	HEV Ab test nhanh	130.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3075	24.0164.1696	HEV IgM test nhanh	HEV IgM test nhanh	130.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3076	24.0165.1660	HEV IgM miễn dịch bán tự động	HEV IgM miễn dịch bán tự động	336.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3077	24.0167.1659	HEV IgG miễn dịch bán tự động	HEV IgG miễn dịch bán tự động	336.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3078	24.0168.1659	HEV IgG miễn dịch tự động	HEV IgG miễn dịch tự động	336.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3079	24.0169.1616	HIV Ab test nhanh	HIV Ab test nhanh	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3080	24.0170.2042	HIV Ag/Ab test nhanh	HIV Ag/Ab test nhanh	107.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Xét nghiệm cho kết quả đồng thời Ab và Ag
3081	24.0183.1637	Dengue virus NS1Ag test nhanh	Dengue virus NS1Ag test nhanh	142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3082	24.0184.1637	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3083	24.0185.1720	Dengue virus IgA test nhanh	Dengue virus IgA test nhanh	261.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3084	24.0186.1635	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động	168.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3085	24.0187.1637	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3086	24.0188.1636	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	168.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3087	24.0189.1635	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động	168.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3088	24.0193.1632	CMV IgM miễn dịch bán tự động	CMV IgM miễn dịch bán tự động	142.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3089	24.0195.1631	CMV IgG miễn dịch bán tự động	CMV IgG miễn dịch bán tự động	123.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

3090	24.0209.1669	HSV 1+2 IgM miễn dịch bán tự động	HSV 1+2 IgM miễn dịch bán tự động	168.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3091	24.0211.1668	HSV 1+2 IgG miễn dịch bán tự động	HSV 1+2 IgG miễn dịch bán tự động	168.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3092	24.0216.1641	EBV-VCA IgM miễn dịch bán tự động	EBV-VCA IgM miễn dịch bán tự động	208.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3093	24.0218.1640	EBV-VCA IgG miễn dịch bán tự động	EBV-VCA IgG miễn dịch bán tự động	201.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3094	24.0225.2041	EV71 IgM/IgG test nhanh	EV71 IgM/IgG test nhanh	125.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3095	24.0243.1671	Influenza virus A, B test nhanh	Influenza virus A, B test nhanh	185.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3096	24.0246.1673	JEV IgM miễn dịch bán tự động	JEV IgM miễn dịch bán tự động	463.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3097	24.0247.1676	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động [IgG]	270.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3098	24.0247.1677	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động	Measles virus Ab miễn dịch bán tự động [IgM]	270.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3099	24.0249.1697	Rotavirus test nhanh	Rotavirus test nhanh	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3100	24.0252.1698	RSV Ab miễn dịch bán tự động	RSV Ab miễn dịch bán tự động	156.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3101	24.0254.1701	Rubella virus Ab test nhanh	Rubella virus Ab test nhanh	163.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3102	24.0255.1700	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động	156.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3103	24.0257.1699	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động	130.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3104	24.0263.1665	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	41.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3105	24.0264.1664	Hồng cầu trong phân test nhanh	Hồng cầu trong phân test nhanh	71.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3106	24.0266.1674	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3107	24.0267.1674	Trứng giun, sán soi tươi	Trứng giun, sán soi tươi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3108	24.0268.1674	Trứng giun soi tập trung	Trứng giun soi tập trung	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3109	24.0269.1674	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3110	24.0270.1720	Cryptosporidium test nhanh	Cryptosporidium test nhanh	261.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3111	24.0272.1717	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch bán tự động	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3112	24.0274.1717	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3113	24.0276.1717	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3114	24.0278.1717	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3115	24.0280.1717	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch bán tự động	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3116	24.0282.1703	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động	194.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3117	24.0284.1674	Filaria (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	Filaria (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3118	24.0285.1717	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3119	24.0287.1717	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3120	24.0289.1694	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	35.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3121	24.0290.1694	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng	35.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

3122	24.0291.1720	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	261.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3123	24.0292.1717	Schistosoma (Sán máng) Ab miễn dịch bán tự động	Schistosoma (Sán máng) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3124	24.0294.1717	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3125	24.0296.1717	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3126	24.0298.1706	Toxoplasma IgM miễn dịch bán tự động	Toxoplasma IgM miễn dịch bán tự động	130.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3127	24.0300.1705	Toxoplasma IgG miễn dịch bán tự động	Toxoplasma IgG miễn dịch bán tự động	130.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3128	24.0303.1717	Trichinella spiralis (Giun xoắn) Ab miễn dịch bán tự động	Trichinella spiralis (Giun xoắn) Ab miễn dịch bán tự động	321.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3129	24.0305.1674	Demodex soi tươi	Demodex soi tươi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3130	24.0306.1674	Demodex nhuộm soi	Demodex nhuộm soi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3131	24.0307.1674	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3132	24.0308.1674	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3133	24.0309.1674	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) soi tươi	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) soi tươi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3134	24.0310.1674	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) nhuộm soi	Sarcoptes scabies hominis (Ghẻ) nhuộm soi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3135	24.0311.1674	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3136	24.0312.1674	Gnathostoma ấu trùng soi mảnh sinh thiết	Gnathostoma ấu trùng soi mảnh sinh thiết	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3137	24.0313.1674	Pneumocystis jirovecii nhuộm soi	Pneumocystis jirovecii nhuộm soi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3138	24.0314.1674	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3139	24.0315.1674	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) soi mảnh sinh thiết	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3140	24.0316.1674	Trichinella spiralis (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết	Trichinella spiralis (Giun xoắn) soi mảnh sinh thiết	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3141	24.0317.1674	Trichomonas vaginalis soi tươi	Trichomonas vaginalis soi tươi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3142	24.0318.1674	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3143	24.0319.1674	Vi nấm soi tươi	Vi nấm soi tươi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3144	24.0320.1720	Vi nấm test nhanh	Vi nấm test nhanh	261.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3145	24.0321.1674	Vi nấm nhuộm soi	Vi nấm nhuộm soi	45.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3146	24.0338.1634	Cryptococcus test nhanh	Cryptococcus test nhanh	123.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3147	24.0360.1727	Xét nghiệm cặn dư phân	Xét nghiệm cặn dư phân	58.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3148	25.0013.1758	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3149	25.0014.1758	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3150	25.0015.1758	Chọc hút kim nhỏ các hạch	Chọc hút kim nhỏ các hạch	308.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3151	25.0020.1735	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	190.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3152	25.0021.1735	Tế bào học dịch màng khớp	Tế bào học dịch màng khớp	190.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3153	25.0026.1735	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	190.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3154	25.0074.1736	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou	417.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3155	25.0089.1735	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	190.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3156	27.0142.0451	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	3.136.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3157	27.0144.0451	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương dạ dày	3.136.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

3158	27.0146.1210	Phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày (Intraluminal Lap Surgery)	Phẫu thuật nội soi qua dạ dày cắt polyp dạ dày (Intraluminal Lap Surgery)	2.913.900	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3159	27.0155.0450	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	5.597.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, kẹp khóa mạch máu.
3160	27.0156.0450	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	5.597.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, kẹp khóa mạch máu.
3161	27.0166.1196	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	Phẫu thuật nội soi khâu thủng tá tràng	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3162	27.0167.1196	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương tá tràng	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3163	27.0170.0464	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
3164	27.0172.0464	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	2.917.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
3165	27.0173.1196	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	Phẫu thuật nội soi khâu vết thương ruột non	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3166	27.0177.0455	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3167	27.0178.0455	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	2.705.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3168	27.0181.0502	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	2.745.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3169	27.0184.0457	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	4.663.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3170	27.0187.2039	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	2.818.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3171	27.0188.2039	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa + rửa bụng	2.818.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3172	27.0189.2039	Phẫu thuật nội soi cắt lại mỏm ruột thừa	Phẫu thuật nội soi cắt lại mỏm ruột thừa	2.818.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3173	27.0190.2039	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe ruột thừa trong ổ bụng	2.818.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3174	27.0191.0451	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	3.136.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3175	27.0192.0457	Phẫu thuật nội soi cắt manh tràng	Phẫu thuật nội soi cắt manh tràng	4.663.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.

3176	27.0233.0457	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn trực tràng trong điều trị sa trực tràng	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn trực tràng trong điều trị sa trực tràng	4.663.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối; dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3177	27.0236.1210	Phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	Phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	2.913.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3178	27.0260.1196	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3179	27.0261.1196	Phẫu thuật nội soi cắt nang gan	Phẫu thuật nội soi cắt nang gan	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3180	27.0263.1196	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp - xe gan	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3181	27.0265.0473	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	3.431.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3182	27.0266.0476	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	4.281.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
3183	27.0267.0478	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	3.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
3184	27.0270.0476	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi đường mật trong và ngoài gan có dẫn lưu Kehr	4.281.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
3185	27.0271.0479	Phẫu thuật nội soi tán sỏi trong mổ nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr	Phẫu thuật nội soi tán sỏi trong mổ nội soi đường mật và tán sỏi qua đường hầm Kehr	4.733.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
3186	27.0272.0473	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	3.431.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3187	27.0273.0473	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	3.431.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3188	27.0274.1196	Phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	Phẫu thuật nội soi mở túi mật ra da	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3189	27.0279.0478	Phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật	Phẫu thuật nội soi lấy dị vật trong đường mật	3.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đầu tán sỏi và điện cực tán sỏi.
3190	27.0321.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 1 bên	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 1 bên	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3191	27.0322.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 2 bên	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ toàn bộ tuyến thượng thận 2 bên	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3192	27.0323.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 1 bên	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 1 bên	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3193	27.0324.0420	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 2 bên	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần tuyến thượng thận 2 bên	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3194	27.0325.0420	Nội soi cắt nang tuyến thượng thận	Nội soi cắt nang tuyến thượng thận	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3195	27.0326.0420	Nội soi cắt chỏm nang tuyến thượng thận	Nội soi cắt chỏm nang tuyến thượng thận	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3196	27.0330.1196	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau mổ	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3197	27.0331.1196	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư	Phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn dư	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3198	27.0332.1196	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3199	27.0333.1197	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	1.596.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

3200	27.0336.1210	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ trong mổ mở	2.913.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3201	27.0339.0419	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ thận phụ	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ thận phụ	4.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3202	27.0341.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u thận	Phẫu thuật nội soi cắt u thận	4.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3203	27.0342.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần	Phẫu thuật nội soi cắt thận bán phần	4.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3204	27.0344.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	Phẫu thuật nội soi cắt thận đơn giản	4.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3205	27.0345.0419	Phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính	Phẫu thuật nội soi cắt u thận lành tính	4.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3206	27.0347.0420	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3207	27.0348.0420	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3208	27.0349.0420	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3209	27.0350.0420	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc	4.596.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3210	27.0353.1196	Phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	Phẫu thuật nội soi treo thận để điều trị sa thận	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3211	27.0354.1196	Tán sỏi thận qua da	Tán sỏi thận qua da	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
3212	27.0355.1196	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	Nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống soi mềm tán sỏi thận bằng laser	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ và rọ lấy sỏi.
3213	27.0356.0418	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy sỏi bể thận	4.497.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3214	27.0357.0418	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi bể thận	4.497.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3215	27.0358.1209	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	Nội soi thận ống mềm tán sỏi thận	4.343.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3216	27.0359.1209	Nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận	Nội soi thận ống mềm gắp sỏi thận	4.343.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3217	27.0360.0419	Phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản do u đường bài xuất	Phẫu thuật nội soi cắt thận và niệu quản do u đường bài xuất	4.781.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3218	27.0362.0423	Nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản nội soi	Nội soi xẻ hẹp bể thận - niệu quản, mở rộng niệu quản nội soi	3.279.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3219	27.0363.0423	Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	Phẫu thuật nội soi tạo hình khúc nối niệu quản - bể thận	3.279.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3220	27.0365.0418	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	4.497.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

3221	27.0366.0423	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	Phẫu thuật nội soi tạo hình niệu quản	3.279.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3222	27.0367.0436	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	1.920.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ.
3223	27.0371.0418	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	4.497.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3224	27.0372.1196	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	Nội soi xẻ lỗ niệu quản lấy sỏi	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3225	27.0377.1197	Nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	Nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	1.596.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3226	27.0378.0104	Nội soi nong niệu quản hẹp	Nội soi nong niệu quản hẹp	950.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm Sonde JJ.
3227	27.0379.0440	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	1.345.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
3228	27.0380.0418	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gắp sỏi niệu quản	4.497.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3229	27.0383.0426	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	5.030.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3230	27.0384.1197	Nội soi cắt polyp cổ bàng quang	Nội soi cắt polyp cổ bàng quang	1.596.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3231	27.0385.0426	Nội soi bàng quang cắt u	Nội soi bàng quang cắt u	5.030.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3232	27.0386.0426	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	5.030.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3233	27.0388.1210	Phẫu thuật nội soi treo cổ bàng quang điều trị tiểu không kiểm soát	Phẫu thuật nội soi treo cổ bàng quang điều trị tiểu không kiểm soát	2.913.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3234	27.0389.1196	Nội soi xẻ cổ bàng quang điều trị xơ cứng cổ bàng quang	Nội soi xẻ cổ bàng quang điều trị xơ cứng cổ bàng quang	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3235	27.0391.0440	Nội soi bàng quang tán sỏi	Nội soi bàng quang tán sỏi	1.345.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, rọ lấy sỏi.
3236	27.0392.1197	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	Nội soi khâu lỗ thủng bàng quang qua ổ bụng	1.596.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3237	27.0393.1196	Nội soi vá rò bàng quang - âm đạo	Nội soi vá rò bàng quang - âm đạo	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3238	27.0395.0433	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến tiền liệt	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến tiền liệt	4.302.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3239	27.0396.0433	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi	4.302.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3240	27.0397.0433	Phẫu thuật nội soi cắt u tiền liệt tuyến triệt căn qua ổ bụng hoặc ngoài phúc mạc	Phẫu thuật nội soi cắt u tiền liệt tuyến triệt căn qua ổ bụng hoặc ngoài phúc mạc	4.302.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
3241	27.0398.0423	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	3.279.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3242	27.0399.0430	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser	3.015.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dây cáp quang.
3243	27.0400.1210	Nội soi tuyến tiền liệt bằng laser đông vón	Nội soi tuyến tiền liệt bằng laser đông vón	2.913.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3244	27.0401.1210	Nội soi tuyến tiền liệt bằng sóng Radio cao tần	Nội soi tuyến tiền liệt bằng sóng Radio cao tần	2.913.900	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	

3245	27.0402.1210	Nội soi tuyến tiền liệt bằng phương pháp nhiệt	Nội soi tuyến tiền liệt bằng phương pháp nhiệt	2.913.900	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3246	27.0404.1196	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn	Phẫu thuật nội soi hạ tinh hoàn ẩn	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3247	27.0405.1197	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn trong ổ bụng	1.596.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3248	27.0406.1197	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tinh	1.596.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3249	27.0407.1197	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo	1.596.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3250	27.0408.1197	Nội soi tán sỏi niệu đạo	Nội soi tán sỏi niệu đạo	1.596.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3251	27.0409.1197	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo	Nội soi cắt u niệu đạo, van niệu đạo	1.596.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3252	27.0411.1209	Phẫu thuật nội soi nạo hạch bẹn 2 bên (trong ung thư dương vật)	Phẫu thuật nội soi nạo hạch bẹn 2 bên (trong ung thư dương vật)	4.343.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3253	27.0412.0702	Phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	Phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung	7.279.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3254	27.0413.0695	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai	5.970.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3255	27.0414.1196	Phẫu thuật nội soi cắt khối chửa ngoài tử cung	Phẫu thuật nội soi cắt khối chửa ngoài tử cung	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3256	27.0417.0697	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán trong phụ khoa	5.395.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3257	27.0418.1196	Phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	Phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang	2.434.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3258	27.0419.0702	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ	7.279.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3259	27.0420.0701	Phẫu thuật vét hạch tiểu khung qua nội soi	Phẫu thuật vét hạch tiểu khung qua nội soi	6.964.200	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3260	27.0421.0687	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	6.548.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3261	27.0422.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp	5.990.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3262	27.0423.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ	5.990.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3263	27.0424.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	5.990.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3264	27.0425.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	5.990.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3265	27.0426.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung vét hạch tiểu khung	6.346.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3266	27.0427.0689	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn để lại 2 phần phụ	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn để lại 2 phần phụ	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3267	27.0428.0690	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + cắt 2 phần phụ	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + cắt 2 phần phụ	6.346.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3268	27.0430.0698	Phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục	Phẫu thuật nội soi điều trị sa sinh dục	9.585.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3269	27.0432.0689	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên người bệnh có thai	Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên người bệnh có thai	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3270	27.0433.0689	Cắt u buồng trứng qua nội soi	Cắt u buồng trứng qua nội soi	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3271	27.0434.0689	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng	5.503.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3272	27.0436.0690	Cắt u buồng trứng + tử cung qua nội soi	Cắt u buồng trứng + tử cung qua nội soi	6.346.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3273	27.0437.1197	Thông vòi tử cung qua nội soi	Thông vòi tử cung qua nội soi	1.596.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3274	27.0518.0428	Phẫu thuật nội soi cắt cổ bàng quang	Phẫu thuật nội soi cắt cổ bàng quang	5.030.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3275	27.0519.0431	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)	3.015.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

3276	28.0003.0573	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt tại chỗ	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt tại chỗ	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3277	28.0004.0573	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt lân cận	Phẫu thuật che phủ vết thương khuyết da đầu mang tóc bằng vạt lân cận	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3278	28.0008.0574	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu [diện tích ≥10 cm2]	4.699.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3279	28.0009.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2 cm	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu dưới 2 cm	771.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3280	28.0010.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2 cm trở lên	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vùng da đầu từ 2 cm trở lên	771.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3281	28.0013.0574	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng [diện tích ≥10 cm2]	4.699.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3282	28.0013.0575	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng [diện tích < 10 cm2]	3.044.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3283	28.0014.0574	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày [diện tích ≥10 cm2]	4.699.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3284	28.0014.0575	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày [diện tích < 10 cm2]	3.044.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3285	28.0016.1136	Tạo hình khuyết da đầu bằng vạt da tại chỗ	Tạo hình khuyết da đầu bằng vạt da tại chỗ	5.363.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3286	28.0023.1135	Phẫu thuật tạo vạt giãn da vùng da đầu	Phẫu thuật tạo vạt giãn da vùng da đầu	4.436.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3287	28.0033.0773	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	1.043.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3288	28.0035.0772	Khâu phục hồi bờ mi	Khâu phục hồi bờ mi	813.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3289	28.0038.1136	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi	Phẫu thuật tạo vạt da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi	5.363.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3290	28.0064.0562	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt	4.421.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3291	28.0066.0575	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	3.044.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3292	28.0095.0836	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2 cm)	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2 cm)	812.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3293	28.0107.0573	Phẫu thuật tạo lỗ mũi	Phẫu thuật tạo lỗ mũi	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3294	28.0108.0573	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi [vạt da có cuống mạch liền]	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3295	28.0108.0575	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi [vá da]	3.044.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3296	28.0110.0584	Khâu vết thương vùng môi	Khâu vết thương vùng môi	1.509.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3297	28.0111.0575	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	3.044.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3298	28.0116.0573	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vạt tại chỗ	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vạt tại chỗ	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3299	28.0118.0573	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt tại chỗ	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt tại chỗ	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3300	28.0119.0573	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt lân cận	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vạt lân cận	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3301	28.0133.0587	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	439.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3302	28.0134.0583	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3303	28.0138.0583	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

3304	28.0143.1136	Phẫu thuật tạo hình khuyết ¼ vành tai bằng vạt tại chỗ	Phẫu thuật tạo hình khuyết ¼ vành tai bằng vạt tại chỗ	5.363.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3305	28.0155.1136	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dái tai bằng vạt tại chỗ	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dái tai bằng vạt tại chỗ	5.363.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3306	28.0158.0909	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai [gây mê]	1.385.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3307	28.0158.0910	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai [gây tê]	874.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3308	28.0159.1044	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	771.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3309	28.0161.0576	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	2.767.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3310	28.0162.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	2.767.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3311	28.0188.1064	Phẫu thuật chỉnh sửa gò má - cung tiếp	Phẫu thuật chỉnh sửa gò má - cung tiếp	3.828.100	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm nẹp, vít thay thế.
3312	28.0200.0573	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da tại chỗ	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vạt da tại chỗ	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3313	28.0217.1059	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	3.488.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3314	28.0218.1059	Cắt dị dạng bạch mạch đầu mặt cổ	Cắt dị dạng bạch mạch đầu mặt cổ	3.488.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3315	28.0235.1134	Ghép mỡ tự thân coleman	Ghép mỡ tự thân coleman	4.630.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3316	28.0264.0653	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	3.135.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3317	28.0265.0653	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	3.135.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3318	28.0266.0653	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	3.135.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3319	28.0267.0653	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid	3.135.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3320	28.0280.0571	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tì đè	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tì đè	3.226.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3321	28.0288.0576	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật	2.767.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3322	28.0325.0573	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da lân cận	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vạt da lân cận	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3323	28.0329.0573	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da tại chỗ	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3324	28.0330.0573	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vạt da lân cận	3.720.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3325	28.0335.0556	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	4.102.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, xi măng, đinh, nẹp, vít.
3326	28.0338.0559	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
3327	28.0340.0559	Nối gân duỗi	Nối gân duỗi	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo.
3328	28.0342.0559	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật [tính 1 gân]	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3329	28.0344.0559	Gỡ dính thần kinh	Gỡ dính thần kinh	3.302.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3330	28.0352.1091	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	3.081.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	

3331	28.0425.0583	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt	2.396.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3332	28.0439.1064	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm	3.828.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm nẹp, vít thay thế.
3333	01.0173.0195	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)	Lọc máu cấp cứu (ở người chưa có mở thông động tĩnh mạch)	1.607.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng được tính bình quân là 0,25 lần cho 1 lần chạy thận
3334	01.0174.0195	Thận nhân tạo cấp cứu	Thận nhân tạo cấp cứu	1.607.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng được tính bình quân là 0,25 lần cho 1 lần chạy thận
3335	01.0175.0196	Thận nhân tạo thường quy	Thận nhân tạo thường quy	588.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Quả lọc dây máu dùng 6 lần
3336	01.0008.0100	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	1.158.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3337	01.0009.0098	Đặt catheter động mạch	Đặt catheter động mạch	1.400.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3338	01.0172.0101	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	1.158.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3339	01.0337.0195	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)	Lọc máu cấp cứu ở người bệnh có mở thông động tĩnh mạch (FAV)	1.607.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Quả lọc dây máu dùng 1 lần; đã bao gồm catheter 2 nòng được tính bình quân là 0,25 lần cho 1 lần chạy thận
3340	02.0183.0100	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	1.158.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3341	02.0186.0101	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu	1.158.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với trường hợp lọc máu
3342	18.0083.0014	Chụp X-quang răng toàn cảnh	Chụp X-quang răng toàn cảnh	72.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3343	02.0498.0101	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	Đặt catheter một nòng hoặc hai nòng tĩnh mạch đùi để lọc máu	1.158.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chỉ áp dụng với trường hợp lọc máu
3344	02.0201.0155	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (Kỹ thuật Button hole)	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu (kỹ thuật Button hole)	1.176.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3345	17.0160.0245	Điều trị bằng laser công suất thấp nội mạch	Điều trị bằng laser công suất thấp nội mạch	58.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3346	18.0162.0040	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên (Cone-Beam CT)	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên (Cone-Beam CT) [không có thuốc cản quang]	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3347	18.0163.0040	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm dưới (Cone-Beam CT)	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm dưới (Cone-Beam CT) [không có thuốc cản quang]	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3348	18.0164.0040	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên hàm dưới (Cone-Beam CT)	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên hàm dưới (Cone-Beam CT) [không có thuốc cản quang]	550.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3349	18.0165.0043	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.486.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3350	18.0166.0042	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.

3351	18.0167.0042	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3352	18.0168.0042	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion) (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion) (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3353	18.0169.0042	Chụp CLVT mạch máu não (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT mạch máu não (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3354	18.0170.0042	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3355	18.0171.0043	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.486.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3356	18.0172.0042	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3357	18.0173.0043	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3358	18.0174.0043	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 64-128 dãy)	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3359	18.0175.0042	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3360	18.0176.0043	Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3361	18.0176.0042	Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT hốc mắt (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3362	18.0177.0043	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy)	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3363	18.0201.0042	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3364	18.0202.0043	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3365	18.0204.0043	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3366	18.0205.0042	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3367	18.0206.0042	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3368	18.0231.0042	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.

3369	18.0232.0042	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3370	18.0232.0043	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	1.486.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3371	18.0233.0042	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3372	18.0234.0043	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3373	18.0235.0042	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3374	18.0236.0042	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3375	18.0237.0042	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3376	18.0238.0042	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion) (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion) (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3377	18.0239.0043	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3378	18.0240.0042	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3379	18.0241.0042	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3380	18.0242.0042	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3381	18.0268.0043	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.486.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3382	18.0269.0042	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.

3383	18.0270.0043	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.486.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	
3384	18.0271.0042	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3385	18.0272.0043	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3386	18.0273.0042	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3387	18.0274.0043	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3388	18.0275.0042	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3389	18.0276.0042	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3390	18.0277.0043	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.486.800	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3391	18.0278.0042	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3392	18.0279.0044	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân (từ 64-128 dãy) [có thuốc cản quang]	3.493.600	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3393	18.0279.0045	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân (từ 64-128 dãy) [không có thuốc cản quang]	3.201.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	
3394	18.0280.0042	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.
3395	18.0281.0042	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 64-128 dãy)	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 64-128 dãy)	1.732.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc cản quang.

Phụ lục IV

GIÁ CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT THỰC HIỆN BẰNG PHƯƠNG PHÁP VÔ CẢM GÂY TÊ CHƯA BAO GỒM THUỐC VÀ OXY SỬ DỤNG TRONG DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH BẢO HIỂM Y TẾ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỮU NGHỊ 103

(Kèm theo Quyết định 506/QĐ-BVHN103 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bệnh viện đa khoa Hữu Nghị 103)

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỮU NGHỊ 103

Đơn vị: đồng

STT	Mã tương đương	Tên danh mục kỹ thuật theo Thông tư 23/2024/TT-BYT	Tên dịch vụ phê duyệt giá	Mức giá mới	Đơn vị được phê duyệt	Ghi chú
1	03.2247.0627	Cắt cụt cổ tử cung	Cắt cụt cổ tử cung	2.305.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
2	03.2248.0685	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	2.478.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
3	03.2249.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	3.536.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
4	03.2253.0651	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	2.177.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
5	03.2254.0686	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	3.888.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
6	03.2255.0616	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu-sinh dục	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu-sinh dục	3.636.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
7	03.2257.0663	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	3.456.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
8	03.2263.0624	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Khâu rách cùng đồ âm đạo	1.569.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
9	03.2264.0669	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	2.538.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
10	03.2675.0491	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
11	03.2688.0464	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
12	03.2716.0425	Cắt u bàng quang đường trên	Cắt u bàng quang đường trên	4.734.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
13	03.2725.0681	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	3.536.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
14	03.2726.0627	Cắt cụt cổ tử cung	Cắt cụt cổ tử cung	2.305.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
15	03.2729.0683	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Cắt u nang buồng trứng xoắn	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
16	03.2730.0683	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
17	03.2731.0683	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

18	03.2732.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
19	03.2733.0597	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo	1.716.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
20	03.2735.0653	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính	2.595.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
21	03.2758.0558	Cắt u xương, sụn	Cắt u xương, sụn	3.338.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy
22	03.2948.0437	Phẫu thuật tạo hình da dương vật trong mất da dương vật	Phẫu thuật tạo hình da dương vật trong mất da dương vật	3.703.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
23	03.3083.0576	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	2.149.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
24	03.3282.0493	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
25	03.3297.0491	Mở thông dạ dày	Mở thông dạ dày	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
26	03.3316.0491	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
27	03.3327.0459	Phẫu thuật viêm ruột thừa	Phẫu thuật viêm ruột thừa	2.277.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
28	03.3328.0686	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	3.888.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
29	03.3330.0493	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
30	03.3332.0493	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
31	03.3346.0663	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	3.456.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
32	03.3348.0494	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
33	03.3349.0494	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy

34	03.3350.0494	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
35	03.3365.0494	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
36	03.3366.0494	Phẫu thuật trĩ độ 3	Phẫu thuật trĩ độ 3	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
37	03.3367.0494	Phẫu thuật trĩ độ 3	Phẫu thuật trĩ độ 3	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
38	03.3368.0494	Phẫu thuật trĩ độ 1	Phẫu thuật trĩ độ 1	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
39	03.3369.0494	Cắt bỏ trĩ vòng	Cắt bỏ trĩ vòng	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
40	03.3370.0494	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
41	03.3371.0494	Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp	Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
42	03.3377.0494	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy

43	03.3378.0494	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
44	03.3379.0494	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
45	03.3381.0492	Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng	Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
46	03.3384.0492	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
47	03.3385.0493	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
48	03.3386.0686	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	3.888.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
49	03.3391.0683	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
50	03.3394.0464	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
51	03.3395.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
52	03.3396.0492	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
53	03.3397.0492	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
54	03.3400.0632	Lấy máu tụ tầng sinh môn	Lấy máu tụ tầng sinh môn	1.959.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
55	03.3401.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy

56	03.3402.0491	Mở bụng thăm dò	Mở bụng thăm dò	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
57	03.3416.0493	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
58	03.3443.0464	Dẫn lưu túi mật	Dẫn lưu túi mật	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
59	03.3444.0464	Dẫn lưu nang ống mật chủ	Dẫn lưu nang ống mật chủ	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
60	03.3458.0493	Dẫn lưu áp xe tụy	Dẫn lưu áp xe tụy	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
61	03.3460.0464	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
62	03.3469.0416	Cắt đơn vị thận phụ với niệu quản lạc chỗ trong thận niệu quản đôi	Cắt đơn vị thận phụ với niệu quản lạc chỗ trong thận niệu quản đôi	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
63	03.3470.0416	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
64	03.3471.0416	Cắt thận đơn thuần	Cắt thận đơn thuần	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
65	03.3472.0416	Cắt một nửa thận	Cắt một nửa thận	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
66	03.3475.0421	Lấy sỏi san hô thận	Lấy sỏi san hô thận	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
67	03.3476.0421	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
68	03.3477.0421	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
69	03.3478.0421	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
70	03.3479.0421	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
71	03.3482.0464	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Dẫn lưu đài bể thận qua da [nhi]	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.

72	03.3489.0464	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận [Nhi]	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
73	03.3492.0421	Lấy sỏi niệu quản	Lấy sỏi niệu quản	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
74	03.3493.0421	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
75	03.3494.0421	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
76	03.3498.0464	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/2 bên	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/2 bên	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
77	03.3517.0421	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
78	03.3521.0429	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	3.854.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
79	03.3522.0424	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	4.306.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
80	03.3527.0425	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	4.734.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
81	03.3531.0421	Mổ lấy sỏi bàng quang	Mổ lấy sỏi bàng quang	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
82	03.3543.0434	Cắt nối niệu đạo trước	Cắt nối niệu đạo trước	3.676.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
83	03.3544.0434	Cắt nối niệu đạo sau	Cắt nối niệu đạo sau	3.676.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
84	03.3545.0434	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	3.676.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
85	03.3586.0435	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	2.035.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
86	03.3587.0435	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	2.035.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
87	03.3589.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	Phẫu thuật thoát vị bẹn bẹn nghẹt	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
88	03.3590.0492	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
89	03.3595.0662	Tách màng ngăn âm hộ	Tách màng ngăn âm hộ	2.212.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

90	03.3599.0492	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
91	03.3601.0435	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	2.035.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
92	03.3607.0435	Cắt bỏ tinh hoàn	Cắt bỏ tinh hoàn	2.035.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
93	03.3609.0553	Ghép xương chấn thương cột sống cổ	Ghép xương chấn thương cột sống cổ	4.357.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lồng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy
94	03.3651.0558	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	3.338.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy
95	03.3661.0548	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
96	03.3664.0548	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
97	03.3666.0550	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	3.184.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương.
98	03.3667.0551	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
99	03.3669.0548	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
100	03.3671.0551	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
101	03.3672.0551	Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	Phẫu thuật dính khớp quay trụ bẩm sinh	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
102	03.3680.0534	Cắt cụt cánh tay	Cắt cụt cánh tay	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
103	03.3681.0534	Tháo khớp khuỷu	Tháo khớp khuỷu	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
104	03.3682.0534	Cắt cụt cẳng tay	Cắt cụt cẳng tay	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
105	03.3683.0534	Tháo khớp cổ tay	Tháo khớp cổ tay	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

106	03.3685.0571	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
107	03.3686.0571	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
108	03.3687.0571	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
109	03.3710.0571	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
110	03.3711.0571	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
111	03.3722.0548	Phẫu thuật toác khớp mu	Phẫu thuật toác khớp mu	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
112	03.3726.0534	Phẫu thuật cắt cụt đùi	Phẫu thuật cắt cụt đùi	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
113	03.3728.0548	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lồi cầu, liên lồi cầu	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
114	03.3729.0571	Phẫu thuật viêm xương khớp háng	Phẫu thuật viêm xương khớp háng	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
115	03.3740.0534	Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi	Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
116	03.3741.0571	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
117	03.3742.0550	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	3.184.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy
118	03.3755.0534	Tháo khớp gối	Tháo khớp gối	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
119	03.3763.0559	Phẫu thuật co gân Achille	Phẫu thuật co gân Achille	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
120	03.3774.0577	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	4.304.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
121	03.3775.0534	Cắt cụt cẳng chân	Cắt cụt cẳng chân	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
122	03.3776.0571	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
123	03.3792.0534	Tháo một nửa bàn chân trước	Tháo một nửa bàn chân trước	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
124	03.3793.0577	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	4.304.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
125	03.3796.0534	Tháo khớp kiểu Pirogoff	Tháo khớp kiểu Pirogoff	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
126	03.3797.0571	Tháo bỏ các ngón chân	Tháo bỏ các ngón chân	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

127	03.3798.0571	Tháo đốt bàn	Tháo đốt bàn	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
128	03.3800.0577	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	4.304.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
129	03.3803.0559	Nối gân gấp	Nối gân gấp	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
130	03.3804.0559	Gỡ dính gân	Gỡ dính gân	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
131	03.3805.0572	Khâu nối thần kinh	Khâu nối thần kinh	2.707.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
132	03.3806.0572	Gỡ dính thần kinh	Gỡ dính thần kinh [Nhi]	2.707.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
133	03.3813.0551	Phẫu thuật viêm khớp mủ thứ phát có sai khớp	Phẫu thuật viêm khớp mủ thứ phát có sai khớp	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
134	03.3815.0493	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	Dẫn lưu áp xe cơ đái chậu	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
135	03.3816.0571	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
136	03.3819.0559	Nối gân duỗi	Nối gân duỗi	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
137	03.3824.0575	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10 cm²	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10 cm²	2.583.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
138	03.4064.0462	Phẫu thuật nội soi sa trực tràng	Phẫu thuật nội soi sa trực tràng	3.692.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
139	03.4065.0462	Phẫu thuật nội soi khâu treo trực tràng điều trị sa trực tràng	Phẫu thuật nội soi khâu treo trực tràng điều trị sa trực tràng	3.692.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm nâng trực tràng, dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
140	03.4106.0436	Nội soi đặt sonde JJ	Nội soi đặt sonde JJ	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
141	04.0017.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
142	04.0018.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
143	04.0025.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
144	04.0026.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
145	04.0036.1114	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực	2.389.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
146	04.0037.1114	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao các khớp ngoại biên	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao các khớp ngoại biên	2.389.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
147	04.0038.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

148	04.0039.0571	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
149	04.0040.0571	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
150	04.0041.0571	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
151	04.0057.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sọ	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sọ	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
152	04.0058.0571	Phẫu thuật nạo viêm lao xương ức	Phẫu thuật nạo viêm lao xương ức	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
153	07.0220.1144	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	2.092.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
154	10.0001.0577	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	4.304.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
155	10.0152.0410	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	1.696.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
156	10.0260.0399	Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo	Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo	2.093.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm mạch máu nhân tạo, động mạch chủ nhân tạo, thuốc và oxy
157	10.0265.0407	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	2.436.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
158	10.0289.0400	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	2.718.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
159	10.0299.0421	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
160	10.0301.0416	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
161	10.0302.0416	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
162	10.0303.0416	Cắt thận đơn thuần	Cắt thận đơn thuần	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
163	10.0304.0416	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
164	10.0305.0710	Phẫu thuật treo thận	Phẫu thuật treo thận	2.433.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
165	10.0306.0421	Lấy sỏi san hô thận	Lấy sỏi san hô thận	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
166	10.0307.0421	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
167	10.0308.0421	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
168	10.0309.0421	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

169	10.0310.0421	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
170	10.0314.0416	Cắt eo thận móng ngựa	Cắt eo thận móng ngựa	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
171	10.0317.0436	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
172	10.0319.0436	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
173	10.0322.0416	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
174	10.0325.0421	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
175	10.0326.0421	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
176	10.0327.0421	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
177	10.0330.0429	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo	3.854.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
178	10.0345.0424	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	4.306.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
179	10.0346.0429	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	3.854.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
180	10.0347.0424	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	4.306.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
181	10.0349.0424	Cắt cổ bàng quang	Cắt cổ bàng quang	4.306.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
182	10.0350.0434	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	3.676.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
183	10.0352.0425	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	4.734.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
184	10.0355.0421	Lấy sỏi bàng quang	Lấy sỏi bàng quang	3.546.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
185	10.0356.0436	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
186	10.0357.0436	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
187	10.0360.0425	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	4.734.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch.
188	10.0367.0434	Cắt nối niệu đạo trước	Cắt nối niệu đạo trước	3.676.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
189	10.0368.0434	Cắt nối niệu đạo sau	Cắt nối niệu đạo sau	3.676.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

190	10.0369.0434	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	3.676.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
191	10.0370.0436	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
192	10.0371.0436	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
193	10.0372.0436	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
194	10.0373.0434	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	3.676.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
195	10.0374.0435	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	2.035.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
196	10.0375.0432	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu	4.228.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
197	10.0376.0432	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	4.228.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
198	10.0378.0436	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
199	10.0383.0436	Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến	Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm stent, thuốc và oxy
200	10.0386.0435	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	2.035.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
201	10.0391.0435	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo mặt lưng dương vật	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo mặt lưng dương vật	2.035.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
202	10.0394.0435	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	2.035.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
203	10.0403.0436	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
204	10.0406.0435	Cắt bỏ tinh hoàn	Cắt bỏ tinh hoàn	2.035.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
205	10.0407.0435	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	2.035.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
206	10.0414.0400	Mở ngực thăm dò	Mở ngực thăm dò	2.718.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
207	10.0415.0400	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	2.718.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
208	10.0416.0491	Mở thông dạ dày	Mở thông dạ dày	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
209	10.0451.0491	Mở bụng thăm dò	Mở bụng thăm dò	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
210	10.0452.0491	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy

211	10.0453.0464	Nối vị tràng	Nối vị tràng	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối.
212	10.0473.0459	Cắt u tá tràng	Cắt u tá tràng	2.277.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
213	10.0475.0459	Khâu vùi túi thừa tá tràng	Khâu vùi túi thừa tá tràng	2.277.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
214	10.0476.0459	Cắt túi thừa tá tràng	Cắt túi thừa tá tràng	2.277.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
215	10.0479.0491	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng	Mở thông hỗng tràng hoặc mở thông hồi tràng	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
216	10.0492.0493	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
217	10.0506.0459	Cắt ruột thừa đơn thuần	Cắt ruột thừa đơn thuần	2.277.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
218	10.0507.0459	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	2.277.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
219	10.0508.0459	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	2.277.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
220	10.0509.0493	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
221	10.0510.0459	Các phẫu thuật ruột thừa khác	Các phẫu thuật ruột thừa khác	2.277.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
222	10.0511.0491	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
223	10.0524.0491	Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
224	10.0525.0491	Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
225	10.0539.0494	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường tầng sinh môn	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường tầng sinh môn	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
226	10.0547.0494	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy

227	10.0548.0494	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
228	10.0549.0494	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
229	10.0550.0494	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
230	10.0551.0494	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
231	10.0554.0494	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
232	10.0555.0494	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
233	10.0556.0494	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
234	10.0557.0494	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
235	10.0558.0494	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy

236	10.0561.0494	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3h và 9h)	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3h và 9h)	2.276.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
237	10.0569.0624	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	1.569.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
238	10.0571.0632	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	1.959.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
239	10.0572.0577	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp	4.304.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
240	10.0574.0491	Thăm dò, sinh thiết gan	Thăm dò, sinh thiết gan	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
241	10.0616.0493	Dẫn lưu áp xe gan	Dẫn lưu áp xe gan	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
242	10.0617.0493	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	2.432.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
243	10.0638.0464	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
244	10.0641.0464	Dẫn lưu nang tụy	Dẫn lưu nang tụy	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
245	10.0669.0464	Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
246	10.0679.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
247	10.0680.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
248	10.0681.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy

249	10.0682.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
250	10.0683.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
251	10.0684.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
252	10.0685.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
253	10.0686.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
254	10.0687.0492	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
255	10.0695.0492	Phẫu thuật cắt u cơ hoành	Phẫu thuật cắt u cơ hoành	2.816.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm tấm màng nâng, khóa kẹp mạch máu, vật liệu cầm máu, thuốc và oxy
256	10.0698.0628	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	2.104.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
257	10.0701.0491	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
258	10.0735.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
259	10.0744.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
260	10.0749.0559	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
261	10.0750.0559	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
262	10.0751.0559	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
263	10.0772.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
264	10.0773.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy

265	10.0807.0577	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	4.304.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
266	10.0808.0577	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	4.304.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
267	10.0810.0559	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
268	10.0811.0559	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
269	10.0839.0559	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
270	10.0840.0559	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
271	10.0842.0559	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
272	10.0843.0550	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	3.184.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy
273	10.0845.0549	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	3.262.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài, thuốc và oxy
274	10.0846.0549	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	3.262.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp vít, khung cố định ngoài, thuốc và oxy
275	10.0847.0551	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
276	10.0850.0575	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	2.583.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
277	10.0851.0571	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
278	10.0859.0571	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
279	10.0861.0577	Thương tích bàn tay phức tạp	Thương tích bàn tay phức tạp	4.304.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
280	10.0862.0571	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
281	10.0863.0534	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
282	10.0871.0548	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
283	10.0874.0571	Cụt chấn thương cổ và bàn chân	Cụt chấn thương cổ và bàn chân	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
284	10.0875.0559	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy

285	10.0876.0559	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
286	10.0877.0559	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
287	10.0878.0559	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
288	10.0879.0559	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
289	10.0880.0559	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
290	10.0881.0559	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
291	10.0885.0559	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
292	10.0906.0548	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
293	10.0909.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
294	10.0910.0548	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
295	10.0911.0548	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
296	10.0942.0534	Phẫu thuật cắt cụt chi	Phẫu thuật cắt cụt chi	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
297	10.0943.0534	Phẫu thuật tháo khớp chi	Phẫu thuật tháo khớp chi	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
298	10.0944.0550	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	3.184.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm đinh, nẹp, vít, gân nhân tạo, gân sinh học, khung cố định ngoài, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy
299	10.0947.0571	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
300	10.0948.0548	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố xương cánh tay	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố xương cánh tay	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
301	10.0949.0548	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)	3.577.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kim hoặc đinh, thuốc và oxy
302	10.0952.0571	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
303	10.0953.0571	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
304	10.0954.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	2.149.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
305	10.0955.0577	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	4.304.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

306	10.0961.0575	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm²	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm²	2.583.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
307	10.0967.0558	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	3.338.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy
308	10.0968.0553	Phẫu thuật ghép xương tự thân	Phẫu thuật ghép xương tự thân	4.357.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lồng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy
309	10.0971.0558	Lấy u xương (ghép xi măng)	Lấy u xương (ghép xi măng)	3.338.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy
310	10.0972.0407	Phẫu thuật U máu	Phẫu thuật U máu	2.436.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
311	10.0973.0551	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
312	10.0974.0551	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
313	10.0975.0551	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
314	10.0979.0571	Phẫu thuật viêm xương	Phẫu thuật viêm xương	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
315	10.0980.0571	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
316	10.0982.0551	Phẫu thuật viên tấy bao hoạt dịch bàn tay	Phẫu thuật viên tấy bao hoạt dịch bàn tay	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
317	10.0983.0551	Phẫu thuật vết thương khớp	Phẫu thuật vết thương khớp	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
318	10.1076.0553	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng	4.357.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm khung cố định ngoài, nẹp, ốc, vít, lồng, xương nhân tạo hoặc sản phẩm sinh học thay thế xương, thuốc và oxy
319	11.0072.0534	Cắt cụt cấp cứu chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	Cắt cụt cấp cứu chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
320	11.0073.0534	Cắt cụt chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	Cắt cụt chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

321	11.0074.0534	Tháo khớp chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	Tháo khớp chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
322	11.0075.1143	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bỏng sâu	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bỏng sâu	2.850.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
323	11.0076.1143	Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bỏng sâu có tổn thương xương sọ	Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bỏng sâu có tổn thương xương sọ	2.850.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
324	11.0103.1114	Cắt sẹo khâu kín	Cắt sẹo khâu kín	2.389.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
325	11.0104.1113	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	2.906.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
326	11.0159.1144	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính	2.092.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
327	11.0161.1144	Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín	Phẫu thuật cắt đáy ổ loét mạn tính, khâu kín	2.092.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
328	12.0191.0407	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm	2.436.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
329	12.0203.0491	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
330	12.0215.0491	Làm hậu môn nhân tạo	Làm hậu môn nhân tạo	2.276.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
331	12.0243.0425	Cắt u bàng quang đường trên	Cắt u bàng quang đường trên	4.734.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
332	12.0254.0592	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư	3.387.300	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc và oxy
333	12.0257.0416	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
334	12.0260.0416	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	3.578.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
335	12.0267.0653	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính	2.595.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
336	12.0269.0653	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	2.595.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
337	12.0276.0683	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
338	12.0278.0655	Cắt polyp cổ tử cung	Cắt polyp cổ tử cung	1.535.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
339	12.0280.0683	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Cắt u nang buồng trứng xoắn	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
340	12.0281.0683	Cắt u nang buồng trứng	Cắt u nang buồng trứng	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
341	12.0283.0683	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

342	12.0284.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
343	12.0289.0654	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	3.329.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
344	12.0291.0681	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	3.536.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
345	12.0292.0682	Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu	Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu	5.879.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
346	12.0295.0598	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	5.932.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
347	12.0297.0661	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng	5.953.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
348	12.0299.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
349	12.0300.0661	Cắt ung thư buồng trứng lan rộng	Cắt ung thư buồng trứng lan rộng	5.953.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
350	12.0303.0633	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	2.945.200	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc và oxy
351	12.0305.0593	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	2.249.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
352	12.0306.0597	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo	1.716.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
353	12.0323.0653	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	2.595.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
354	12.0324.0558	Cắt u xương sụn lành tính	Cắt u xương sụn lành tính	3.338.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy
355	12.0325.0558	Cắt u xương, sụn	Cắt u xương, sụn	3.338.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm phương tiện cố định, phương tiên kết hợp, xương nhân tạo, xương bảo quản, sản phẩm sinh học thay thế, xi măng sinh học hoặc hóa học, thuốc và oxy
356	12.0326.0534	Cắt chi và vét hạch do ung thư	Cắt chi và vét hạch do ung thư	3.175.400	Bệnh viện đa khoa số 1 tỉnh Lào Cai	Chưa bao gồm thuốc và oxy
357	12.0328.0534	Cắt cụt cánh tay do ung thư	Cắt cụt cánh tay do ung thư	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
358	12.0329.0534	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư	3.175.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
359	12.0333.0551	Tháo khớp gối do ung thư	Tháo khớp gối do ung thư	2.390.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

360	12.0402.0577	Phẫu thuật cắt u thành ngực phức tạp	Phẫu thuật cắt u thành ngực phức tạp	4.304.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
361	13.0002.0672	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	2.631.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
362	13.0003.0674	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	3.193.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
363	13.0007.0671	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	1.773.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
364	13.0008.0670	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch…)	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch…)	3.211.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
365	13.0011.0707	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	3.783.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
366	13.0012.0708	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	2.751.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
367	13.0013.0649	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	3.713.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
368	13.0017.0652	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	3.576.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
369	13.0018.0625	Khâu tử cung do nạo thủng	Khâu tử cung do nạo thủng	2.475.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
370	13.0032.0632	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	1.959.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
371	13.0067.0657	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	3.396.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
372	13.0068.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	3.536.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
373	13.0069.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	3.536.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
374	13.0070.0681	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	3.536.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
375	13.0071.0679	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	2.872.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
376	13.0072.0683	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
377	13.0074.0686	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	3.888.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
378	13.0075.0668	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	2.782.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
379	13.0092.0683	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng	Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng	2.651.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
380	13.0101.0666	Phẫu thuật Crossen	Phẫu thuật Crossen	3.670.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
381	13.0107.0704	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	5.840.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
382	13.0108.0705	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	3.501.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

383	13.0109.0662	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	2.212.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
384	13.0110.0651	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	2.177.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
385	13.0111.0656	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	2.260.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
386	13.0112.0669	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	2.538.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
387	13.0115.0650	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	2.407.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
388	13.0116.0663	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	3.456.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
389	13.0117.0595	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	3.767.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
390	13.0118.0595	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo	3.767.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
391	13.0120.0616	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	3.636.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
392	13.0122.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp buồng tử cung	5.155.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
393	13.0123.0654	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	3.329.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
394	13.0124.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	5.155.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
395	13.0126.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	5.155.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
396	13.0128.0636	Nội soi buồng tử cung can thiệp	Nội soi buồng tử cung can thiệp	3.859.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
397	13.0129.0636	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	3.859.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
398	13.0130.0636	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	3.859.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
399	13.0132.0685	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	2.478.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
400	13.0136.0628	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	2.104.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
401	13.0140.0627	Khoét chóp cổ tử cung	Khoét chóp cổ tử cung	2.305.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
402	13.0141.0627	Cắt cụt cổ tử cung	Cắt cụt cổ tử cung	2.305.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
403	13.0143.0655	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	1.535.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
404	13.0147.0597	Cắt u thành âm đạo	Cắt u thành âm đạo	1.716.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
405	13.0149.0624	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Khâu rách cùng đồ âm đạo	1.569.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

406	13.0172.0653	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	2.595.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
407	13.0174.0653	Cắt u vú lành tính	Cắt u vú lành tính	2.595.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
408	13.0177.0593	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	2.249.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
409	13.0222.0631	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	2.455.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
410	13.0224.0631	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	2.455.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
411	15.0034.0997	Vá nhĩ đơn thuần	Vá nhĩ đơn thuần	3.204.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí mũi khoan. Chưa bao gồm thuốc và oxy
412	15.0048.0971	Đặt ống thông khí màng nhĩ	Đặt ống thông khí màng nhĩ	2.976.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí mũi khoan. Chưa bao gồm thuốc và oxy
413	15.0049.0971	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	2.976.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Đã bao gồm chi phí mũi khoan. Chưa bao gồm thuốc và oxy
414	15.0097.0960	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	2.033.900	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm mũi Hummer và tay cắt, thuốc và oxy
415	15.0300.0955	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	1.570.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
416	15.0391.0955	Phẫu thuật mở cạnh cổ lấy dị vật (dị vật thực quản, hỏa khí…)	Phẫu thuật mở cạnh cổ lấy dị vật (dị vật thực quản, hỏa khí…)	1.570.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
417	16.0294.1079	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	2.293.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
418	16.0295.0576	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hổng tổ chức	2.149.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
419	16.0348.1089	Phẫu thuật tháo nẹp, vít	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [hai bên]	2.665.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
420	16.0348.1090	Phẫu thuật tháo nẹp, vít	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [xương lồi cầu]	2.663.500	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
421	16.0348.1091	Phẫu thuật tháo nẹp, vít	Phẫu thuật tháo nẹp, vít [một bên]	2.423.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
422	20.0098.0637	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	2.421.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
423	20.0103.0636	Nội soi buồng tử cung can thiệp	Nội soi buồng tử cung can thiệp	3.859.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
424	27.0170.0464	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa tá tràng	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy

425	27.0172.0464	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	Phẫu thuật nội soi khâu thủng ruột non	2.367.100	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm kẹp khóa mạch máu, miếng cầm máu, máy cắt nối tự động và ghim khâu máy cắt nối, thuốc và oxy
426	27.0367.0436	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	Nội soi mở rộng niệu quản, nong rộng niệu quản	1.475.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm sonde JJ, thuốc và oxy
427	27.0383.0426	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa bàng quang	3.721.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
428	27.0385.0426	Nội soi bàng quang cắt u	Nội soi bàng quang cắt u	3.721.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
429	27.0386.0426	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	Cắt u bàng quang tái phát qua nội soi	3.721.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm dao siêu âm hoặc dao hàn mô hoặc dao hàn mạch, thuốc và oxy
430	27.0422.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp	5.155.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
431	27.0423.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ	5.155.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
432	27.0424.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung	5.155.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
433	27.0425.0688	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn	5.155.200	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
434	27.0518.0428	Phẫu thuật nội soi cắt cổ bàng quang	Phẫu thuật nội soi cắt cổ bàng quang	3.721.800	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
435	28.0008.0574	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu	Phẫu thuật điều trị da đầu đứt rời không sử dụng kỹ thuật vi phẫu [diện tích ≥10 cm2]	3.964.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
436	28.0013.0574	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng [diện tích ≥10 cm2]	3.964.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
437	28.0013.0575	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da mỏng [diện tích ≥10 cm2]	2.583.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
438	28.0014.0574	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày [diện tích ≥10 cm2]	3.964.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
439	28.0014.0575	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày	Tạo hình khuyết da đầu bằng ghép da dày [diện tích ≥10 cm2]	2.583.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
440	28.0023.1135	Phẫu thuật tạo vạt giãn da vùng da đầu	Phẫu thuật tạo vạt giãn da vùng da đầu	3.103.400	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
441	28.0066.0575	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	2.583.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
442	28.0108.0575	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	2.583.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
443	28.0111.0575	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	2.583.600	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
444	28.0161.0576	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	2.149.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy

445	28.0162.0576	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hổng tổ chức	2.149.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
446	28.0264.0653	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	2.595.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
447	28.0265.0653	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	2.595.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
448	28.0266.0653	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	2.595.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
449	28.0267.0653	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid	2.595.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
450	28.0280.0571	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tì đè	Phẫu thuật cắt bỏ tổ chức hoại tử trong ổ loét tì đè	2.493.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
451	28.0288.0576	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật	Phẫu thuật điều trị vết thương dương vật	2.149.000	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
452	28.0338.0559	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	Phẫu thuật ghép gân gấp không sử dụng vi phẫu thuật	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
453	28.0340.0559	Nối gân duỗi	Nối gân duỗi	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm gân nhân tạo, thuốc và oxy
454	28.0342.0559	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật	Khâu nối thần kinh không sử dụng vi phẫu thuật [tính 1 gân]	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
455	28.0344.0559	Gỡ dính thần kinh	Gỡ dính thần kinh	2.604.700	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy
456	28.0352.1091	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật [Dùng cho chuyên khoa Răng Hàm Mặt và 1 bên]	2.423.300	Trung tâm y tế khu vực Văn Yên	Chưa bao gồm thuốc và oxy